

Môn: NGỮ VĂN

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

I. Quy định chung

1. Thời gian thi: 150 phút.

2. Hình thức thi: tự luận.

3. Định dạng:

- Số Câu/Bài thi: 4 câu/1 bài thi (Phần Đọc hiểu: 02 câu; Phần Viết: 02 câu).

- Thang điểm: 10.

4. Giới hạn kiến thức: yêu cầu cần đạt về nội dung kiến thức môn Ngữ văn chủ yếu ở lớp 8, lớp 9 Chương trình GDPT 2018.

- Phần Đọc hiểu: yêu cầu cần đạt về nội dung kiến thức môn Ngữ văn chủ yếu ở lớp 8, lớp 9 (văn bản văn học/văn bản nghị luận/văn bản thông tin).

- Phần Viết: thực hiện như cấu trúc đề thi.

5. Lưu ý:

- Việc lựa chọn ngữ liệu cho đề thi: **sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa để đánh giá được chính xác, khách quan năng lực học sinh**; phục vụ trực tiếp cho việc phát triển phẩm chất và năng lực theo mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chương trình; phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức của học sinh lớp 9 (*Học sinh giỏi*); có giá trị về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ; dung lượng ngữ liệu đưa vào đề thi phải đảm bảo đủ thời gian để học sinh đọc hiểu và làm bài, tổng độ dài các ngữ liệu trong đề thi không quá 1200 chữ.

- Phần chú thích của ngữ liệu trong đề thi: giới thiệu ngắn gọn về tác giả, sự nghiệp, phong cách...; nếu đoạn trích trích dẫn từ tác phẩm truyện cần tóm tắt ngắn gọn để học sinh biết được bối cảnh và hiểu văn bản trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Đề thi học sinh giỏi thành phố lớp 9 năm học 2024 - 2025 đảm bảo thống nhất về định dạng và cấu trúc với đề minh họa nhưng cách hỏi và lệnh hỏi không nhất thiết trùng với đề minh họa; các phần trong đề thi có thể được kết nối (*như đề minh họa*) hoặc độc lập từng phần.

II. Cấu trúc đề thi

Phần	Nội dung	Mức độ đánh giá			Điểm	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
Đọc hiểu	- Ngữ liệu: văn bản văn học/ văn bản nghị luận/văn bản thông tin - Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: một đoạn trích/ một văn bản hoàn chỉnh.		- Hiểu được ý nghĩa chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật...; từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ... tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả trong đoạn trích/văn bản văn học. - Hiểu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ, vai trò chi tiết, tác dụng của cách trình bày thông tin, ý nghĩa nhan đề... trong đoạn trích/văn bản thông tin. - Vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề... trong đoạn trích/văn bản nghị luận.	- Rút ra được bài học, thông điệp về cách nghĩ, cách ứng xử do đoạn trích/văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của đoạn trích/văn bản đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.		
	Số câu		01	01		
	Số điểm		1,0	1,0	2,0	
Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.			Viết bài văn		
	Số câu			01		
	Số điểm			3,0	3,0	
	Từ dẫn luận ý kiến bàn về nội dung chủ đề/ nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật/... của thể loại văn học (<i>thơ hiện đại/ truyện ngắn</i>), viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý kiến đó qua việc phân tích một đoạn trích/văn bản cụ thể.				Viết bài văn	
	Số câu			01		
Số điểm			5,0	5,0		
Tổng điểm toàn bài					10	

-----HẾT-----

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

ĐỀ MINH HỌA

(Đề thi gồm 02 trang)

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRỞ LẠI

Hoài Vũ

Chiều trở mình lặng lẽ
Tiếng dế kêu thắc thỏm trước hiên nhà
Con vui mình vào khói bếp
Cho bỏ những ngày rong ruổi đi xa

Hoa khế đầu hồi thơm ngọt
Dịu dàng như thể thương yêu
Bát canh cua đồng mẹ nấu
Ngắn gọn cả lọn khói chiều

Tắm nước giếng khơi mát lạnh
Sạch đi hết bụi bên đời
Bon chen lo toan cũng hết
Chỉ còn nhẹ nhõm thành thơ

Con hóa thành ngày xưa cũ
Chân trần đi giữa tuổi thơ
Nằm nghe lữ tre làng hát
Nước sông ru nhịp đôi bờ

(Dẫn theo Những mảnh ghép của huyền thoại, Nguyễn Thanh Tâm,
NXB Văn học, Hà Nội, 2024, tr.159)

* **Chú thích:** Hoài Vũ tên thật là Nguyễn Đình Vọng, sinh năm 1935, quê ở Quảng Ngãi, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, từng đảm nhiệm các chức vụ: Tổng biên tập báo Văn nghệ giải phóng, Phó giám đốc Nhà xuất bản Tác phẩm mới (Hội Nhà văn Việt Nam). Thơ ông trong sáng, thiết tha, thường viết về quê hương với những khung cảnh Việt Nam xưa, bộc bạch nỗi niềm cảm xúc sâu lắng, nhớ thương quê nhà.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1,0 điểm) Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong những dòng thơ sau:

Nằm nghe lũy tre làng hát

Nước sông ru nhịp đôi bờ

Câu 2. (1,0 điểm) Thông điệp nào trong văn bản có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (8,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Từ bài thơ *Trở lại* của tác giả Hoài Vũ, em hãy viết bài văn nghị luận với chủ đề: *Điểm tựa trong cuộc sống của mỗi người.*

Câu 2. (5,0 điểm)

Bàn về thơ, tác giả Nguyễn Thanh Tâm cho rằng: *Thơ ghi lại hình hài của một điệu sống bằng chính nỗi phập phồng trong trái tim của chữ.*

(Trích *Những mảnh ghép của huyền thoại*, Nguyễn Thanh Tâm,
NXB Văn học, Hà Nội, 2024, tr.24)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên qua việc phân tích bài thơ *Trở lại* của Hoài Vũ.

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.



Họ và tên thí sinh:Số báo danh:

Cán bộ coi thi số 1:Cán bộ coi thi số 2:

Môn: TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thời gian làm bài: 90 phút.
2. Hình thức thi: 100% trắc nghiệm.

II. CẤU TRÚC

Phần 1: Dạng thức câu hỏi được lựa chọn: Câu hỏi nhiều lựa chọn.

Số câu hỏi: 12 câu, mỗi câu trả lời đúng: 0,25 điểm

Mạch kiến thức	Nội dung	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Số-Đại số	Quan hệ chia hết, chia có dư, đồng dư.	01 câu	03 câu	03 câu
	Số nguyên tố, số chính phương.			
	Phương trình nghiệm nguyên.			
	Căn bậc hai, căn bậc ba, phương trình vô tỷ			
	Phương trình và hệ phương trình.			
	Hàm số, đồ thị của hàm số và ứng dụng.			
	Phương trình bậc hai - định lí Viète; phương trình bậc cao.			
	Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức đại số			
Hình học và đo lường	Các kiến thức số học và đại số lớp 6,7,8 khác.	01 câu	01 câu	02 câu
	Tam giác bằng nhau, tam giác đồng dạng.			
	Các tứ giác đặc biệt; đa giác đều.			
	Các định lý Pythagore, Thales....			
	Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.			
	Ứng dụng thực tế của hình học phẳng.			
	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn: vị trí tương đối của hai đường tròn.			
	Góc ở tâm, góc nội tiếp.			
Tứ giác nội tiếp; đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác.				
Tổng kê và xác suất	Các kiến thức hình học lớp 6,7,8 khác.	01 câu		
	Tính xác suất của biến cố trong một số mô hình quen thuộc.			
	Bài toán thực tế vận dụng kiến thức về xác suất.			

Phần 2: Dạng thức câu hỏi được lựa chọn: Lựa chọn Đúng/Sai

Số câu hỏi: 4 câu, mỗi câu gồm 4 ý. Trong đó:

- Trả lời đúng 1 ý được 0,1 điểm;
- Trả lời đúng 2 ý được 0,25 điểm;
- Trả lời đúng 3 ý được 0,5 điểm;
- Trả lời đúng 4 ý được 1,0 điểm.

Mạch kiến thức	Nội dung	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Số-Đại số	Quan hệ chia hết, chia có dư, đồng dư.		01 câu (<i>Chú ý: Mỗi câu gồm 04 ý, trong đó có 1 ý thông hiểu, 02 ý vận dụng, 01 ý vận dụng cao.</i>)	
	Số nguyên tố, số chính phương.			
	Phương trình nghiệm nguyên.			
	Căn bậc hai, căn bậc ba, phương trình vô tỷ			
	Phương trình và hệ phương trình.			
	Hàm số, đồ thị của hàm số và ứng dụng.			
	Phương trình bậc hai – định lí Viète; phương trình bậc cao.			
	Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức đại số			
Các kiến thức số học và đại số lớp 6,7,8 khác.				
Hình học và đo lường	Tam giác bằng nhau, tam giác đồng dạng.		02 câu (<i>Chú ý: Mỗi câu gồm 04 ý, trong đó có 1 ý thông hiểu, 02 ý vận dụng, 01 ý vận dụng cao.</i>)	
	Các tứ giác đặc biệt; đa giác đều.			
	Các định lý Pythagore, Thales,...			
	Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.			
	Ứng dụng thực tế của hình học phẳng.			
	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn; vị trí tương đối của hai đường tròn.			
	Góc ở tâm, góc nội tiếp.			
	Tứ giác nội tiếp; đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác.			
Các kiến thức hình học lớp 6,7,8 khác.				
Thống kê và xác suất	Tính xác suất của biến cố trong một số mô hình quen thuộc.		01 câu (<i>Chú ý: Mỗi câu gồm 04 ý, trong đó có 1 ý thông hiểu, 02 ý vận dụng, 01 ý vận dụng cao.</i>)	
	Bài toán thực tế vận dụng kiến thức về xác suất.			

Phần 3: Dạng thức câu hỏi được lựa chọn: Câu trả lời ngắn
Số câu hỏi: 6 câu, mỗi câu trả lời đúng: 0,5 điểm

Mạch kiến thức	Nội dung	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Số-Đại số	Quan hệ chia hết, chia có dư, đồng dư.		01 câu	02 câu
	Số nguyên tố, số chính phương.			
	Phương trình nghiệm nguyên.			
	Căn bậc hai, căn bậc ba, phương trình vô tỷ			
	Phương trình và hệ phương trình.			
	Hàm số, đồ thị của hàm số và ứng dụng.			
	Phương trình bậc hai – định lí Viète; phương trình bậc cao.			
	Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức đại số			
Các kiến thức số học và đại số lớp 6,7,8 khác.				
Hình học và đo lường	Tam giác bằng nhau, tam giác đồng dạng.	01 câu	01 câu	
	Các tứ giác đặc biệt; đa giác đều.			
	Các định lý Pythagore, Thales,...			
	Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.			

	Ứng dụng thực tế của hình học phẳng.			
	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn; vị trí tương đối của hai đường tròn.			
	Góc ở tâm, góc nội tiếp.			
	Tứ giác nội tiếp; đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp đa giác.			
	Các kiến thức hình học lớp 6,7,8 khác.			
Tổng kê và xác suất	Tính xác suất của biến cố trong một số mô hình quen thuộc.			01 câu
	Bài toán thực tế vận dụng kiến thức về xác suất.			

-----HẾT-----

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu thí sinh chỉ lựa chọn một phương án duy nhất trong các phương án A, B, C, D được đưa ra.

Câu 1. Cho $(x + \sqrt{x^2 + 3})(y + \sqrt{y^2 + 3}) = 3$. Tổng $x + y$ bằng

A. -1

B. 3

C. 1

D. 0

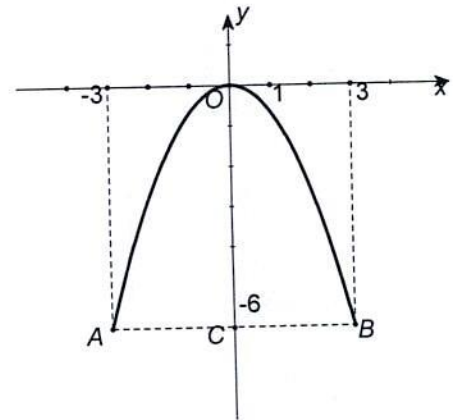
Câu 2. Một cổng có hình dạng parabol, kích thước như trong hình bên. Biết $AB = OC = 6m$. Phương trình của parabol là

A. $y = -\frac{2}{3}x^2$

B. $y = -\frac{1}{3}x^2$

C. $y = -\frac{3}{2}x^2$

D. $y = -\frac{3}{4}x^2$



Câu 3. Tổng các nghiệm của phương trình

$\sqrt{2x+9} = \sqrt{4-x} + \sqrt{3x+1}$ là:

A. 2

B. 3

C. -2

D. $\frac{11}{3}$

Câu 4. Với mỗi số nguyên dương k đặt $S_k = (\sqrt{2} + 1)^k + (\sqrt{2} - 1)^k$. Hệ thức nào dưới đây đúng?

A. $S_{3970} \cdot S_{80} = S_{2025} + S_{1945}$

B. $S_{3970} + S_{80} = S_{2025} \cdot S_{1945}$

C. $S_{3970} - S_{80} = S_{2025} \cdot S_{1945}$

D. $S_{3970} + S_{80} = \sqrt{S_{2025} \cdot S_{1945}}$

Câu 5. Biết giá trị $x_0 = \sqrt{2 + \sqrt{2 + \sqrt{3}}} - \sqrt{6 - 3\sqrt{2 + \sqrt{3}}}$ là nghiệm của phương trình

$x^4 + ax^2 + b = 0$. Khi đó $a + b$ bằng

A. 16

B. 4

C. -4

D. -16

Câu 6. Biết phương trình $x^2 - ax + 2a = 0$ (a là tham số) có các nghiệm nguyên. Tổng tất cả các giá trị có thể có của a là:

A. 1

B. 8

C. 12

D. 16

Câu 7. Các số thực a_1, a_2, \dots, a_n thỏa mãn các điều kiện $a_1^2 + a_2^2 + \dots + a_n^2 = 3$. Bất đẳng thức nào dưới đây là đúng?

A. $\left| \frac{a_1}{2} + \frac{a_2}{3} + \dots + \frac{a_n}{n+1} \right| < \sqrt{2}$.

B. $\left| \frac{a_1}{2} + \frac{a_2}{3} + \dots + \frac{a_n}{n+1} \right| \leq \frac{\sqrt{3}}{2}$.

C. $\left| \frac{a_1}{2} + \frac{a_2}{3} + \dots + \frac{a_n}{n+1} \right| \geq \sqrt{2}$.

D. $\left| \frac{a_1}{2} + \frac{a_2}{3} + \dots + \frac{a_n}{n+1} \right| \geq \sqrt{3}$.

Câu 8. Cho đường tròn $(I; r)$ cố định. Một tam giác ABC thay đổi có chu vi bằng 16 cm, luôn ngoại tiếp đường tròn $(I; r)$. Tiếp tuyến của đường tròn (I) song song với BC cắt các cạnh AB, AC lần lượt tại M và N . Độ dài đoạn thẳng BC bằng bao nhiêu để độ dài đoạn thẳng MN đạt lớn nhất?

- A. 2 cm B. 4 cm C. 4,25 cm D. 4,5 cm

Câu 9. Tam giác ABC vuông tại A . Gọi R và r lần lượt là bán kính các đường tròn ngoại tiếp và nội tiếp tam giác ABC . Khi đó diện tích tam giác ABC tính theo R và r là:

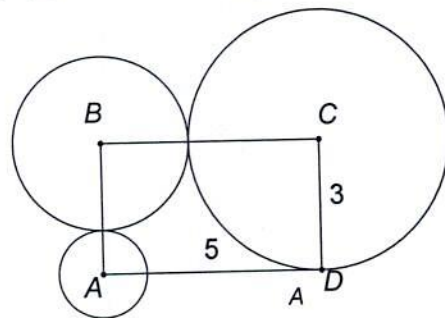
- A. $S = Rr + r^2$ B. $S = 2Rr - r^2$ C. $S = 2Rr + r^2$ D. $S = Rr - r^2$

Câu 10. Hình chữ nhật $ABCD$ có cạnh $CD = 3, DA = 5$. Vẽ

đường tròn tâm A bán kính là 1, một đường tròn tâm B bán kính là 2, một đường tròn tâm C bán kính là 3. Diện tích phần nằm bên trong hình chữ nhật nhưng nằm bên ngoài cả ba

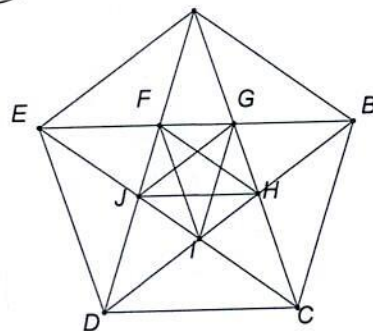
đường tròn bằng bao nhiêu? Lấy $p = \frac{22}{7}$.

- A. 3,5 B. 4,0
C. 4,5 D. 5,0



Câu 11. Cho hình bên. Biết $ABCDE$ là một ngũ giác đều và $AG = 1$. Tổng $FG + JH + CD$ bằng bao nhiêu?

- A. $12 - 4\sqrt{5}$ B. $\frac{5 + 2\sqrt{5}}{3}$
C. $1 + \sqrt{5}$ D. $\frac{11 + 11\sqrt{5}}{10}$



Câu 12. Một tổ gồm 9 em, trong đó có 3 nữ được chia thành 3 nhóm đều nhau. Tính xác suất để mỗi nhóm có một nữ.

- A. $\frac{3}{56}$ B. $\frac{27}{84}$ C. $\frac{53}{56}$ D. $\frac{19}{28}$

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời các câu hỏi từ câu 13 đến câu 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chỉ chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Cho phương trình $ax^2 + bx + c = 0$ (1) và $cx^2 + bx + a = 0$ (2) (với x là ẩn, a, b, c là các số cho trước, $a > c > 0$).

- a) Phương trình (1) và (2) cùng có nghiệm hoặc cùng vô nghiệm.
b) Nếu phương trình (2) có hai nghiệm cùng âm thì phương trình (1) có hai nghiệm cùng âm.
c) Nếu phương trình (1) có nghiệm x_1, x_2 ; phương trình (2) có nghiệm x_1', x_2' và $x_1 + x_2 > x_1' + x_2'$ thì $b > 0$.
d) Nếu phương trình (1) và (2) đều vô nghiệm thì $b > a + c$.

Câu 14. Cho tam giác ABC , đường phân giác AD ($D \in BC$). Đặt $BC = a, AC = b, AB = c$.

Khi đó

a) $\frac{BD}{AB} = \frac{a}{b+c}$.

b) $\sin \frac{\widehat{BAC}}{2} \geq \frac{a}{b+c}$.

c) $\sin \frac{\widehat{BAC}}{2} \cdot \sin \frac{\widehat{ABC}}{2} \cdot \sin \frac{\widehat{ACB}}{2} \leq \frac{1}{8}$.

d) $AD = \frac{2bc \cdot \cos \frac{\widehat{BAC}}{2}}{a}$.

Câu 15. Cho hai đường tròn $(O_1; R_1)$ và $(O_2; R_2)$ với $R_1 > R_2$ tiếp xúc trong với nhau tại A . Đường thẳng O_1O_2 cắt $(O_1; R_1)$ và $(O_2; R_2)$ lần lượt tại B và C khác A . Đường thẳng đi qua trung điểm D của BC và vuông góc với BC cắt $(O_1; R_1)$ tại P và Q .

a) C là trọng tâm của tam giác APQ .

b) Gọi M là giao điểm của AP và (O_2) , khi đó $AD \cdot MQ = AM \cdot DQ + DM \cdot AQ$.

c) $PD^2 = (R_1 - R_2)^2$

d) Gọi D_1, D_2, D_3, D_4 lần lượt là hình chiếu vuông góc của D trên các đường thẳng

BP, PA, AQ, QB , khi đó $DD_1 + DD_2 + DD_3 + DD_4 \leq \frac{1}{4}(BP + PA + AQ + QB)$.

Câu 16. Một người chơi trò phi tiêu vào một tấm bia hình tròn được chia làm 5 phần bằng nhau, trên các phần điền số điểm tương ứng là 1; 2; 3; 4 và 5. Giả sử kết quả các lần phi tiêu là độc lập và lần nào cũng ném trúng bia.

a) Xác suất người đó ném một lần được 5 điểm là 0,2.

b) Người đó phi tiêu 2 lần liên tiếp, xác suất để hai lần có cùng số điểm là 0,04.

c) Người đó phi tiêu 2 lần liên tiếp, xác suất để lần thứ hai được điểm cao hơn lần thứ nhất là 0,4.

d) Người đó phi tiêu 5 lần liên tiếp, xác suất để có 3 lần được 5 điểm là 0,0512.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Thí sinh trả lời các câu hỏi từ câu 17 đến câu 22.

Câu 17. Biết $(x_0; y_0)$ là một nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x^2(x-3y) = -16 \\ y^3 + 16 = 3xy^2 \end{cases}$. Giá trị của biểu

thức $x_0 + 2y_0$ bằng bao nhiêu?

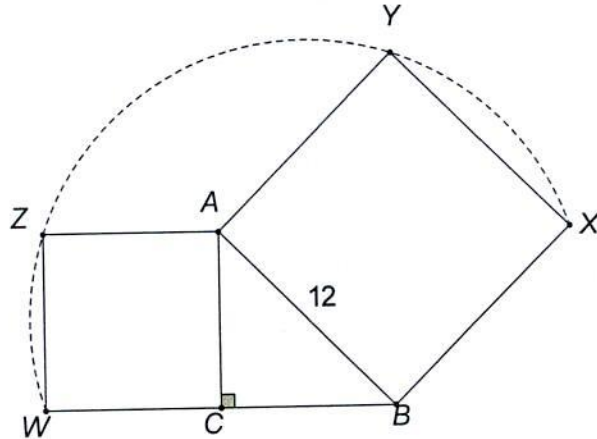
Câu 18. Tìm số tự nhiên n biết n là số tự nhiên có ba chữ số nhỏ nhất thỏa mãn $2^{3n+4} + 3^{2n+1}$ chia hết cho 19.

Câu 19. Cho $x, y, z \geq 0$ và thỏa mãn điều kiện $x + y + z = 1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu

thức $P = \frac{x}{1+y^2+z^2} + \frac{y}{1+z^2+x^2} + \frac{z}{1+x^2+y^2}$.

Câu 20. Cho tam giác nhọn ABC hai đường cao AD và BE cắt nhau tại H . Biết $HD : HA = 1 : 2$. Tính tích $\tan B \cdot \tan C$.

Câu 21. Cho tam giác ABC vuông tại C có $AB = 12$. Vẽ hai hình vuông $ABXY$ và $ACWZ$ nằm bên ngoài tam giác ABC . Biết rằng các điểm X, Y, Z và W cùng nằm trên một đường tròn (hình vẽ). Tính chu vi tam giác ABC (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai).



Câu 22. Cho 8 quả cân có trọng lượng lần lượt là: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 (kg). Chọn ngẫu nhiên 3 quả trong số đó. Xác suất để trọng lượng 3 quả không nhỏ hơn 10 (kg) là bao nhiêu?

--- Hết ---

(Thí sinh không sử dụng tài liệu, cán bộ coi thi không cần giải thích gì thêm)

Họ tên thí sinh.....Số báo danh.....
 Cán bộ coi thi số 1.....Cán bộ coi thi số 2.....

Môn: TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

A. QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Thời gian thi: 90 phút
2. Hình thức thi: 100% trắc nghiệm 4 phương án, duy nhất 1 đáp án
3. Định dạng:
 - Số câu: 80 câu
 - Thang điểm: 0,125 điểm/ câu
 - Nội dung câu hỏi và bài tập: Không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 3 năm gần đây.
4. Giới hạn kiến thức: thuộc chương trình môn Tiếng Anh THCS theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.
5. Phải xây dựng ma trận trước khi ra đề.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

TT	Nội dung	Bài	Cấp độ/Miêu tả	Số câu	Số điểm
1	Kỹ năng nghe	Hội thoại	B1 Nghe đoạn hội thoại ngắn, chọn câu trả lời đúng	5	0,625
		Độc thoại/Phỏng vấn	B1 Nghe chọn câu trả lời đúng	5	0,625
2	Ngữ âm	Tìm từ gạch chân có phát âm khác	Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, âm câm, âm cuối "ed"/"s"..	5	0,625
		Tìm từ có cách đánh trọng âm khác	Từ 2 đến 5 âm tiết, từ ghép	5	0,625
3	Từ vựng, ngữ pháp	Hoàn thành câu	Ngữ pháp: 2 câu Từ loại: 2 câu Kết hợp từ: 2 câu Thành ngữ: 1 câu Phrasal verbs: 2 câu Giới từ: 2 câu	20	2,5
		Chọn từ/cụm từ đồng nghĩa	2 câu		
		Chọn từ/cụm từ trái nghĩa	2 câu		

TT	Nội dung	Bài	Cấp độ/Miêu tả	Số câu	Số điểm
		Chọn lời đáp phù hợp trong tình huống giao tiếp cho sẵn	2 câu		
		Nhận diện lỗi sai	3 câu (2 ngữ pháp, 1 thành ngữ)		
4	Kĩ năng đọc	Đọc, điền từ vào chỗ trống	Văn bản dài 200 – 250 từ	10	1,25
		Đọc trả lời câu hỏi	Văn bản dài 250 – 300 từ	5	0,625
		Đọc trả lời câu hỏi	Văn bản dài 350 – 400 từ	10	1,25
5	Kĩ năng viết	Chọn câu gần nghĩa	Chọn 1 câu gần nghĩa nhất với câu đã cho	5	0,625
		Kết hợp câu	Chọn câu được kết hợp tốt nhất từ hai câu đã cho	5	0,625
		Chọn câu viết đúng	Chọn câu được viết đúng nhất từ các từ/cụm từ đã cho	5	0,625
	Tổng			80	10,00

Lưu ý: Phần nghe giới hạn trong khoảng thời gian không quá 20 phút, định dạng file nghe đuôi .mp3.

-----HẾT-----

(Đề thi có 07 trang, gồm 80
câu trắc nghiệm)

Chú ý: Thí sinh làm bài vào phiếu trả lời trắc nghiệm.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu, bao gồm cả từ điển.

SECTION A. LISTENING

I. Listen to people talking in five different situations. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions. You will listen to each dialogue twice.

1. You will hear two friends talking about a school trip to a wildlife park.

The boy thinks that wildlife parks _____.

- A. should just have animals from places with similar climates
- B. are great for teaching people about nature
- C. help to save many rare animals
- D. should put more posters in visible places

2. You will hear two friends discussing a talk they went to.

They agree that _____.

- A. the speaker was amusing
- B. the information in the talk was useful
- C. the pictures the speaker showed were interesting
- D. the talk gave them good ideas for their project

3. You will hear two friends talking about a film they have just watched.

They agree that _____.

- A. the film ended surprisingly
- B. it was better than the previous film they saw
- C. everyone else in the cinema seemed to like it
- D. it was hard to follow the film

4. You will hear a boy telling his friend about his bicycle.

Why does he want to sell it?

- A. He needs the money.
- B. He rarely uses it.
- C. He would like to buy a better bike.
- D. It is small and damaged.

5. You will hear a wife and her husband talking about housework.

The woman thinks _____.

- A. they should get the children to do more
- B. the husband should be more organised
- C. they should employ a cleaner
- D. their children have made them pleased

II. You will hear an interview with a man called Matt Jennings, who helps people with online security. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions. You will listen twice.

6. Matt says that _____.

- A. people are taking better care about email safety

- B. criminals notice when we don't do things correctly
 C. we are inventing ways to beat the criminals
 D. criminals are better at noticing new things than us
7. When you receive an email telling you to change your password, Matt says you should _____.
 A. change your password on the company website if necessary
 B. keep a copy of the email
 C. change your email password
 D. make a copy of your email password
8. What does Matt say about an email he received?
 A. It came from an address he recognised.
 B. He thought it was OK.
 C. He replied to one the other day.
 D. It included a link that can be unsafe.
9. After Matt received the email, _____.
 A. he received a second email
 B. he phoned his friend
 C. he sent his friend an email
 D. he sent his friend some money
10. What does Matt say about passwords?
 A. Try to use more than just letters and numbers.
 B. Most passwords can be guessed easily.
 C. People never remember them.
 D. Words are easier to memorize than numbers.

SECTION B. PHONOLOGY

I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose bold part is pronounced differently from that of the others in each group.

- | | | | |
|---------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|
| 11. A. equa tion | B. op tion | C. inspi ration | D. graduat ion |
| 12. A. dress ed | B. rag ged | C. crook ed | D. wretch ed |
| 13. A. th iamine | B. bo th | C. th ereabouts | D. nor th ern |
| 14. A. frag ra nce | B. fal l acy | C. l atter | D. a bstract |
| 15. A. h ilarious | B. rh o mbus | C. ex h ilarate | D. h onorable |

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose stress pattern is different from that of the others in each group.

- | | | | |
|-----------------------|------------------|----------------|-------------------|
| 16. A. magnificent | B. memorandum | C. oxymoron | D. confidential |
| 17. A. interpretative | B. miscellaneous | C. documentary | D. hypersensitive |
| 18. A. exposure | B. terminal | C. utterance | D. discipline |
| 19. A. mountaineer | B. magician | C. aquatic | D. committee |
| 20. A. upon | B. uptake | C. uproar | D. upside |

SECTION C. VOCABULARY AND GRAMMAR

I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

21. When Peter arrives at the station, he will recognize Mary easily. She _____ a red dress then.
 A. will be wearing B. wears C. will wear D. will have worn
22. There are many _____ in our library.
 A. interesting old American history books B. interesting American old history books
 C. old American interesting history books D. American interesting old history books
23. If you are _____ treated during the initial contact, it is unlikely to get any better.
 A. disrespectfully B. respectfully C. disrespectful D. respectful

24. A crowd of _____ gathered at the scene of the crash, leading to a hold-up on the motorway.
A. bystanders B. standbys C. outstanding D. understandably
25. Would passengers please _____ from using any electronic equipment until the plane is airborne?
A. refrain B. resist C. restrain D. recede
26. Hundreds of people are sleeping _____ on the streets of the city.
A. rough B. bumpy C. sharp D. harsh
27. The two groups of bullies fought _____ before the police came last night.
A. tooth and nail B. head over heels
C. heart and soul D. flesh and blood
28. She believes that all countries should _____ death penalty as it is inhumane.
A. do away with B. put down to C. come down with D. cut out for
29. I didn't think he'd _____ such a pathetic lie, but he believed every word of it.
A. fall for B. fall out C. take in D. take up
30. Adam felt sick _____ heart after his girlfriend had walked out _____ him.
A. at-on B. by-of C. to-of D. in-from
31. She gladly gave up her part-time job to devote herself entirely _____ her art.
A. to B. on C. from D. for

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each sentence.

32. Doing repetitive tasks can sometimes lead to a lack of challenge in one's career.
A. monotonous B. arduous C. menial D. exhausting
33. Career orientation programmes help students understand their career choices.
A. guidance B. ladder C. loss D. change

III. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word in each sentence.

34. In the first two decades of its existence, the cinema developed rapidly.
A. sluggishly B. shortly C. casually D. weakly
35. Don't get angry at such a thing. It's only a storm in a teacup.
A. a serious problem B. a trivial thing
C. a commercial tension D. a financial issue

IV. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct response to each situation in each of the following exchanges.

36. *Susan and Laura are talking about endangered species.*
Susan: "Many species become endangered because of poaching."
Laura: "_____. It should be prevented at all costs."
A. I'm in complete accord with that B. I could agree with you
C. I don't think so D. I'm afraid not
37. *Bill is inviting Natalia to dinner.*
Bill: "I'm having some friends over for dinner this Saturday. Would you like to join us?"
Natalia: "_____"
A. Can I take a rain check? B. Come on. It's your turn.
C. Thanks, but I mustn't. D. As a matter of fact, I do.

V. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the part of the sentence that is incorrect.

38. Since three fourths of our planet's surface is covered with water, the amount of fresh water is just 3%.
A. Since B. fourths C. is covered D. fresh water
39. The boy, together with his parents, frequently pay a visit to the botanical garden at weekends.
A. pay B. together C. at D. the

40. There has been nothing good on TV for weeks. Good programs are few but far between.
A. few but B. has been C. for D. between

SECTION D. READING

I. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

The knowledge and eloquence that people gain through travelling is usually perceived as the best (41) _____ in life. It is the inquisitive human nature that (42) _____ people to seek thrilling experiences and to set out on an exploration trip. Those who travel frequently and to diverse places benefit from establishing new relationships and (43) _____ a better knowledge about other cultures and lifestyles.

However, there is a (44) _____ of truth in the assumption that people are prone to (45) _____ clichés and unfounded prejudices about other nations and their characteristics. Sometimes, it is only the first-hand encounter that can help change the (46) _____ towards the so-called 'inferior communities'. This direct contact with a different civilisation enables travelers to (47) _____ their baseless assumptions and get acquainted with the real concept of life in all four corners of the globe.

(48) _____ question, travelling (49) _____ friendship and makes it easier for many individuals to acknowledge the true value of different traditions and customs. Yet, it does not always mean enjoyment. It may also involve coming close with the atrocities of real existence as well as becoming aware of the challenges and hardships that other people have to struggle with. Hence, a true voyage is the one with a good deal of experience to (50) _____ about, very often combined with exposure to abhorrent sights and incredible ordeals. The learning to be complete, thus, requires an ability to observe and analyse the surroundings, both their glamour and brutality.

- | | | | |
|--------------------|----------------|---------------|---------------|
| 41. A. fulfilment | B. completion | C. conclusion | D. resolution |
| 42. A. impels | B. involves | C. entails | D. pursues |
| 43. A. acquiring | B. educating | C. learning | D. exacting |
| 44. A. grain | B. speck | C. scrap | D. tip |
| 45. A. cherishing | B. persevering | C. indulging | D. persisting |
| 46. A. approach | B. manner | C. outlook | D. prejudice |
| 47. A. drop | B. cease | C. fail | D. quit |
| 48. A. Beyond | B. Apart | C. Unfailing | D. Beneath |
| 49. A. facilitates | B. affords | C. elicits | D. incites |
| 50. A. reminisce | B. commemorate | C. resemble | D. remind |

II. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

WEIGHT PROBLEMS

It was once believed that being overweight was healthy, but nowadays few people subscribe to this viewpoint. Whilst many people are fighting the battle to reduce weight, studies are being conducted concerning the appetite and how it is controlled by both emotional and biochemical factors. Some of the conclusions of these studies may give insights into how to deal with weight problems. For example, when several hundred people were asked about their eating habits in times of stress, 44 per cent said they reacted to stressful situations by eating. Further investigations with both humans and animals indicated that it is not food which relieves tension but rather the act of chewing.

A test in which subjects were blindfolded showed that obese people have a keener sense of taste and crave more flavourful food than nonobese people. When deprived of the variety and intensity of tastes, obese people are not satisfied and consequently eat more to fulfil this need. Blood samples taken from people after they were shown a picture of food revealed that overweight people reacted with an increase in blood insulin, a chemical associated with appetite. This did not happen to average weight people.

In another experiment, results showed that certain people have a specific, biologically induced hunger for carbohydrates. Eating carbohydrates raises the level of serotonin, a neurotransmitter in the brain. Enough serotonin produces a sense of satiation, and hunger for carbohydrates subsides.

Exercise has been recommended as an important part of a weight loss programme. However, it has been found that mild exercise, such as using the stairs instead of the elevator, is better in the long run than taking on a strenuous programme, such as jogging, which many people find difficult to continue over long periods of time and which also increases appetite.

51. The word "it" in paragraph 1 refers to _____.
- A. appetite B. weight C. emotional factor D. the battle
52. In order to lose weight, it would be a good idea for heavy people to _____.
- A. avoid stressful situations and eat spicy foods
B. walk up stairs and look at pictures of food
C. eat plenty of chewy carbohydrates
D. jog 3 miles daily and chew on carrot sticks
53. Which of the following exercises might be best for an overweight person to engage in daily?
- A. An evening walk B. A long swim
C. Cross-country skiing D. 10-mile bicycle rides
54. It can be inferred from the passage that _____.
- A. weight watchers should chew on something inedible when tense
B. thin people don't eat when under stress
C. overweight people are tense
D. 56 per cent of the population isn't overweight
55. Why does the writer mention using the stairs in the last paragraph?
- A. To give an example of mild exercise as part of a weight loss programme
B. To illustrate why weight watchers fail to continue some activities over long periods
C. To give an example of a strenuous programme for weight watchers
D. To warn weight watchers of activities they should not perform in the long run

III. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Long before they can actually speak, babies pay special attention to the speech they hear around them. Within the first month of their lives, babies' responses to the sound of the human voice will be different from their responses to other sorts of auditory stimuli. They will stop crying when they hear a person talking, but not if they hear a bell or the sound of a rattle. At first, the sounds that an infant notices might be only those words that receive the heaviest emphasis and that often occur at the ends of utterances. By the time they are six or seven weeks old, babies can detect the difference between syllables pronounced with rising and falling inflections. Very soon, these differences in adult stress and intonation can influence babies' emotional states and behavior. Long before they develop actual language comprehension, babies can sense when an adult is playful or angry, attempting to initiate or terminate new behavior, and so on, merely on the basis of cues such as the rate, volume, and melody of adult speech.

Adults make it as easy as they can for babies to pick up a language by exaggerating such cues. One researcher observed babies and their mothers in six **diverse** cultures and found that, in all six languages, the mothers used simplified syntax, short utterances and nonsense sounds, and transformed certain sounds into baby talk. Other investigators have **noted** that when mothers talk to babies who are only a few months old, they exaggerate the pitch, loudness, and intensity of their words. **They** also exaggerate their facial expressions, hold vowels longer, and emphasize certain words.

More significant for language development than their response to general intonation is observation that tiny babies can make relatively fine distinctions between speech sounds. In other words, babies enter the

world with the ability to make precisely those perceptual discriminations that are necessary if they are to acquire aural language.

Babies obviously derive pleasure from sound input, too: even as young as nine months they will listen to songs or stories, although the words themselves are beyond their understanding. For babies, language is a sensory-motor delight rather than the route to prosaic meaning that it is often for adults.

56. What does the passage mainly discuss?
- A. How babies perceive and respond to the human voice in their earliest stages of language development
 - B. The differences between a baby's and an adult's ability to comprehend language
 - C. How babies differentiate between the sound of the human voice and other sounds
 - D. The response of babies to sounds other than the human voice
57. Why does the author mention a bell and a rattle in paragraph 1?
- A. To contrast the reactions of babies to human and nonhuman sounds
 - B. To give examples of sounds that will cause a baby to cry
 - C. To explain how babies distinguish between different nonhuman sounds
 - D. To give examples of typical toys that babies do not like
58. Why does the author mention syllables pronounced with rising and falling inflections in paragraph 1?
- A. To illustrate that a six-week-old baby can already distinguish some language differences
 - B. To demonstrate how difficult it is for babies to interpret emotions
 - C. To provide an example of ways adults speak to babies
 - D. To give a reason for babies' difficulty in distinguishing one adult from another
59. The word "**diverse**" in paragraph 2 is closest in meaning to _____.
- A. different
 - B. divided
 - C. surrounding
 - D. stimulating
60. The word "**noted**" in paragraph 2 is closest in meaning to _____.
- A. observed
 - B. requested
 - C. disagreed
 - D. theorized
61. The word "**They**" in paragraph 2 refers to _____.
- A. mothers
 - B. investigators
 - C. babies
 - D. words
62. The passage mentions all of the following as ways adults modify their speech when talking to babies EXCEPT _____.
- A. giving all words equal emphasis
 - B. speaking with shorter sentences
 - C. speaking more loudly than normal
 - D. using meaningless sounds
63. Which of the following can be inferred about the findings described in paragraph 2?
- A. Mothers from different cultures speak to their babies in similar ways.
 - B. Babies who are exposed to more than one language can speak earlier than babies exposed to a single language.
 - C. Babies ignore facial expressions in comprehending aural language.
 - D. The mothers observed by the researchers were consciously teaching their babies to speak.
64. What point does the author make to illustrate that babies are born with the ability to acquire language?
- A. Babies notice even minor differences between speech sounds.
 - B. Babies exaggerate their own sounds and expressions.
 - C. Babies are more sensitive to sounds than are adults.
 - D. Babies begin to understand words in songs.
65. According to the author, why do babies listen to songs and stories, even though they can not understand them?
- A. They enjoy the sound.
 - B. They understand the rhythm.
 - C. They can remember them easily.
 - D. They focus on the meaning of their parents' words.

SECTION D. WRITING

I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

66. I am sure Derek's cycling around the neighbourhood because his bike is not here.

- A. Derek must be cycling around the neighbourhood because his bike is not here.
- B. Derek may be cycling around the neighbourhood because his bike is not here.
- C. His car not being here, Derek might be cycling around the neighbourhood.
- D. Derek can't be cycling around the neighbourhood because his bike is not here.

67. They report that hundreds of people have been trapped in the earthquake.

- A. Hundreds of people are reported to have been trapped in the earthquake.
- B. Hundreds of people have been reported to have been trapped in the earthquake.
- C. It is in the earthquake that hundreds of people have been reported being trapped.
- D. The earthquake is reported to have been trapped by hundreds of people.

68. My father was sound asleep in his chair, worn out after a day at work.

- A. So worn out after a day at work was my father that he was sound asleep in his chair.
- B. So worn out after a day at work had my father that he was sleeping soundly in his chair.
- C. My father had such a day at work that he was sound asleep in his chair after being worn out.
- D. Much as my father had been worn out after a day at work, he was sound asleep in his chair.

69. Tim said he had no idea what he was doing for the first few weeks of his new job.

- A. Tim said he was out of his depth for the first few weeks of his new job.
- B. Tim said he wanted to do nothing for the first few weeks of his new job.
- C. Tim said what he was doing for the first few weeks of his new job was not his idea.
- D. Tim said he was out of his ability for the first few weeks of his new job.

70. The doctor said, "You really ought to rest for a few days, Joe."

- A. The doctor strongly advised Joe to take a few days' rest.
- B. Joe's doctor insisted that he rested for a few days.
- C. The doctor suggested that Joe took a short rest.
- D. It is the doctor's recommendation that Joe rested shortly.

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best combines each pair of sentences in the following questions.

71. My mother encouraged me in my choice of career. That's why I am a singer now.

- A. If it hadn't been for my mother's encouragement in my choice of career, I wouldn't be a singer now.
- B. Hadn't my mother encouraged me in my choice of career, I would not be a singer now.
- C. If my mother hadn't been courageous in my choice of career, I would never have been a singer now.
- D. Without my mother's encouragement in my choice of career, I would be a singer now.

72. The plane took off. Emma realized that her handbag was still at the airport only then.

- A. Not until the plane took off did Emma realize that her handbag was still at the airport.
- B. Not until the plane had taken off that Emma realized that her handbag was still at the airport.
- C. Not until did the plane take off, Emma realized that her handbag was still at the airport.
- D. It was not until the plane took off did Emma realize that her handbag was still at the airport.

73. I do my homework and schoolwork in separate books. I don't get muddled up.

- A. I do my homework and school work in separate books so that I don't get muddled up.
- B. I would get muddled up if I did not separate homework from school work.
- C. I do not get muddled up due to the separation between homework and school work.
- D. Having two separate books at home and at work helps me avoid getting muddled up.

74. Several scientists attended the conference. None of them had any previous research collaboration together.

- A. The conference was attended by several scientists, none of whom had previously collaborated on research together.

- B. Though none of the scientists had previously collaborated together, they were invited to the conference.
- C. None of the scientists who attended the conference had any plan to collaborate on research together.
- D. Several scientists attended the conference in which none of whom had previously done research together.

75. Laura immediately phoned her husband and told him the news. She was surprised at it.

- A. Surprised to hear the news, Laura phoned her husband and told him about it immediately.
- B. Laura immediately phoned her husband and told him, who was surprised by the news.
- C. Laura immediately phoned her husband and told him the news, which she was surprised.
- D. Surprised as she was to hear the news, Laura phoned her husband and told him immediately.

III. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is BEST written from the words/phrases given.

76. person/ reach/ adulthood,/ he/ have/ learn/ rough/ smooth.

- A. When a person reaches his adulthood, he has to learn to take the rough with the smooth.
- B. For a person to reach adulthood, he has to learn rough between smooth.
- C. As soon as a person reaches adulthood, he will learn how to take the rough out of the smooth.
- D. If a person wants to reach adulthood, he has to learn to navigate the rough through the smooth.

77. Pay/ rent/ really/ eat/ salary/ every month.

- A. Paying the rent really eats into my salary every month.
- B. To pay the rent really eats out of my salary every month.
- C. Not paying the rent will really eat away my salary every month.
- D. To pay for the rent, I really need to eat up my salary every month.

78. I/ sooner/ you/ not/ let/ know/ time being.

- A. I would sooner you didn't let this be known for the time being.
- B. I would sooner it if you didn't let this be known for the time being.
- C. I'd sooner you hadn't let anyone know about this for the time being.
- D. I'd sooner you not to let anyone know about this for the time being.

79. employees/ odds/ boss/ new management policies.

- A. The employees were at odds with their boss over the new management policies.
- B. The employees had odds and ends with their boss concerning new management policies.
- C. The employees made no odds with their boss about new management policies.
- D. The employees went against all odds with their boss on the new management policies.

80. Now/ I/ not/ set/ much/ store/ casual friendships/ used to.

- A. Now I don't set as much store by casual friendships as I used to.
- B. Now I don't set more store on casual friendships than I used to.
- C. Now I don't set as much store on casual friendships as I used to.
- D. Now I'm not setting as much stored by casual friendships as I used to.

AUDIO SCRIPTS



Task 1. Listen to people talking in five different situations. For each question, choose the correct answer. You will listen to each dialogue twice.

1. You will hear two friends talking about a school trip to a wildlife park.

Girl: Did you enjoy the wildlife park?

Boy: I thought it was OK. Though I'd prefer it if places like that only had animals that feel at home with the local weather, even if they're ones that are in danger. It seems unfair keeping animals from hot countries in parks where it's cold.

Girl: You couldn't learn about animals from other places then.

Boy: True, but on the trip, most of them were so far away it was impossible to study them properly.

Girl: At least there were posters about all of the animals.

Boy: No one was actually reading them, though.

Now listen again.

2. You will hear two friends discussing a talk they went to.

Boy: I enjoy it when the college organises talks like that.

Girl: Me too, and what the speaker was talking about gave me some good ideas for my science project.

Boy: I'm doing mine on a very different topic, actually. It was interesting, though. She's obviously done a lot of talks like this before - she knows exactly how to get everyone's attention by including some funny stories as well as the serious stuff.

Girl: I couldn't stop laughing at one of them. I liked the photos of those old scientists in her presentation.

Boy: I've seen most of them before on the internet, actually.

Now listen again.

3. You will hear two friends talking about a film they have just watched.

Girl: So what did you think of the film?

Boy: It was pretty good, I thought. It was quite long but it was certainly more interesting than the last one we watched.

Girl: I don't know. I found it rather slow and a bit hard to follow in places. And I noticed a lot of people in the seats around us left before it ended.

Boy: Yes they did, and it was a shame because they missed the best bit in the last few minutes. I really didn't expect it to finish like that.

Girl: That was quite a shock, wasn't it?

Now listen again.

4. You will hear a boy telling his friend about his bicycle.

Girl: I think I've just seen an ad on the notice board for your bike. Are you really selling it?

Boy: Yes, it's in great condition and I should get a good price for it. Then I can get a brand-new phone.

Girl: I'm really surprised. I often see you riding it when I'm going to school, even on cold winter mornings.

Boy: Yes, I know I'll miss it but I won't get enough money to replace it with another one and buy a new phone. The screen on the one I've got is just too small and it's damaged, too.

Now listen again.

5. You will hear a wife and her husband talking about housework.

Woman: Have you seen how untidy the living room is? The children have left it in a mess again.

Man: I know. To be fair, they've done a lot more around the house since we spoke to them last week.

Woman: They started well, but I think we need to have another talk with them. We're both so busy trying to organise work and home. And I'd love to get some outside help but I'm not sure about your idea of getting a cleaner.

Man: OK, I'll have another talk with them later.

Now listen again.

Task 2. You will hear an interview with a man called Matt Jennings, who helps people with online security. For each question, choose the correct answer. You will listen twice.

Interviewer: Today I'm speaking to Matt Jennings about using email safely.

Matt: Hi. Thanks for inviting me on. People are generally taking more care to protect themselves and noticing things that aren't correct, but at the same time criminals are getting better at inventing new ways to get what they want.

Interviewer: So give us some of your tips for email safety.

Matt: Let's start with the emails you might receive. Every day I get at least one telling me I need to change my password on a company website. Sometimes I don't even have an account with the company, so I know immediately that this email needs deleting. But if you do recognise the company and think you may have an account with them, do not click any links in the email.

Interviewer: So what should we do?

Matt: Go to the company website and log in with your personal details. If you're concerned about security, simply change your password on the website itself. The link in the email might take you to a website that looks like the company's but could be a copy. Any information you add will be seen by the criminals.

Interviewer: OK, so what's your next tip?

Matt: OK, there are emails that arrive telling you that someone is in trouble and needs your help urgently. I had one the other day from an email address of someone I know. It said they had lost their purse and needed money to get home. It started 'Dear Matt' and ended with the name of the person. To a lot of people, it would look OK.

Interviewer: So what did you do?

Matt: I certainly didn't send any money. Not long after, I received another email from the same address, this time from my friend. She explained that someone had got into her email account and had sent the earlier message. But even if she hadn't contacted me, I would have tried to phone her to check that everything was OK.

Interviewer: We need a strong password on our email account then?

Matt: Yes, on all your accounts really. And don't use passwords that people can easily guess. If you use words, and people do because they can remember them, change some letters for numbers, so use *l* instead of *i*, or *zero* instead of *o*. And start the password with an unusual character like a question mark or full stop. And make sure one of the letters is a capital.

Now, listen again.

Môn: Khoa học Tự nhiên

(Kèm theo Quyết định số 1036 /QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

I. Quy định chung

- (1). Thời gian làm bài thi: 90 phút (Không tính thời gian phát đề).
- (2). Phạm vi kiến thức: Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 6, 7, 8, 9 đến thời điểm thi theo mạch nội dung của Chương trình GDPT môn Khoa học Tự nhiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (3). Hình thức bài thi: Trắc nghiệm 100%.
- (4). Mức độ nhận thức trong đề thi: Hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao.
- (5). Các câu trong đề thi không trùng với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.

II. Cấu trúc đề thi

(1). Đề thi gồm 3 Phần I, II, III theo 3 dạng thức trắc nghiệm:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.

- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai.

- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu hỏi có 1 lệnh hỏi và kết quả mỗi lệnh có tối đa 4 chữ số.

(2). Bảng quy định cho từng phần

Phần	Dạng thức trắc nghiệm	Số câu/ý hỏi chia theo mức độ nhận thức			Tổng
		Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
I	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	15 câu	9 câu		24 câu
II	Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai		3 câu	3 câu	6 câu
III	Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn		6 câu	10 câu	16 câu

III. Cách thức tính điểm

(1). Phần I (6 điểm): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

(2). Phần II (6 điểm):

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,10 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,50 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,00 điểm.

(3). Phần III (8 điểm): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

Tổng điểm tối đa toàn bài: 20 điểm.

IV. Bảng nội dung và mức độ tư duy (TH: Thông hiểu; VD: Vận dụng; VDC: Vận dụng cao)

TT	Mạch kiến thức	Nội dung	Số câu Phần I			Số câu Phần II			Số câu Phần III		
			TH	VD	VDC	TH	VD	VDC	TH	VD	VDC
1	Khối lượng riêng và áp suất	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng riêng. - Thực hành xác định khối lượng riêng. - Áp suất trên một bề mặt. - Lực đẩy Archimedes. 	1				1			1	
2	Nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lượng nhiệt. - Đo năng lượng nhiệt. - Nhiệt lượng. 	1								1
3	Năng lượng cơ học	<ul style="list-style-type: none"> - Động năng. - Thế năng. - Cơ năng. - Công và công suất. 	1	1						1	
4	Ánh sáng	<ul style="list-style-type: none"> - Khúc xạ ánh sáng. - Phản xạ toàn phần. - Lăng kính. - Thấu kính. 	1	1			1				1
5	Điện	<ul style="list-style-type: none"> - Điện trở, định luật Ohm. - Đoạn mạch một chiều mắc nối tiếp, mắc song song. - Năng lượng điện và công suất điện. 	1	1							1
6	Nguyên tử. Nguyên tố hóa học.	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về nguyên tử. - Nguyên tố hóa học. 	1								1
7	Phân tử	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về liên kết hóa học. 	1								
8	Kim loại, sự khác nhau giữa kim loại và phi kim	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất chung của kim loại. - Dây hoạt động hóa học của kim loại. - Tách kim loại. Sử dụng hợp kim. - Sự khác nhau cơ bản giữa kim loại, phi kim. 	1	1			1				1

TT	Mạch kiến thức	Nội dung	Số câu Phần I			Số câu Phần II			Số câu Phần III		
			TH	VD	VDC	TH	VD	VDC	TH	VD	VDC
9	Một số hợp chất thông dụng	- Oxide, Acid, Base, Muối. - Thang pH. - Phân bón hóa học.	1	2					1		1
10	Hydrocarbon	- Alkane. - Alkene. - Nguồn nhiên liệu.	1				1		1		1
11	Sinh vật và môi trường	- Môi trường và các nhân tố sinh thái. - Quần thể sinh vật - Quần xã sinh vật - Hệ sinh thái. - Sinh quyển - Cân bằng tự nhiên.	2	1			1				1
12	Di truyền học Mendel. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền	- Các quy luật di truyền của Mendel. - Nucleic và gene. - Tái bản DNA và phiên mã tạo RNA. - Dịch mã và mối quan hệ từ gen đến tính trạng. - Đột biến gen.	3	2				1			2
Tổng số câu			15	9	0	0	3	3	0	6	10

*** Ghi chú:**

1. Để phù hợp với yêu cầu đổi mới trong giảng dạy, đánh giá, một câu/bài có thể đề cập đến nhiều chủ đề/mạch kiến thức khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo mạch kiến thức và nội dung kiến thức cũng như yêu cầu cần đạt.
2. Có thể xây dựng dạng bài đọc hiểu, giới thiệu kiến thức mới cần đề cập – khuyến nghị các kiến thức liên quan đến nội dung kiến thức thực tiễn cuộc sống (đơn giản, cụ thể, mạch lạc) thông qua lời dẫn.
3. Khi xây dựng đề cần có bản đặc tả đính kèm; bám sát yêu cầu cần đạt ở mỗi đơn vị kiến thức.

-----**HẾT**-----



Bài thi môn: Khoa học Tự nhiên

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:.....

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (6 điểm).

(Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.)

Câu 1. Nguyên tử của nguyên tố X có tổng số hạt cơ bản là 40 hạt. Trong đó số hạt không mang điện ít hơn số hạt mang điện là 12. Nguyên tử X là:

- A. Nitrogen. B. Aluminium. C. Magnesium. D. Calcium.

Câu 2. Kim loại M tác dụng được với khí chlorine và dung dịch HCl cho một muối duy nhất. M là:

- A. Fe B. Cu C. Al D. Ag

Câu 3. Trước khi thi đấu các vận động viên môn thể dục dụng cụ thường xoa lòng bàn tay vào chất bột màu trắng để hấp thụ mồ hôi đồng thời tăng cường độ ma sát giữa bàn tay và dụng cụ thể thao giúp vận động viên nắm chắc dụng cụ và thực hiện động tác chuẩn hơn. Chất bột đấy là:

- A. CaCO_3 B. ZnCO_3 C. FeCO_3 D. MgCO_3

Câu 4. Hạt nhân nguyên tử X có 11 proton. lớp vỏ nguyên tử Y có 17 electron. Liên kết giữa X và Y là:

- A. Liên kết ion B. Liên kết cộng hoá trị
C. Liên kết hydrogen D. Liên kết kim loại

Câu 5. Cho alkane tác dụng với khí chlorine (điều kiện nhiệt độ) thu được dẫn xuất halogen chứa 62.83% chlorine về khối lượng. Công thức phân tử của dẫn xuất là:

- A. $\text{C}_3\text{H}_7\text{Cl}$ B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{Cl}_2$ C. $\text{C}_3\text{H}_5\text{Cl}_3$ D. CCl_4

Câu 6. Cho 6 gam kim loại M tác dụng hết với dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng. Sau phản ứng thu được 6,1975 lít khí SO_2 ở đkc. Kim loại M là:

- A. Magnesium B. Zinc C. Iron D. Aluminium

Câu 7. Khử hoàn toàn 3,2 gam oxide base A cần dùng vừa đủ 0,9916 lít H_2 ở đkc. Tìm công thức hoá học của A.

- A. Cu B. Fe C. CuO D. FeO

Câu 8. Cho dãy biến hoá sau:

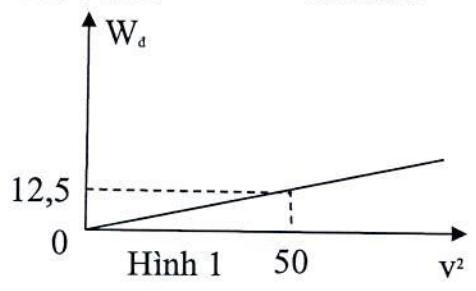


Mũi tên số mấy không thể thực hiện bằng 1 phương trình hoá học?

- A. (1) B. (2) C. (3) D. (4)

Câu 9. Một vật chuyển động có đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của động năng theo v^2 như hình vẽ 1. Lấy đơn vị đo của động năng là J và đơn vị đo của tốc độ là m/s. Khi động năng của vật bằng 25J thì tốc độ của vật có giá trị bằng

- A. 12,5 m/s. B. 50 m/s. C. 5 m/s. D. 10 m/s.



Câu 10. Một người dùng tay kéo một chiếc xe chở đồ trong siêu thị với lực kéo có độ lớn 5N không đổi. Người này phải thực hiện một công 60J để kéo xe dịch chuyển một đoạn 12m. Lực kéo của tay người tạo với hướng chuyển dời của xe một góc

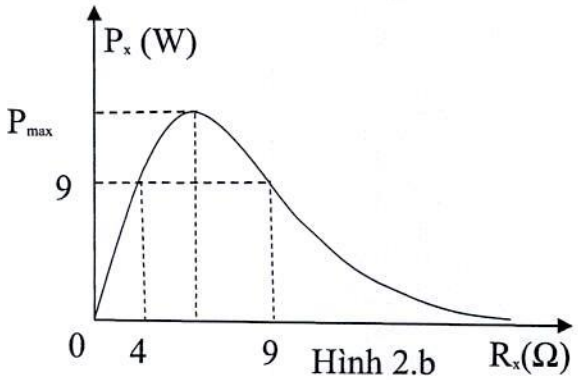
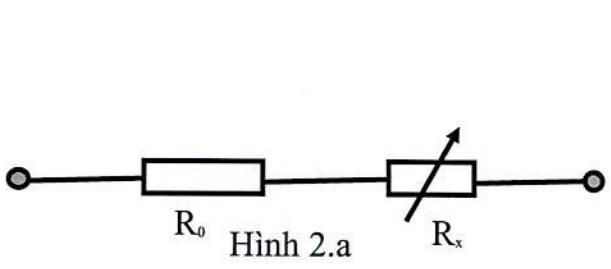
- A. 90^0 B. 180^0 C. 0^0 D. 45^0

Câu 11. Một dây dẫn dài, đồng chất, tiết diện đều có điện trở là R. Người ta cắt dây dẫn trên thành n đoạn bằng nhau rồi sau đó ghép chúng lại song song với nhau. Điện trở tương đương sau khi ghép là

- A. R/n^2 B. nR C. n^2/R D. R/n

Câu 12. Cho mạch điện như hình vẽ 2.a, người ta vẽ được đồ thị sự phụ thuộc của công suất tỏa nhiệt P_x trên biến trở vào giá trị của biến trở như hình 2.b. Công suất tỏa nhiệt cực đại trên R_x là

- A. 9,735W B. 9,375W C. 12,375W D. 12, 735W



Câu 13. Chiếu một tia sáng đơn sắc đi từ không khí vào môi trường có chiết suất n với góc tới i. Tia phản xạ vuông góc với tia khúc xạ. Hệ thức nào sau đây là đúng?

- A. $\sin i = n$ B. $\sin i = 1/n$ C. $\tan i = n$ D. $\tan i = 1/n$

Câu 14. Một đĩa tròn mỏng bằng gỗ, bán kính $R = 5$ cm nổi trên mặt nước. Ở tâm đĩa có gắn một cây kim, thẳng đứng, chìm trong nước có chiết suất $n=4/3$. Dù đặt mắt ở đâu trên mặt nước cũng không thấy cây kim. Chiều dài tối đa của cây kim **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 4,8 cm. B. 4,4cm. C. 5,4cm. D. 5,8cm.

Câu 15. Móng nhà phải xây rộng bản hơn tường vì

- A. để giảm trọng lượng của tường xuống mặt đất
- B. để tăng trọng lượng của tường xuống mặt đất
- C. để tăng áp suất lên mặt đất
- D. để giảm áp suất tác dụng lên mặt đất

Câu 16. Cùng được cung cấp nhiệt lượng như nhau, trong các vật cùng khối lượng làm bằng các chất sau đây: nước, đồng, chì, nhôm vật nào tăng nhiệt độ nhiều hơn? Sắp xếp theo thứ tự đúng từ nhỏ đến lớn là

- A. Nước - chì - nhôm - đồng.
- B. Nhôm - nước - đồng - chì.
- C. Nước - nhôm - đồng - chì.
- D. Nước - đồng - nhôm - chì.

Câu 17. Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với một số nhân tố này nhưng lại hẹp đối với một số nhân tố khác thì chúng thường có vùng phân bố

- A. hạn chế
- B. rộng
- C. vừa phải
- D. hẹp

Câu 18. Khảo sát 4 quần thể cá mè thu được kết quả như sau:

Đặc điểm	Quần thể I	Quần thể II	Quần thể III	Quần thể IV
Kích thước quần thể (con)	2000	1500	3000	1900
Thể tích ao nuôi (m ³)	1500	1000	1800	800

Cho biết, điều kiện sinh thái ao nuôi của 4 quần thể giống nhau, không có hiện tượng xuất cư và nhập cư. Quần thể nào có thể xuất hiện cạnh tranh cùng loài cao nhất?

- A. Quần thể I.
- B. Quần thể II.
- C. Quần thể III.
- D. Quần thể IV.

Câu 19. Ở một loài thực vật, gen B quy định thân cao là trội hoàn toàn so với alen b quy định thân thấp. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có tỉ lệ kiểu hình thân cao là 50%?

- A. P: BB x Bb
- B. P: Bb x Bb
- C. P: Bb x bb
- D. P: bb x bb

Câu 20. Phân tích thành phần của các nucleic acid tách chiết từ 3 chủng viruts người ta thu được kết quả sau:

- + Chủng A: A = U = G = X = 25%
- + Chủng B: A = T = 25%; G = C = 25%
- + Chủng C: A = G = 20%; C = U = 30%

Chủng loại nucleic acid của 3 chủng virut A, B, C trên lần lượt là:

- A. DNA, RNA, RNA.
- B. RNA, DNA, RNA.
- C. RNA, RNA, DNA.
- D. DNA, RNA, DNA.

Câu 21. Loại đột biến gen nào sau đây có thể làm thay đổi ít nhất cấu trúc phân tử Protein do gen đột biến đó tổng hợp?

A. Mất một cặp nucleotide.

C. Thay thế một cặp nucleotide.

B. Thêm một cặp nucleotide.

D. Mất hoặc thêm một cặp nucleotide.

Câu 22. Trong quần xã ao nuôi cá, người ta thường thả nhiều loài cá khác nhau nhằm mục đích.

A. tận dụng triệt để diện tích và nguồn thức ăn trong ao.

B. dễ quan sát và thuận tiện cho việc chăm sóc các loài.

C. tránh sự cạnh tranh giữa các loài về thức ăn trong ao.

D. để chúng cùng hỗ trợ nhau trong cuộc sống chung.

Câu 23. Một đoạn polipeptide gồm 4 axit amin có trình tự lần lượt là:

Val – Trp – Lys – Pro.

Biết rằng các codon mã hóa các axit amin tương ứng như sau:

Trp – UGG; Val – GUU; Lys – AAG; Pro – XXA.

Mạch gốc của gen mang thông tin mã hóa cho đoạn polipeptide nói trên có trình tự nucleotide là:

A. 3' ACC – GAA – GGT – TTG 5'

B. 3' CAA – ACC – TTC – GGT 5'

C. 3' TGG – CTT – CCA – AAC 5'

D. 3' ACC – GAA – GGU – UUG 5'

Câu 24. Trong môi trường nhân tạo, một phân tử DNA trong lần nhân đôi đầu tiên (lần 1) có xảy ra sự bắt đôi nhầm (một nucleotide loại A trên một mạch gốc liên kết với C từ môi trường). Các phân tử con được tạo ra tiếp tục nhân đôi thêm 2 lần nữa thì sẽ có bao nhiêu phân tử DNA con tạo ra khác với phân tử DNA ban đầu (phân tử DNA trước khi nhân đôi lần 1)?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai (6 điểm).

(Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.)

Câu 1. Gần 2000 năm về trước một người thợ đến gặp Hoàng đế La Mã Tiberius mang đến một cái bát do chính mình làm ra từ kim loại lấp lánh như bạc nhưng lại rất nhẹ. Sau này các nhà khoa học tìm ra kim loại đó là Aluminium (nhôm Al). Nguyên liệu sản xuất nhôm từ quặng bauxite

a) Để tách kim loại Aluminium từ quặng bauxite người ta sử dụng phương pháp điện phân nóng chảy

b) Duralumin là hợp kim của Al với một số nguyên tố khác như Cu, Mg, Fe...

c) Cho lá nhôm vào dung dịch NaOH không có hiện tượng gì xảy ra.

d) Từ quặng bauxite chứa 80% Al_2O_3 sản xuất được 432 kg Al. Nếu hiệu suất của quá trình là 62,5% thì cần 637,5 kg quặng bauxite

Câu 2. Gas là nhiên liệu khí dễ cháy có thành phần chủ yếu là C_3H_8 và C_4H_{10} . Gas dễ cháy hoàn toàn, tỏa nhiều nhiệt, không tạo xỉ và hầu như không tạo muối

a) Để phát hiện sự cố khi dự đoán bị rò rỉ khí gas các nhà sản xuất thường cho thêm khí có mùi, thường là khí đất đèn.

b) Khi người thấy mùi dự đoán do khí gas bị rò ta cần bật điện để kiểm tra sau đó khóa van bình gas.

c) Khi đốt cháy 1 kg khí gas chứa 50% C₃H₈ còn lại là C₄H₁₀ tỏa ra một lượng nhiệt là 50029kJ. Biết rằng lượng nhiệt tỏa ra khi đốt cháy hoàn toàn 1 mol C₃H₈ và 1 mol C₄H₁₀ lần lượt là 2220 kJ và 2877kJ.

d) Để 1 gam nước tăng 1^oC cần dùng nhiệt lượng 4,18J (khối lượng riêng của nước là 1 g/ml) Để đun 1 lít nước từ 20^oC đến 100^oC cần dùng 84,268 gam C₄H₁₀

Câu 3. Vật có chiều cao 5cm đặt vuông góc với trục chính, trước thấu kính và cách thấu kính 25cm cho ảnh thật lớn gấp 4 lần vật.

a) Thấu kính trên là thấu kính phân kì.

b) Ảnh của vật cách thấu kính 100 cm.

c) Tiêu cự của thấu kính là 25 cm.

d) Di chuyển vật lại gần thấu kính một đoạn 5 cm thì thu được ảnh thật cách thấu kính 30 cm.

Câu 4. Một chiếc tàu chở gạo chiếm 12000m³ nước khi cập bến để bốc gạo lên bờ. Sau khi bốc hết gạo tàu chỉ còn chiếm 8000m³ nước. Sau đó người ta chuyển 7210 tấn than xuống tàu. Biết trọng lượng riêng của nước là 10300N/m³.

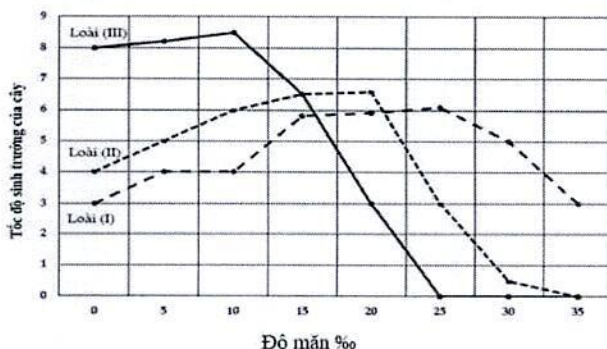
a) Khối lượng gạo đã bốc lên bờ là 4120 tấn.

b) Thể tích nước bị than chiếm chỗ là 7210 m³.

c) Thể tích nước bị tàu chiếm chỗ sau khi xếp than xuống là 13000m³.

d) Trọng lượng của tàu sau khi chuyển than xuống là 13390000N.

Câu 5. Hình dưới đây minh họa tốc độ sinh trưởng giả định của ba loài cây ngập mặn thân gỗ lâu năm kí hiệu là loài (I), (II) và (III) tương ứng với các điều kiện độ mặn khác nhau. Số liệu trong bảng dưới đây cho biết độ mặn cao nhất tại ba bãi lầy ven biển A, B và C của địa phương H. Giả sử các điều kiện sinh thái khác của ba bãi lầy này là tương đồng nhau, không ảnh hưởng đến sức sống của các loài cây này. Các cây con của ba loài này khi trồng không thể sống được ở các dải độ mặn có tốc độ sinh trưởng bằng 0. Dựa vào thông tin trong hình và bảng, cho biết những nhận định sau đây là **đúng** hay **sai**?



Bãi lầy	Độ mặn cao nhất
A	30.0 ‰
B	22.5 ‰
C	15.0 ‰

a) Bãi lầy C có thể trồng được cả ba loài tạo thành một quần thể rừng ngập mặn.

- b) Loài (I) có ưu thế cạnh tranh cao hơn loài (III) và thấp hơn loài (II) khi trồng ở bãi lầy A.
- c) Bãi lầy B và C trồng xen được hai loài (I) và (II), bãi lầy A trồng xen được cả ba loài.
- d) Loài (III) có tốc độ sinh trưởng lớn hơn loài (I) và loài (II) ở bãi lầy C.

Câu 6. Gen D có 186 nucleotide loại Guanine và có 1068 liên kết Hidro. Gen đột biến d hơn gen D một liên kết Hidro, nhưng chiều dài của hai gen bằng nhau. Xác định mỗi phát biểu sau đây là đúng hay sai

- a) Đây là dạng đột biến thay thế một cặp nucleotide A – T thành cặp G – C.
- b) Số lượng nucleotide loại Cytosine của gen D là 255 nucleotide.
- c) Số lượng nucleotide loại Adenine của gen đột biến d là 254 nucleotide.
- d) Phân tử Protein hoàn chỉnh được tổng hợp từ gen D sẽ có 146 amino acid.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (8 điểm).

(Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16.)

Câu 1. Cho m gam hợp kim gồm Al, Mg và Cu vào lượng dư dung dịch H_2SO_4 loãng dư. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch Y và 9,916 lít khí H_2 (đkc) và 6,4g chất rắn Z. Cho Y tác dụng với dung dịch KOH dư, lọc kết tủa đem nung trong không khí đến khối lượng không đổi thu được 8 gam chất rắn khan. Tính m.

Câu 2. Một bạn học sinh muốn điều chế khí Oxygen bằng cách nung hỗn hợp gồm $KClO_3$ và $KMnO_4$ thu được hỗn hợp chất rắn Y. Trong Y có 1,49g KCl chiếm 17,028% theo khối lượng. Lượng O_2 ở trên đốt cháy hết 0,24g carbon. Sau phản ứng thu được hỗn hợp khí T gồm CO_2 và O_2 dư (CO_2 chiếm 40% về thể tích). Biết $KClO_3$ bị nhiệt phân hoàn toàn. Tính hiệu suất phản ứng nhiệt phân $KMnO_4$.
(Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân)

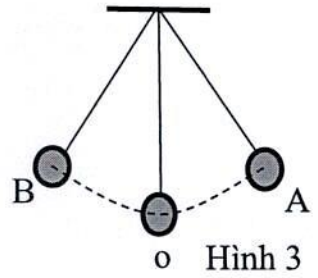
Câu 3. Hợp chất MX_3 được dùng làm chất xúc tác trong tổng hợp hữu cơ. Hợp chất có tổng số hạt 196, trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 60. Tổng số hạt trong hạt nhân của M nhỏ hơn tổng số hạt trong hạt nhân của X là 8. Tổng số hạt p, n, e trong 1 nguyên tử X nhiều hơn trong một nguyên tử M là 12. Phần trăm khối lượng của M trong MX_3 là bao nhiêu *(Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân)*? Coi khối lượng của electron là không đáng kể.

Câu 4. Hỗn hợp X gồm C_2H_4 và H_2 có tỉ khối so với H_2 là 6,2. Cho 6,1975 lít khí X (đkc) vào bình kín có sẵn một ít bột Ni. Nung nóng bình một thời gian thu được hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với H_2 bằng 7,75. Cho toàn bộ lượng Y trên đi qua bình đựng lượng dư dung dịch $KMnO_4$. Tính số gam kết tủa thu được?

Câu 5. Cho 5,68 gam đá vôi có thành phần là $MgCO_3$ và $CaCO_3$ tác dụng với dung dịch HCl dư, khí CO_2 thu được cho hấp thụ hoàn toàn vào 50ml dung dịch $Ba(OH)_2$ 0,9M tạo ra 5,91 gam kết tủa. Tính số gam $MgCO_3$ có trong đá vôi?

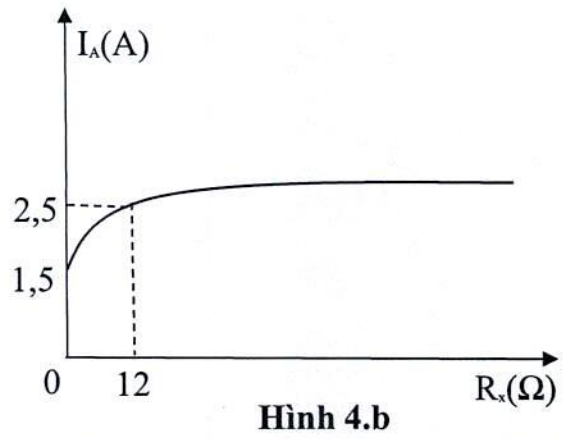
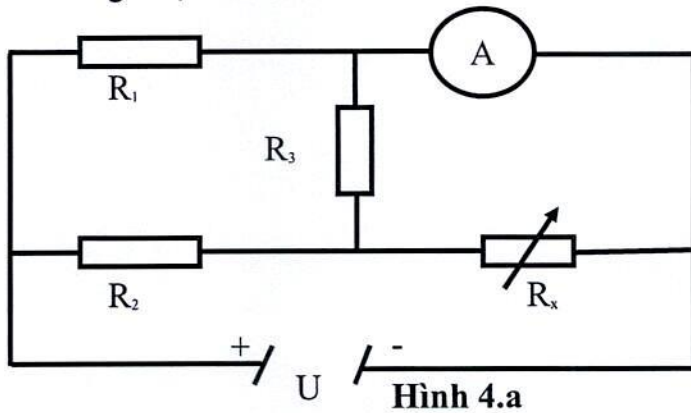
Câu 6. Cho butane C_4H_{10} qua xúc tác ở nhiệt độ cao thu được hỗn hợp X gồm C_4H_{10} , C_4H_8 , C_4H_6 và H_2 . Tỉ khối của X so với H_2 là 11,6. Nếu cho 0,1 mol X vào dung dịch bromine dư thì số gam Br_2 phản ứng lớn nhất là bao nhiêu?

Câu 7. Một con lắc đơn gồm sợi dây không dẫn có chiều dài $l = 1\text{m}$, đầu trên sợi dây gắn vào giá cố định, đầu dưới buộc vật nặng có khối lượng $m = 500\text{g}$ (hình 3). Kéo vật ra khỏi vị trí cân bằng O đến vị trí A rồi thả nhẹ. Bỏ qua mọi ma sát và sức cản của không khí. Chọn mốc tính thế năng tại vị trí thấp nhất của vật. Biết tốc độ lớn nhất của vật bằng $\sqrt{10}\text{ m/s}$. Khi vật



đi qua vị trí có động năng bằng thế năng thì phương của dây treo tạo với phương thẳng đứng một góc bằng bao nhiêu độ? (Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân).

Câu 8. Cho mạch điện như hình 4.a, ampe kế là lí tưởng ($R_A = 0$), $U = 12\text{V}$. Đồ thị sự phụ thuộc của cường độ dòng điện chạy qua ampe kế (I_A) vào giá trị của biến trở R_x có dạng như hình 4.b. Khi $R_2 = 4\ \Omega$ thì giá trị của R_3 là bao nhiêu ôm?



Câu 9. Cho một lăng kính có chiết suất 1,5 đặt trong không khí, tiết diện thẳng là một tam giác đều ABC. Trong mặt phẳng ABC, chiếu tới trung điểm của AB một chùm sáng hẹp, song song với góc tới 15° . Tia ló ra khỏi lăng kính lệch so với tia tới một góc là bao nhiêu độ? (Tất cả các phép tính làm tròn đến 2 số thập phân)

Câu 10. Một quả cầu làm bằng kim loại có khối lượng riêng 7500 kg/m^3 trên mặt nước, tâm của quả cầu nằm trên cùng mặt phẳng với mặt thoáng của nước, quả cầu có một phần rỗng có thể tích 1 dm^3 . Biết khối lượng riêng của nước là 1000 kg/m^3 . Trọng lượng của quả cầu bằng bao nhiêu Niu- tơn? (Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân).

Câu 11. Ba bình cách nhiệt chứa ba chất lỏng khác nhau, có khối lượng bằng nhau và không phản ứng hóa học với nhau. Nhiệt độ các bình tương ứng là $t_1 = 12^\circ\text{C}$, $t_2 = 8^\circ\text{C}$, $t_3 = 16^\circ\text{C}$. Nếu đổ $1/3$ chất lỏng từ bình 1 sang bình 2 thì nhiệt độ cân bằng của hỗn hợp là 10°C . Nếu đổ $2/3$ chất lỏng từ bình 1 sang bình 3 thì nhiệt độ cân bằng của hỗn hợp là 14°C . Nếu đổ ba chất lỏng với nhau thì nhiệt độ cân bằng của hỗn hợp là bao nhiêu độ C? (Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân).

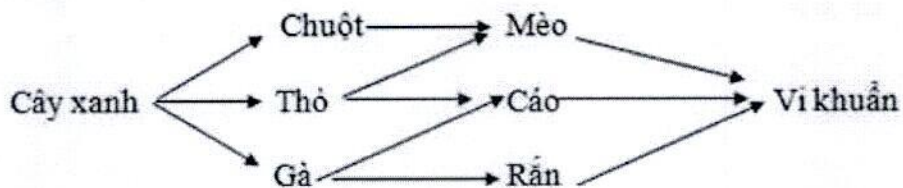
Câu 12. Vườn cây ăn quả có loài côn trùng A chuyên đưa những con rệp lên chồi non, nhờ vậy rệp lấy được nhiều nhựa của cây ăn quả và thải ra chất dinh dưỡng cho loài côn trùng A ăn. Để đuổi loài côn trùng A, người nông dân đã thả vào vườn loài kiến ba khoang. Khi được thả vào vườn, loài kiến ba khoang không chỉ tiêu diệt loài côn trùng A mà tiêu diệt cả rệp cây. Bạn Nam đã xác định mối quan hệ sinh thái giữa các sinh vật trên như sau:

- Cây ăn quả và rệp cây: kí sinh.
- Kiến ba khoang và côn trùng A là mối quan hệ sinh vật này ăn sinh vật khác.
- Cây ăn quả và kiến ba khoang là mối quan hệ hội sinh.
- Côn trùng A và rệp cây là mối quan hệ cộng sinh.

Có bao nhiêu nhận định đúng về các mối quan hệ sinh thái trên?

Câu 13. Ở một loài thực vật, tính trạng màu hoa do một cặp gen có 2 allele quy định. Allele A quy định tính trạng hoa đỏ là trội hoàn toàn so với allele a quy định tính trạng hoa trắng. Xét một quần thể có tỉ lệ kiểu gen 3AA : 2Aa. Cho quần thể trên giao phân ngẫu nhiên thì tỉ lệ cây hoa đỏ dị hợp tử thu được ở F₁ là bao nhiêu? (Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân)

Câu 14. Lưới thức ăn trong sơ đồ sau đây có bao nhiêu chuỗi thức ăn?



Câu 15. Người ta chuyển một số vi khuẩn E. coli mang các phân tử DNA vùng nhân chỉ chứa N¹⁵ sang môi trường chỉ có N¹⁴. Các vi khuẩn nói trên đều thực hiện tái bản 5 lần liên tiếp tạo được 480 phân tử DNA vùng nhân chỉ chứa N¹⁴. Sau đó chuyển các vi khuẩn này về môi trường chỉ chứa N¹⁵ và cho chúng nhân đôi tiếp 2 lần nữa. Theo lí thuyết số mạch DNA chỉ chứa N¹⁵ sau khi kết thúc quá trình trên là bao nhiêu?

Câu 16. Cho phép lai sau: P: ♀AaBbDdEe x ♂AaBbddEe. Hãy xác định tỉ lệ kiểu hình F₁ khác cả bố và mẹ. Biết rằng mỗi cặp gen quy định một tính trạng và tính trạng trội là trội hoàn toàn. (Kết quả làm tròn đến 2 số thập phân).

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

Bài thi môn: Khoa học Tự nhiên

Phần I.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,25 điểm**)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	9	D	17	A
2	C	10	C	18	C
3	D	11	A	19	C
4	A	12	B	20	B
5	B	13	C	21	C
6	A	14	B	22	A
7	C	15	D	23	B
8	A	16	C	24	B

Phần II. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,10 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,50 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,00 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ- S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ- S)
1	a)	Đ	4	a)	Đ
	b)	S		b)	S
	c)	S		c)	S
	d)	S		d)	Đ
2	a)	Đ	5	a)	S
	b)	S		b)	S
	c)	Đ		c)	S
	d)	S		d)	Đ
3	a)	S	6	a)	Đ
	b)	Đ		b)	S
	c)	S		c)	Đ
	d)	S		d)	S

Phần III. (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,5 điểm**)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	16,6	9	90
2	80	10	5,36
3	20,22	11	12,67
4	2,9	12	3
5	1,68	13	0,32
6	9,6	14	5
7	41,41	15	3104
8	6	16	0,42

-----HẾT-----



UBND THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI KỶ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS

Môn: TIẾNG PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

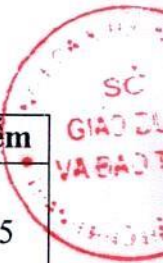
Handwritten signature

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Hình thức: 100% trắc nghiệm khách quan một đáp án đúng.
- Thời gian: 90 phút.
- Số câu trong đề thi: 70 câu trên thang điểm 100. Tổng điểm sau cùng được qui về điểm 10.
- Giới hạn kiến thức:
 - Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn tiếng Pháp bậc THCS.
 - Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

Kỹ năng	Nội dung	Số câu	Điểm
Nghe	Bài nghe 1: Nghe bài hội thoại hoặc độc thoại và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để hoàn thành thông tin trong tài liệu nghe có độ dài tối đa 1 phút.	5	7.5
	Bài nghe 2: Nghe bài hội thoại hoặc độc thoại và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để trả lời câu hỏi liên quan đến các thông tin trong tài liệu nghe có độ dài tối đa 1 phút.	10	15
Đọc	Bài đọc 1: Đọc một bài khóa có độ dài khoảng 100 từ và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để điền vào 5 chỗ trống trong bài.	5	7.5
	Bài đọc 2: Đọc một bài khóa có độ dài khoảng 300 từ và chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để trả lời câu hỏi.	10	15
Viết	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra câu đúng ngữ pháp, có nghĩa, và đúng vị trí từ các từ cho sẵn.	10	15
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra câu so sánh phù hợp với ngữ cảnh đã cho.	5	10
Kiến thức ngôn ngữ	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để tìm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa với từ được gạch chân.	4	4.8
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để tìm từ cùng họ với từ được gạch chân.	2	2.4
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra định từ phù hợp (mạo từ, tính từ sở hữu, tính từ chỉ định).	3	3.6



Kỹ năng	Nội dung	Số câu	Điểm
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra đại từ phù hợp (đại từ sở hữu, đại từ chỉ định, đại từ bỏ ngữ, đại từ quan hệ đơn).	2	2.4
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra từ để hỏi phù hợp.	3	3.6
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra dạng đúng của động từ (Impératif, Indicatif, Conditionnel présent).	3	3.6
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để hoàn thành câu bằng các từ <i>et, parce que, mais, pour, si</i> .	3	3.6
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để chỉ ra câu khẳng định hoặc câu phủ định tương ứng với câu đã cho.	2	2.4
	Chọn đáp án đúng ứng với A hoặc B, C, D để hoàn thành câu với các ngữ thức chỉ thời gian (<i>il y a, pendant, depuis, avant, après</i>).	3	3.6
Tổng		70	100

-----HẾT-----

mm

Môn: TIẾNG NHẬT

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thời gian thi: 90 phút
2. Thang điểm chấm thi: 100 điểm
3. Số câu: 60 câu
4. Hình thức thi: 100% trắc nghiệm 4 phương án, duy nhất 1 đáp án đúng.
5. Phạm vi kiến thức: N4
6. Yêu cầu:
 - Đề thi đảm bảo tính chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh giỏi thành phố cấp THCS môn tiếng Nhật.
 - Kiến thức kiểm tra không trùng lặp của đề 3 năm gần nhất do Sở GDĐT công bố.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

TT	Kỹ năng	Nội dung	Cấp độ	Số câu	Số điểm	Tổng điểm
1	Kỹ năng nghe	Bài 1: Nghe câu hỏi, sau đó nghe hội thoại và chọn phương án đúng	Thông hiểu	6	1đ*6=6,0	16
		Bài 2: Nghe câu hỏi, đọc các phương án đã cho rồi nghe hội thoại và chọn phương án đúng	Vận dụng	5	2đ*5=10	
2	Từ vựng, ngữ pháp	Bài 3: Cách đọc và viết chữ Hán	Thông hiểu	6	1đ*6=6,0	34
		Bài 4: Chọn từ vựng đúng (danh từ, động từ, tính từ, phó từ, liên từ...)	Thông hiểu	9	1đ*9=9,0	
		Bài 5: Chọn 2 trợ từ thích hợp trong 1 câu	Thông hiểu	3	1đ*3=3,0	
		Bài 6: Chọn cấu trúc ngữ pháp và các dạng thức đúng	Thông hiểu	8	1đ*8=8,0	
		Bài 7: Đọc hiểu (Kiểm tra ngữ pháp: chọn đáp án đúng, điền khuyết để hoàn thành bài khóa)	Vận dụng	4	2đ*4=8,0	

TT	Kỹ năng	Nội dung	Cấp độ	Số câu	Số điểm	Tổng điểm
3	Kỹ năng đọc	Bài 8: Đọc đoạn văn ngắn từ 150-250 chữ có thể hiểu được ý chính, nội dung chi tiết ở một số dạng văn phong khác nhau (đoạn văn thường, email, thư từ...)	Vận dụng	4	$2,5đ*4=10$	30
		Bài 9: Đọc đoạn văn từ 300-400 chữ có thể hiểu được ý chính của từng đoạn văn và của toàn bài (1 bài 3 câu hỏi)	Vận dụng	3	$4đ*3=12$	
		Bài 10: Đọc những tờ thông báo, quảng cáo... để tìm được thông tin đúng	Vận dụng	2	$4đ*2=8,0$	
4	Kỹ năng viết	Bài 11: Sắp xếp câu cho đúng trật tự và chọn vị trí * thích hợp để tạo thành câu có nghĩa	Vận dụng	3	$2đ*3=6,0$	20
		Bài 12: Chọn cách sử dụng từ đúng trong câu	Vận dụng	4	$2đ*4=8,0$	
		Bài 13: Chọn câu viết lại có ý nghĩa tương đương với câu đã cho	Vận dụng	3	$2đ*3=6,0$	
TỔNG						100 điểm

-----HẾT-----

Môn: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hình thức thi: Gồm 01 bài thi trắc nghiệm.

Thời gian làm bài thi: 90 phút.

Thang điểm: 10 điểm.

2. Cấu trúc đề thi: Bài thi gồm 2 phần:

- Phần I: Lịch sử (5,0 điểm)

+ 15 câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (03 điểm, mỗi câu trả lời đúng 0,2 điểm)

+ 04 câu trắc nghiệm đúng sai (02 điểm). Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 0,5 điểm.

- Phần II: Địa lí (5,0 điểm)

+ 15 câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (03 điểm, mỗi câu trả lời đúng 0,2 điểm)

+ 04 câu trắc nghiệm đúng sai (02 điểm). Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 0,5 điểm.

* Câu trắc nghiệm đúng sai của phần I và phần II: mỗi câu có 4 ý hỏi (a,b,c,d), chọn trả lời cho từng ý.

Trả lời đúng: 1 ý trong câu hỏi được 0,1 điểm.

2 ý trong câu hỏi được 0,2 điểm.

3 ý trong câu hỏi được 0,3 điểm.

4 ý trong câu hỏi được 0,5 điểm.

3. Phạm vi kiến thức: Hết học kì I môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 Chương trình GDPT 2018

4. Mức độ nhận thức: 20% nhận biết, 40% thông hiểu, 40% vận dụng.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Phần Lịch sử

NỘI DUNG	TNKQ nhiều lựa chọn			TN đúng/sai		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1991. - Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 - Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991		1				1*
2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1991 - Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 - Tây Âu và nước Mĩ từ 1945 đến năm 1991	1	1			1*	
3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1991 - Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 - Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	1	1	1			1*
4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)		1			1*	
5. Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)			1		1*	
6. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930	1		1			1*

NỘI DUNG	TNKQ nhiều lựa chọn			TN đúng/sai		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
7. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam		1	1			1*
8. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1945	2		1			1*
Tổng	5	5	5		2	2

Ghi chú: Dấu * thể hiện đơn vị kiến thức có thể lựa chọn hoặc không lựa chọn để xây dựng câu hỏi song phải đảm bảo đủ 04 câu trắc nghiệm đúng/sai, trong đó có 02 câu thuộc phần Lịch sử thế giới, 02 câu thuộc phần Lịch sử Việt Nam.

2. Phần Địa lí

NỘI DUNG	TNKQ nhiều lựa chọn			TN đúng/sai		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1. Địa lí dân cư Việt Nam	1	1	1		1*	1*
2. Địa lí các ngành kinh tế - Ngành nông nghiệp - Ngành lâm nghiệp và thủy sản - Ngành công nghiệp - Ngành dịch vụ	2	2	3		1*	1*
3. Sự phân hoá lãnh thổ: - Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng Đồng bằng Sông Hồng	2	2	1		1*	1*
Tổng	5	5	5		2	2

Ghi chú: - Dấu * thể hiện đơn vị kiến thức có thể lựa chọn hoặc không lựa chọn để xây dựng câu hỏi song phải đảm bảo đủ 04 câu trắc nghiệm dạng đúng/sai.
- Thí sinh không được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

----- HẾT -----

PHẦN LỊCH SỬ (5,0 điểm)

Phần I (3,0 điểm) Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bản chất Chính sách kinh tế mới (NEP) do Lenin đề xướng, thực hiện ở nước Nga Xô viết?

- A. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần cho thị trường tự do điều chỉnh.
- B. Nhà nước nắm độc quyền, chi phối toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- C. Loại bỏ hoàn toàn vai trò của Nhà nước trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.
- D. Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước.

Câu 2. Để thoát khỏi đại khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), các nước Anh, Pháp đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Thiết lập chế độ độc tài.
- B. Cải cách kinh tế - xã hội.
- D. Thực hiện “Chính sách mới”.
- D. Thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục tiêu trong Chiến lược toàn cầu của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- B. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới xoá bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng thế giới.
- D. Khống chế và chi phối các nước tư bản đồng minh của Mĩ.

Câu 4. Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, giành độc lập dân tộc ở Ấn Độ diễn ra dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào sau đây?

- A. Đảng Cộng sản Ấn Độ.
- B. Đảng Quốc đại.
- C. Đảng Dân chủ.
- D. Đảng Cộng hoà.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân dẫn đến Nhật Bản tăng cường thực hiện chính sách quân sự hoá bộ máy nhà nước trong những năm 30 thế kỉ XX?

- A. Là nước bại trận, thiệt hại nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Nền kinh tế suy thoái nặng nề do khủng hoảng kinh tế thế giới.
- C. Vươn lên cạnh tranh về quân sự, kinh tế với Mĩ và các nước Tây Âu.
- D. Triển khai Chiến lược toàn cầu nhằm âm mưu bá chủ thế giới.

Câu 6. Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng giữa Trung Quốc, Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á trong nửa sau thế kỉ XX?

- A. Thành lập được tổ chức liên kết khu vực về chính trị, quân sự, kinh tế.
- B. Phát triển nhanh chóng về kinh tế, trở thành các nước công nghiệp mới.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc diễn ra sôi nổi song chưa thắng lợi.
- D. Giành lại độc lập dân tộc và đạt nhiều thành tựu phát triển kinh tế.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)?

- A. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa.
- B. Thái độ thù ghét chủ nghĩa cộng sản của Đức, Anh, Pháp, Mĩ.
- C. Anh, Pháp, Mĩ muốn gây chiến tranh tiêu diệt Liên Xô.
- D. Chính sách trung lập của Mĩ để phát xít được tự do hành động.

Câu 8. Trong thời kì Chiến tranh lạnh (1947 - 1989), nước nào ở Châu Âu được xem là tâm điểm đối đầu giữa hai cực Xô - Mĩ?

- A. Pháp.
- B. Đức.
- C. Anh.
- D. Liên Xô.

Câu 9. Trong những năm 1925 - 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có hoạt động nào sau đây?

- A. Ám sát trùm mộ phu Ba-danh.
- B. Phát động phong trào “vô sản hóa”.
- C. Tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
- D. Xuất bản báo “Người cùng khổ”.

Câu 10. Tổ chức nào sau đây là một trong những đại diện tiêu biểu cho khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam trong những năm 20 thế kỉ XX?

- A. Việt Nam Quang phục hội.
- B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng.
- D. Đông Dương cộng sản đảng.

Câu 11. Việc xác định con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc của cuộc cách mạng nào sau đây?

- A. Cách mạng tư sản Pháp (1789).
- B. Công xã Pari (1871) ở Pháp.
- C. Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc.
- D. Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

Câu 12. Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930).
- B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập (1925).
- C. Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc (1920).
- D. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Việt Nam?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo phong trào.
- B. Mặt trận Nhân dân Pháp thi hành một số chính sách tiến bộ.
- C. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện, nguy cơ chiến tranh thế giới.
- D. Ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933).

Câu 14. Mục tiêu đấu tranh trước mắt của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng những năm 1936 – 1939 là gì?

- A. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.
- B. Đánh đổ đế quốc để giành độc lập, tự do.
- C. Đánh đuổi Pháp – Nhật, giành độc lập.
- D. Lật đổ chế độ phong kiến.

Câu 15. Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng về Cao trào kháng Nhật cứu nước ở Việt Nam (từ tháng 3-1945 đến đầu tháng 8-1945)?

- A. Là thời kì khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận.
- B. Đi từ giành chính quyền bộ phận tiến lên tổng tiến công.
- C. Mục tiêu chính là giành toàn bộ chính quyền ở các đô thị.
- D. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.

Phần II (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc bảng sự kiện sau đây:

Thời gian	Sự kiện
3-1947	Tổng thống Mĩ Tơ-ru-man từ bỏ hợp tác với Liên Xô, bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
6-1947	Mĩ thực hiện kế hoạch Mác-san, đầu tư cho 16 nước Tây Âu phục hồi kinh tế.
1-1949	Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
4-1949	Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
5-1955	Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

- a. Mĩ phát động Chiến tranh lạnh chống Liên Xô là do lo ngại về sự tồn tại và ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô.
- b. Chiến tranh lạnh là cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trên hầu hết các lĩnh vực, ngoại trừ xung đột quân sự trực tiếp bằng quân sự giữa hai siêu cường (Mĩ, Liên Xô).
- c. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
- d. Chiến tranh lạnh đẩy thế giới vào tình trạng luôn căng thẳng, thậm chí làm bùng nổ các cuộc chiến tranh trên quy mô toàn cầu.

Câu 2. Đọc các đoạn tư liệu và thông tin sau đây:

Tư liệu 1:

“Ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của Quốc tế III, Quốc tế Cộng sản, là ở chỗ nó đã bắt đầu thực hiện khẩu hiệu vĩ đại nhất của Mác, khẩu hiệu tổng kết thực tiễn trong một thế kỷ của chủ nghĩa xã hội và của phong trào công nhân, khẩu hiệu biểu hiện bằng khái niệm: chuyên chính của giai cấp vô sản”

(V.I. Lênin, Toàn tập, Tập 38, Nxb Tiến bộ, 1978, tr. 364)

Tư liệu 2:

Tại Đại hội lần thứ II (1920), Quốc tế Cộng sản thông qua Sơ thảo lần thứ nhất những

Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa do Lênin dự thảo. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở *Luận cương* con đường cứu nước, giải phóng dân tộc cho nhân dân Việt Nam. Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Người đã nói: “*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”*”.

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562)

- a. Quốc tế Cộng sản là tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân và của tất cả các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới.
- b. Các Mác là người sáng lập Quốc tế Cộng sản, Lênin là người kế tục, phát triển và lãnh đạo phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.
- c. Quốc tế Cộng sản tạo tiền đề, điều kiện giải quyết vấn đề khủng hoảng về con đường cứu nước và mục tiêu, phương hướng phát triển của dân tộc Việt Nam.
- d. Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm ra cho nhân dân Việt Nam là con đường cách mạng vô sản.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thời kì đầu mới thành lập, Tân Việt Cách mạng đảng còn là một tổ chức yêu nước chưa có lập trường giai cấp rõ rệt, cho rằng chủ nghĩa cộng sản quá cao và chủ nghĩa “Tam dân” của Quốc dân đảng là quá thấp. Trong quá trình tồn tại, Tân Việt đã nhiều lần cử người sang Quảng Châu liên lạc và bàn kế hoạch hợp nhất với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN), và ngược lại Tổng bộ Thanh niên cũng đã nhiều lần phái người về nước thảo luận việc hợp nhất với Tân Việt, nhưng không đạt kết quả... Mặc dù vậy, qua những lần tiếp xúc, đặc biệt là nhờ hoạt động của các hội viên HVNCMTN, lập trường chính trị của Tân Việt dần dần thay đổi và chuyển mạnh sang khuynh hướng vô sản. Từ sau Đại hội I (1928) Tân Việt thực sự trở thành một tổ chức cách mạng mang tính chất xã hội chủ nghĩa”.

(Đình Xuân Lâm (CB), *Lịch sử Việt Nam tập II*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 1998, tr. 271)

- a. Khi mới thành lập, Tân Việt Cách mạng đảng là tổ chức cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- b. Chủ nghĩa Mác-Lênin là kim chỉ nam cho mục đích, hành động của Tân Việt Cách mạng đảng.
- c. Ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đối với Tân Việt Cách mạng đảng phản ánh khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào yêu nước Việt Nam.
- d. Sự chuyển biến của Tân Việt Cách mạng đảng chứng tỏ điều kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã chín muồi.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám mở đầu kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỉ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, đem lại “một cuộc đời chưa từng có đối với mỗi người Việt Nam””.

...Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức các nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

...Với Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân ta hoàn toàn làm chủ một nước độc lập, phấn khởi đem hết tinh thần yêu nước, trí tuệ và tài năng xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới”

(Nguyễn Khánh Toàn (CB), Lịch sử Việt Nam, tập II, Nxb Khoa học Xã hội, 1985. tr.341)

- Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là bước chuẩn bị tất yếu đầu tiên cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.
- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài từ năm 1930 mà trực tiếp là cuộc vận động dân chủ 1936-1939.
- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 như một mồi son chói lọi đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng thuộc địa trên thế giới.
- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là nhà nước của toàn thể dân tộc Việt Nam, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

PHẦN ĐỊA LÍ (5,0 điểm)

Phần I (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phân bố các dân tộc ở nước ta có đặc điểm:

- Sinh sống rộng khắp trên toàn lãnh thổ.
- Sinh sống chủ yếu ở miền núi và cao nguyên.
- Sinh sống chủ yếu ở đồng bằng và miền núi.
- Sinh sống chủ yếu ở đồng bằng và ven biển.

Câu 2. Giai đoạn từ 1989 – 2021, dân số nước ta tăng mỗi năm khoảng 1 triệu người là do

- ti lệ sinh giảm đi.
- ti lệ sinh tăng lên.
- ti lệ tử giảm đi.
- ti lệ tử tăng lên.

Câu 3.

Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021.

(Đơn vị : %)

Năm	1999	2009	2019	2021
Nhóm tuổi				
Dưới 15 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
Từ 15 đến 64 tuổi	61,1	69,1	68,0	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2000, 2010, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết số dân trong nhóm tuổi từ 15 - 64 tuổi của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người ? (biết rằng tổng số dân năm 2021 nước ta là 98,5 triệu người)

- 59,66 triệu.
- 56,59 triệu.
- 66,59 triệu.
- 66,58 triệu.

Câu 4. Cây công nghiệp có diện tích gieo trồng lớn nhất nước ta là

- A. cây chè. C. cây cà phê.
B. cây cao su. D. cây điều.

Câu 5. Cây chè được trồng nhiều nhất ở vùng nào của nước ta hiện nay ?

- A. Vùng Tây Nguyên. C. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Vùng Đông Nam Bộ. D. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 6. Ngành công nghiệp nào sau đây ở nước ta hiện nay sản lượng khai thác có xu hướng giảm dần?

- A. Công nghiệp sản xuất điện. B. Công nghiệp khai khoáng.
C. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm D. Công nghiệp dệt may, sản xuất giày, dép.

Câu 7. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng điện, than, dầu khí của nước ta giai đoạn 2015 – 2020

Năm	2015	2017	2018	2019	2020
Điện (triệu kwh)	157949	191593	209181	227423	235410
Than (nghìn tấn)	41664	38409	42384	47158	48377
Dầu khí (triệu m³)	10660	9866	10010	10200	9160

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu trên, cho biết dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện, than, dầu khí của nước ta giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Biểu đồ kết hợp cột đơn và đường.
B. Biểu đồ đường giá trị tuyệt đối.
C. Biểu đồ kết hợp cột ghép và đường.
D. Biểu đồ đường giá trị tương đối.

Câu 8. Mô hình trồng trọt hữu cơ là

- A. không sử dụng hóa chất nhân tạo. C. có sử dụng nhưng liều lượng rất ít.
B. sử dụng hóa chất nhân tạo hợp lí. D. chỉ sử dụng khi có sâu bệnh.

Câu 9. Cho bảng số liệu sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và 2021

(Đơn vị : nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Thành phần kinh tế		
Khu vực kinh tế nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài nhà nước	843,6	4481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1565,5	7698,8
Tổng	3045,6	13026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016 và năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tổng giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta năm 2021 tăng bao nhiêu lần so với năm 2010?

- A. 3,27 lần. C. 4,28 lần.
B. 3,28 lần. D. 4,27 lần.

Câu 10. Năm 2021, nước ta có 98,5 triệu người và 122,6 thuê bao điện thoại. Vậy mật độ thuê bao điện thoại trên 100 người của nước ta năm 2021 sẽ là

- A. 152 thuê bao/100 người.
- B. 151 thuê bao/100 người.
- C. 126 thuê bao /100 người .
- D. 125 thuê bao /100 người.

Câu 11. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình chủ yếu là

- A. núi cao đồ sộ.
- B. đồi núi.
- C. đồng bằng thấp.
- D. đồi núi thấp.

Câu 12. Khai thác than của vùng Đồng bằng sông Hồng phân bố chủ yếu ở

- A. Quảng Ninh.
- B. Hải Phòng.
- C. Thái Bình.
- D. Hà Nam.

Câu 13. Giải pháp chủ yếu để phát triển ngành trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu mùa vụ, mở rộng chế biến.
- B. mở rộng diện tích, sản xuất thâm canh.
- C. thay đổi giống mới, mở rộng tiêu thụ sản phẩm.
- D. tăng sự liên kết, áp dụng tiến bộ kĩ thuật.

Câu 14. Một trong những hạn chế của vùng Đồng bằng sông Hồng trong vấn đề phát triển kinh tế biển là

- A. có ít vũng vịnh, cửa sông để xây dựng cảng.
- B. có ít thủy sản để đánh bắt và khai thác.
- C. ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên.
- D. ven biển có ít bãi triều, đầm phá để nuôi trồng.

Câu 15. Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2010 - 2021.

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021
Số lượng thủy sản			
Nuôi trồng	410,3	586,9	844,8
Khai thác	198,9	248,3	355,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác của vùng Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn 2010 – 2021?

- A. Giảm đi 78,6 %.
- B. Tăng lên 78,6% .
- C. Tăng lên 68,8%.
- D. Giảm đi 68,7 % .

Phần II (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a,b,c,d ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa nước ta, giai đoạn 2010 – 2022

(Đơn vị: Tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Giá trị xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Giá trị nhập khẩu	84,8	165,8	262,7	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- Giá trị nhập khẩu tăng liên tục trong giai đoạn 2010 – 2022.
- Giá trị xuất khẩu luôn cao hơn giá trị nhập khẩu.
- Giá trị xuất nhập khẩu tăng liên tục.
- Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Giá trị sản xuất nông nghiệp của Việt Nam theo giá thực tế phân theo ngành hoạt động

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2015	2020
Tổng số	129087,9	183213,6	540162,8
Trồng trọt	101043,7	134754,5	396733,6
Chăn nuôi	24907,6	45096,8	135137,2
Dịch vụ nông nghiệp	3 136,6	3362,3	8292,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2020, NXB Thống kê - Hà Nội, 2021)

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tiến bộ.
- Chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.
- Sự chuyển dịch còn chậm, ngành trồng trọt còn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu.
- Chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp và chăn nuôi.

Câu 3. Cho thông tin sau :

“Vùng Đồng bằng sông Hồng có vị trí đặc biệt đối với các vùng khác trên nhiều phương diện, có cảng Hải Phòng và bờ biển dài hàng trăm cây số là cửa ngõ thông ra biển, gắn với thế giới của các tỉnh phía Bắc. Nơi đây có thủ đô Hà Nội, đầu mối kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của cả nước. Các đầu mối giao thông lớn tập trung ở Đồng bằng sông Hồng tạo ra sự liên kết với các vùng khác trong cả nước.”

(GS. TS Lê Thông, Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, tr.432)

- Đồng bằng sông Hồng có thủ đô Hà Nội thu hút đầu tư lớn nhất cả nước.
- Đồng bằng sông Hồng có hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ và tốt nhất cả nước.
- Đồng bằng sông Hồng có vị trí thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển.
- Vị trí địa lí của Đồng bằng sông Hồng là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế của vùng.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Thu nhập bình quân đầu người một tháng (giá hiện hành) phân theo vùng ở nước ta năm 2010 và năm 2021.

(Đơn vị: nghìn đồng)

Năm	2010	2021
Các vùng		
Trung du và miền núi Bắc Bộ	905	2838
Đồng bằng sông Hồng	1580	5026
Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ	1018	3493
Tây Nguyên	1088	2856
Đông Nam Bộ	2304	5794
Đồng bằng sông Cửu Long	1247	3713

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2022)

- Thu nhập bình quân đầu người phân theo vùng của nước ta không đều.
- Vùng Đông Nam Bộ có thu nhập tăng nhanh nhất, tăng gấp 2 lần.
- Thu nhập bình quân các vùng trong cả nước đều tăng, tăng ít nhất từ 2,51 lần trở lên.
- Vùng Tây Nguyên có thu nhập bình quân tăng chậm nhất cả nước, tăng gấp 2,4 lần.

-----Hết -----

PHẦN LỊCH SỬ

PHẦN I : Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,2 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	9	B
2	B	10	C
3	A	11	D
4	B	12	A
5	B	13	D
6	D	14	A
7	A	15	A
8	B		

PHẦN II

Điểm tối đa của một câu hỏi là 0,5 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,2 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,3 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
1	a	Đ	3	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	S
2	a	S	4	a	S
	b	S		b	S
	c	Đ		c	S
	d	Đ		d	Đ

PHẦN ĐỊA LÍ

PHẦN I: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,2 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	9	C
2	B	10	D
3	D	11	B
4	B	12	A
5	C	13	D
6	B	14	C
7	D	15	B
8	A		

PHẦN II

Điểm tối đa của một câu hỏi là **0,5 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,2 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,3 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án
1	a	Đ	3	a	S
	b	S		b	Đ
	c	S		c	Đ
	d	Đ		d	S
2	a	Đ	4	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	S



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS

Môn: Nghệ thuật (Âm nhạc)

(Kèm theo Quyết định số 1036 /QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

I. Quy định chung

- Hình thức thi: Lý thuyết và thực hành.
- Thời gian thi: Phần Lý thuyết 30 phút.
- Số bài trong đề thi: 02 phần (phần 1 lý thuyết, phần 2 bài thực hành).
- Giới hạn kiến thức: Nội dung Chương trình môn Nghệ thuật nội dung Âm nhạc lớp 6,7,8,9 theo Chương trình GDPT 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải xây dựng bản đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ đánh giá, tiêu chí hướng dẫn đánh giá trước khi ra đề thi.

II. Cấu trúc đề thi:

Phần 1 : Phần thi lý thuyết: Trắc nghiệm

Nội dung	Số câu	Điểm/câu	Điểm từng nội dung	Mức độ tư duy
Lý thuyết âm nhạc	10	0.5 điểm	5.0 điểm	Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao
Thường thức âm nhạc, nghe nhạc	10	0.5 điểm	5.0 điểm	Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao
Tổng	20		10 điểm	

Phần 2: Thực hành

Gồm 3 nội dung: Hát, đọc nhạc, nhạc cụ.

Nội dung	Điểm từng nội dung	Mức độ tư duy
Hát, nhạc cụ, đọc nhạc	20 điểm	Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao

-----HẾT-----

Handwritten signature



ĐỀ MINH HỌA THI HỌC SINH GIỎI
MÔN: NGHỆ THUẬT (NỘI DUNG ÂM NHẠC)

I/ Phần I: Lý thuyết (Thời gian làm bài 30 phút, không kể thời gian phát đề)

Câu trắc nghiệm chọn đáp án đúng: (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20)

Câu 1: Bốn thuộc tính của âm thanh có vai trò gì?

- A: Tạo nên giai điệu bản nhạc.
- B: Diễn tả mọi trạng thái tình cảm khác nhau của con người.
- C: Tạo nên giai điệu bản nhạc, diễn tả trạng thái tình cảm khác nhau của con người.
- D: Diễn tả tình cảm của con người.

Câu 2 : Khoảng cách từ nốt D lên nốt A có bao nhiêu cung?

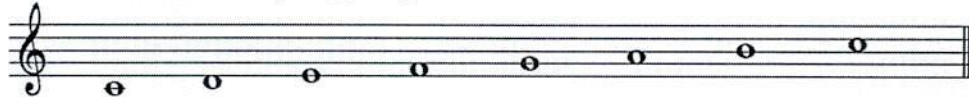
- A: 2 cung
- B: 2,5 cung
- C: 3 cung
- D: 3,5 cung

Câu 3 : Hợp âm sau có tên gọi là gì?



- A. Hợp âm Pha trưởng
- B. Hợp âm Pha thứ
- C. Hợp âm Pha bảy
- D. Hợp âm Pha thăng thứ

Câu 4: Gam sau đây là gam gì?



- A: Gam Đô trưởng
- B: Gam Đô thứ
- C: Gam Rê thứ
- D: Gam Đô thăng thứ

Câu 5: Đoạn nhạc dưới đây được viết ở giọng gì?



- A: Giọng Đô trưởng
- B: Giọng Đô thứ
- C: Giọng Đô thăng trưởng
- D: Giọng Đô thăng thứ

Câu 6 : Dịch đoạn nhạc sau xuống một quãng 3 trưởng, giọng mới là giọng gì?



- A: Giọng Pha trưởng
- B: Giọng Si trưởng
- C: Giọng La thứ
- D: Giọng Pha thăng thứ

Câu 7 : Tìm các nốt nhạc được chuyển hóa trong đoạn nhạc sau:



- A: Nốt Si, La trong bài đều được nâng lên nửa cung
- B: Tất cả các nốt: Pha, Đô, Son trong bài đều được nâng lên nửa cung
- C: Nốt Pha, La, Si trong bài đều được nâng lên nửa cung



D: Tất cả các nốt trong bài đều được nâng lên nửa cung
Câu 8: Xác định kí hiệu thuật ngữ chỉ sắc thái cường độ trong đoạn nhạc sau?



A: Nhỏ, nhẹ

B: Nhỏ vừa

C: Nhẹ vừa

D: Nhanh vừa

Câu 9: Hình thức hát bè là:

A: Hát từ 2 người trở lên, có bè chính, bè phụ.

B: Hát tốp ca

C: Hát đơn ca

D: Hát song ca

Câu 10: Nhìn vào hình ảnh và chọn nhạc cụ có nguồn gốc từ Tây Ban Nha:



A: Piano

B: Trống

C: Guitar

D: Kèn

Câu 11: Dân ca quan họ Bắc Ninh được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể vào năm nào?

A: 2007

B: 2009

C: 2008

D: 2010

Câu 12: Nêu hiểu biết của em về nhạc sĩ Trần Hoàn?

A: Nhạc sĩ Trần Hoàn sinh năm 1928 mất năm 2003. Quê ở tỉnh Quảng Trị. Ông đã có rất nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam với các tác phẩm tiêu biểu như: Sơn nữ ca, lời người ra đi, thăm bến nhà Rồng, một mùa xuân nho nhỏ... Ông được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ Thuật năm 2000. Năm 2013, Thành Phố Hải Phòng đã có một con đường mang tên ông.

B: Nhạc sĩ Trần Hoàn sinh năm 1929 mất năm 2003. Quê ở tỉnh Quảng Trị. Ông đã có rất nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam với các tác phẩm tiêu biểu như: Sơn nữ ca, lời người ra đi, thăm bến nhà Rồng, một mùa xuân nho nhỏ... Ông được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ Thuật năm 2001. Năm 2013, Thành Phố Hải Phòng đã có một con đường mang tên ông.

C: Nhạc sĩ Trần Hoàn sinh năm 1928 mất năm 2004. Quê ở tỉnh Quảng Nam. Ông đã có rất nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam với các tác phẩm tiêu biểu như: Sơn nữ ca, lời người ra đi, thăm bến nhà Rồng, một mùa xuân nho nhỏ... Ông được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ Thuật năm 2000. Năm 2013, Thành Phố Hải Phòng đã có một con đường mang tên ông.

D: Nhạc sĩ Trần Hoàn sinh năm 1927 mất năm 2002. Quê ở tỉnh Quảng Trị. Ông đã có rất nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam với các tác phẩm tiêu biểu như: Sơn nữ ca, lời người ra đi, thăm bến nhà Rồng, một mùa xuân nho nhỏ... Ông được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học – Nghệ Thuật năm 2003. Năm 2010, Thành Phố Hải Phòng đã có một con đường mang tên ông.

Câu 13: Tác phẩm Long Ngâm thuộc thể loại hình nghệ thuật nào?

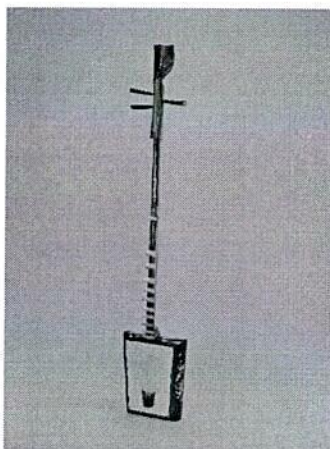
A: Đờn ca tài tử

B: Dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh

C: Hát ca Trù

D: Nhã nhạc cung đình Huế

Câu 14: Nhìn hình ảnh cho biết tên nhạc cụ:



A: Đàn Tranh

B: Đàn Đáy

C: Đàn Nhị

D: Đàn T'Rung

Câu 15: Trong các tác phẩm dưới đây, tác phẩm nào của nhạc sĩ Tchaikovsky?

A: Bản giao hưởng số 9 (Định mệnh)

B: Nhạc buồn (Khúc luyện tập số 3)

C: Bản giao hưởng số 40

D: Vũ kịch Hồ thiên nga

Câu 16: Khúc nhạc “Chèo thuyền” của nhạc sĩ Tchaikovsky gợi cho em cảm nhận được hình ảnh gì?

A: Hình ảnh con thuyền to đang lướt sóng

B: Hình ảnh con thuyền nhỏ đang chèo vênh trên sông

C: Hình ảnh con thuyền nhỏ đang nhẹ lướt trên sông

D: Hình ảnh con thuyền to đang chèo vênh trên sông

Câu 17: Nghe nhạc và cho biết tên tác giả, tác phẩm?

A: Lý ngựa ô – dân ca Nam Bộ

B: Lý ngựa ô – dân ca Trung Bộ

C: Lý kéo chài – dân ca Trung Bộ

D: Lý kéo chài – dân ca Nam Bộ

Câu 18: Đoạn nhạc vừa nghe được thể hiện theo hình thức nào?

A: Hòa tấu các nhạc cụ dân tộc

B: Độc Tấu nhạc cụ dân tộc

C: Hòa tấu các nhạc cụ nước ngoài

D: Độc tấu nhạc cụ nước ngoài

Câu 19: Nghe nhạc và cho biết tên bài hát?

A: **Nhạc rừng**

B: Mùa xuân đầu tiên

C: Trên đỉnh Trường Sơn

D: Bài ca hy vọng

Câu 20: Nêu cảm nhận của em về tác phẩm trên?

A: Ca khúc khắc họa một bức tranh sinh động về thiên nhiên

B: Ca khúc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lạc quan yêu đời

C: Ca khúc có giai điệu nhịp nhàng trong sáng

D: Ca khúc có giai điệu nhịp nhàng trong sáng, lời ca giàu hình ảnh và nhạc điệu. Ca khúc như khắc họa một bức tranh sinh động về thiên nhiên miền Đông Nam Bộ và hình ảnh người chiến sĩ lạc quan yêu đời

Phần II: Thực hành: Thời gian (15 phút)

(Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ)

----- HẾT -----



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS

Môn: Nghệ thuật (Nội dung Mỹ thuật)

(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 21 tháng 7 năm 2024)

I. Quy định chung

- Hình thức thi: Lý thuyết và thực hành.
- Thời gian thi: 150 phút.
- Thang điểm chấm thi: Lý thuyết 10 điểm; Thực hành 20 điểm.
- Số bài trong đề thi: 02 phần (phần 1 lý thuyết, phần 2 bài thực hành).
- Giới hạn kiến thức: Nội dung Chương trình môn Nghệ thuật nội dung Mỹ thuật lớp 6,7,8,9 theo Chương trình GDPT 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải xây dựng bản đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ đánh giá, tiêu chí hướng dẫn đánh giá trước khi ra đề thi.

II. Cấu trúc đề thi:

Phần 1: Trắc nghiệm (10 điểm): (20 câu, mỗi câu 0,5 điểm).

Nội dung	Số lượng câu	Điểm/câu	Điểm từng nội dung	Mức độ tư duy
Hội họa	04	0,5đ	2 điểm	Thông hiểu Vận dụng
Điêu khắc	04	0,5đ	2 điểm	Thông hiểu Vận dụng
Thiết kế công nghiệp	04	0,5đ	2 điểm	Thông hiểu Vận dụng
Thiết kế đồ họa	04	0,5đ	2 điểm	Thông hiểu Vận dụng
Thiết kế thời trang	04	0,5đ	2 điểm	Thông hiểu Vận dụng
Tổng	20 câu		10 điểm	

Phần 2: Bài thi thực hành (20 điểm)

- Thực hành: Sáng tạo sản phẩm Mỹ thuật 2D, 3D.
- Phân tích và đánh giá sản phẩm.

-----HẾT-----



UBND THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**ĐỀ MINH HỌA CHỌN HỌC SINH
GIỎI NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: MĨ THUẬT 9 (LÝ THUYẾT)**

Thời gian: 30 phút

(Không kể thời gian giao đề)

(*Học sinh làm bài vào phiếu trả lời trắc nghiệm*)

Trắc nghiệm: (10 điểm – mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm)

Khoanh tròn vào một chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1: Kiểu dáng trong thiết kế phương tiện giao thông là yếu tố cơ bản quyết định sự thành công cho mẫu sản phẩm dựa trên những yếu tố nào sau đây:

A. Hiện đại.

B. Tỷ lệ sự cân bằng mà sắc và hài hoà các thành phần cấu tạo.

C. Luôn giữ được kiểu dáng truyền thống.

D. Hiện đại nhưng luôn giữ được đặc điểm truyền thống.

Câu 2: Tượng gỗ phủ sơn “*Phật bà Quan Âm*” ở chùa Hội Hạ được tạc vào thời nào?

A. Thời Lê.

B. Thời Trần.

C. Thời Mạc.

D. Thời Nguyễn.

Câu 3: *Di sản văn hoá phi vật thể* gồm các loại hình nghệ thuật biểu diễn nào sau đây:

A. Lễ hội liên quan đến thiên nhiên, vũ trụ...và bí quyết truyền nghề để làm ra các sản phẩm thời trang.

B. Biểu diễn, nghi lễ, lễ hội, các phong tục tập quán liên quan đến thiên nhiên, vũ trụ, tri thức, kỹ năng...và bí quyết truyền nghề để làm ra các sản phẩm thủ công truyền thống.

C. Các phong tục tập quán liên quan đến đời sống hàng ngày của con người...và bí quyết trồng cây làm ra các sản phẩm thủ công truyền thống.

D. Biểu diễn các phong tục tập quán chỉ liên quan đến con người hiện tại...và bí quyết truyền nghề để làm ra các sản phẩm điêu khắc.

Câu 4: Sắp xếp các bước thiết kế bì sách trên phần mềm thông dụng theo thứ tự đúng:

1. Thiết kế hoặc lựa chọn kiểu chữ và sắp xếp logo, tên sản phẩm

2. Sử dụng bút vẽ trên phần mềm theo bản phác thảo

3. Vẽ màu và hoàn thiện thiết kế bì sách

4. Tìm ý tưởng và vẽ phác thảo

A. 1,2,3,4

B. 2, 1, 3, 4

C. 4, 2, 1, 3

D. 4, 2, 1, 3

Câu 5: Bức tranh “Đầu vật” – Tranh dân gian Đông Hồ được vẽ theo lối vẽ nào?

A. Vòn tía màu.

B. In màu.

C. Cán màu.

D. Chấm màu.

Câu 6: Tác phẩm hội hoạ “*Thuyền về bến*” của tác giả nào?



A. Vũ Duy Nghĩa

C. Đào Châu Hải

Câu 7: Tượng “*Bác Hồ với thiếu nhi*” của nhà điêu khắc nào?

A. Vũ Cao Đàm

C. Diệp Minh Châu

B. Lê Văn Nhường

D. Lê Văn Hải.

B. Phạm Mười

D. Nguyễn Hải

Câu 8: Thiết kế logo hướng đến các yếu tố nào sau đây?

A. Cầu kì, chi tiết, tỉ mỉ về hình, mảng, màu sắc.

B. Tối giản, lược bớt các chi tiết hình, mảng, màu sắc.

C. Đơn giản, khỏe khoắn, tỉ mỉ về hình, mảng, màu sắc.

D. Dứt khoát, khỏe khoắn về hình, mảng, màu sắc.

Câu 9: Sắp xếp các bước để tạo ra một sản phẩm thiết kế thời trang:

1. Phác thảo các kiểu dáng mẫu của bộ sưu tập.

2. Hoàn thiện và thể hiện sản phẩm.

3. Vẽ mẫu minh họa (xây dựng biểu tượng, cấu trúc, phương án phối màu).

4. Xây dựng ý tưởng cho trang phục (tìm hiểu xu hướng thiết kế mới để tạo cảm hứng sáng tạo ý tưởng).

A: 1,2,3,4

B: 3,2,1,4

C: 4,1,3,2

D: 3,1,4,2

Câu 10: Ý nghĩa cơ bản của khẩu hiệu, biểu ngữ là:

A. Là sản phẩm của mỹ thuật cơ bản, nhằm truyền đạt thông tin tới người đọc, người xem.

B. Là sản phẩm của mỹ thuật ứng dụng để truyền đạt thông tin, tạo ấn tượng mạnh.

C. Là sản phẩm của hội họa mang tính chất tuyên truyền, cổ vũ.

D. Là sản phẩm của nghệ thuật trang trí mang tính cân đối và hài hòa.

Câu 11: Chân dung nhân vật nào được lựa chọn làm hình mẫu để vẽ mô phỏng?

A. Tranh “ Phụ nữ và con chồn”- Leonardo-da vinci.

B. Chân dung tự họa - Rembrad van rin.

C. Chân dung Ladonna vilata.- Raphael

D. Chân dung Mona Lisa - Leonardo-da vinci.

Câu 12: Thiết kế bìa sách thuộc thể loại nào?

A. Hội họa.

C. Điêu khắc.

B. Đồ họa.

D. Thời trang.

Câu 13: Bức tượng David của Michelangelo được làm bằng chất liệu gì?

A. Thạch cao.

C. Đá xanh.

B. Đá cẩm thạch.

D. Đồng.

Câu 14: Thiết kế chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới được chạy bằng nguyên liệu gì?

A. Dầu.

C. Ga.

B. Động cơ hơi nước.

D. Xăng

Câu 15: Có thể tạo ra một sản phẩm thời trang từ những chất liệu nào sau đây?

A. Cotton.

B. Polyester.

C. Silk (Lụa).

D. Tất cả các chất liệu trên.

Câu 16: Ứng dụng hoa văn trang trí trên trang phục của các dân tộc thiểu số Việt Nam vào thiết kế trang phục hiện đại chính là việc:

A. Giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc.

B. Giữ gìn phong cách văn hóa của dân tộc.

C. Thể hiện cá tính, phong cách riêng của từng người.

D. Thể hiện dấu ấn riêng biệt, đặc trưng của các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Câu 17: Các bước thiết kế bìa sách theo thứ tự là?

A. Tìm bố cục vẽ phác mảng hình, chữ, vẽ chi tiết, vẽ màu, hoàn thiện.

B. Vẽ phác mảng hình, chữ, vẽ chi tiết, vẽ màu, hoàn thiện.

C. Tìm bố cục, vẽ chi tiết, vẽ màu, hoàn thiện.

D. Tìm bố cục, vẽ phác mảng hình, chữ, vẽ chi tiết, hoàn thiện.

Câu 18: Khi thiết kế đồ chơi cần phải đảm bảo các yếu tố nào?

A. Tính thẩm mỹ.

B. Tính giải trí, giáo dục.

C. Tính tiện dụng.

D. Cả A,B,C.

Câu 19: Để may đo một bộ áo dài, nhà thiết kế cần có các số đo như:

A. Rộng vai, vòng cổ, vòng ngực, độ dài tay áo,...để may áo; vòng bụng, vòng hông, vòng đùi, độ dài của chân,...để may quần.

B. Vai, vòng đùi, độ dài tay áo,...để may áo; vòng bụng, vòng hông, vòng đùi, độ dài của chân,...để may quần.

C. Rộng vai, vòng cổ, vòng ngực, độ dài tay áo,...để may áo; vòng bụng, vòng hông, vòng ngực, độ dài của chân,...để may quần

D. Rộng vai, vòng cổ, vòng ngực, độ dài của chân,...để may áo; vòng bụng, vòng hông, vòng đùi, độ dài của chân,...để may quần.

Câu 20: Máy bay đầu tiên trên thế giới được thử nghiệm thành công vào năm nào?

A. 1903

B. 1910

C. 1890

D. 1930

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm



Môn: CÔNG NGHỆ - ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số **1036/QĐ-SGDĐT**, ngày **31** tháng **7** năm 2024)

I. Quy định chung

Hình thức thi: Gồm 02 bài thi:

1. Bài thi Lý thuyết: Trắc nghiệm

+ Thời gian làm bài thi: 30 phút.

+ Thang điểm chấm thi: 10 điểm.

+ Số câu trong đề thi: 23 câu

Phần I : 20 Câu trắc nghiệm **hiều phương án lựa chọn**, trả lời chọn một phương án

Mỗi câu hỏi, trả lời đúng 0,35 điểm

Phần II: 03 Câu **trắc nghiệm đúng sai**, trả lời cho mỗi ý (**đúng/sai**)

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm

Mỗi câu có 4 ý, chọn trả lời cho từng ý:

Trả lời chính xác: 1 ý trong câu hỏi được 0,1 điểm

2 ý trong câu hỏi được 0,25 điểm

3 ý trong câu hỏi được 0,5 điểm

4 ý trong câu hỏi được 1,0 điểm

+ Giới hạn kiến thức:

* Yêu cầu cần đạt tại chương trình sách giáo khoa môn công nghệ theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chương trình lớp 8: An toàn điện, Kỹ thuật điện, Thiết kế kỹ thuật

- Chương trình lớp 9: Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà

2. Bài thi Thực hành:

+ Thời gian làm bài thi: 120 phút.

+ Thang điểm chấm thi: 20 điểm.

+ Vận dụng thực tế, ứng dụng thiết kế, lắp mô phỏng trên bảng gỗ (hoặc vật liệu phù hợp), gồm mạch điện từ 4 đến 5 mạch cơ bản với các thiết bị được học trong chương trình lớp 9 và thiết bị tương đương cập nhật trong thực tế cùng chức năng. (Khuyến khích sử dụng các thiết bị có tính cập nhật và thực tiễn)

+ Công tác chuẩn bị dụng cụ, đồ dùng, thiết bị, vật liệu cho bài thực hành do nhà trường, giáo viên cùng học sinh tự chuẩn bị.

II. Cấu trúc đề thi lý thuyết

Năng lực	Cấp độ tư duy					
	Phần I			Phần II		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Nhận thức công nghệ	6	3	1	1		
Giao tiếp công nghệ	3	2	1	1	1	2
Sử dụng công nghệ		1	1	1	1	2
Đánh giá công nghệ	1				1	1
Thiết kế kỹ thuật		1				1
Tổng	10	7	3	3	3	6

-----HẾT-----

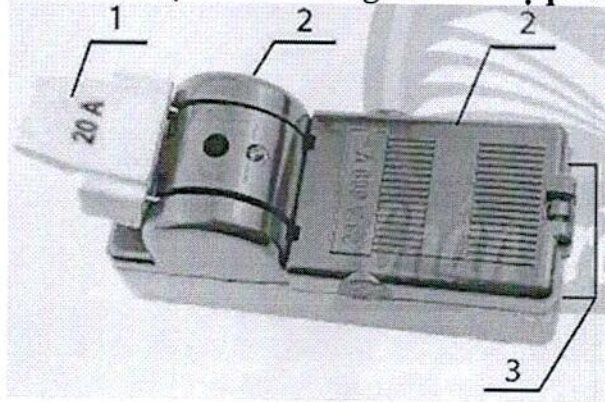


Họ và Tên thí sinh:

Số báo danh:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Quan sát hình sau và cho biết vị trí số 3 trong hình là bộ phận nào của cầu dao?



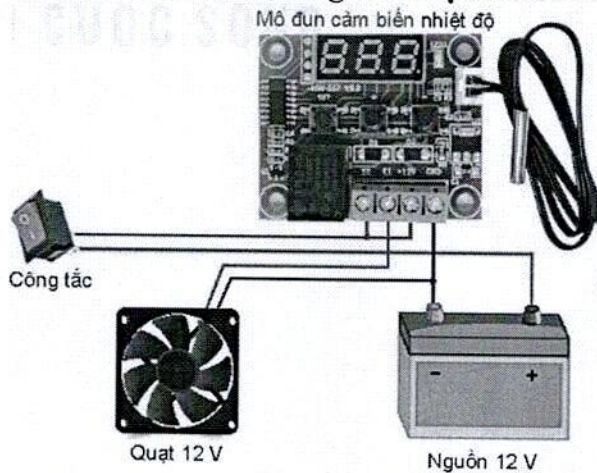
A. Cần đóng cắt.

B. Vỏ cầu dao.

C. Các cực nối điện

D. Vị trí ghi thông số kỹ thuật

Câu 2. Quan sát hình vẽ sau và cho biết chức năng của mạch điều khiển



A. Đèn tự động sáng khi trời tối và tự động tắt khi trời sáng

B. Động cơ bơm nước hoạt động/ dừng hoạt động khi độ ẩm thấp/ cao

C. Quạt tự động bật/ tắt khi nhiệt độ thấp/ cao hơn một giá trị nhất định

D. Đèn tự động sáng khi có người lại gần và tự động tối khi ra xa

Câu 3. Cầu dao còn được kết hợp với thiết bị nào để thực hiện chức năng bảo vệ sự cố ngắn mạch?

A. Bút thử điện

B. Cầu chì

C. Công tắc

D. Phích cắm

Câu 4. Người lao động làm ngành nghề liên quan đến lắp đặt mạch điện trong nhà cần có phẩm chất gì?

A. Tư duy, sáng tạo.

B. Nhanh nhẹn, tháo vát.

C. Có sức khỏe tốt, không bị mắc các bệnh về tim mạch, huyết áp, không sợ độ cao.

D. Chăm chỉ, trách nhiệm.

Câu 5. Aptomat không có chức năng nào sau đây?

- A. Đóng, cắt nguồn điện bằng tay
- B. Tự động cắt nguồn điện khi có sự cố quá tải, ngắn mạch
- C. Tự động đóng, cắt nguồn điện khi dòng điện rò
- D. Lấy điện để cung cấp cho các đồ dùng điện trong sinh hoạt.

Câu 6. Trong các ngành nghề sau, ngành nghề nào thuộc lĩnh vực kĩ thuật điện?

- A. Kĩ sư luyện kim
- B. Kĩ sư điện
- C. Kĩ thuật viên siêu âm
- D. Kĩ thuật viên kết cấu

Câu 7: Thiết bị đóng cắt mạch điện bao gồm:

- A. cầu dao, ổ cắm điện, aptomat, công tắc.
- B. cầu dao, phích cắm điện, ổ cắm điện.
- C. phích cắm điện, ổ cắm điện, công tắc.
- D. công tắc, cầu dao, aptomat.

Câu 8. Ổ cắm điện là gì?

- A. Là thiết bị lấy điện để cung cấp cho các đồ dùng điện.
- B. Là thiết bị điện dùng để đóng, cắt mạch điện.
- C. Là thiết bị bảo vệ an toàn cho các đồ dùng điện.
- D. Là thiết bị truyền điện năng cho các đồ dùng điện.

Câu 9. Tại sao lại nói thiết kế kĩ thuật có vai trò phát triển sản phẩm?

- A. Qua thiết kế kĩ thuật, các sản phẩm mới lần lượt được tạo ra, các sản phẩm cũ liên tục được cải tiến.
- B. Thiết kế kĩ thuật tạo ra hay nâng cấp các quy trình, bí quyết công nghệ để thực hiện công việc ngày càng hiệu quả hơn.
- C. Thiết kế kĩ thuật tìm kiếm những ý tưởng, giải pháp, thể hiện dưới dạng hồ sơ kĩ thuật để tạo ra sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu con người và giải quyết vấn đề trong cuộc sống.
- D. Thiết kế kĩ thuật là một hoạt động sáng tạo, liên quan đến ngành nghề trong nhiều lĩnh vực.

Câu 10. Mô đun cảm biến nhiệt độ được sử dụng như nào trong đời sống?

- A. Bật, tắt đèn tự động khi có người đi lại.
- B. Đóng mở tự động rèm cửa.
- C. Sử dụng trong máy tạo ẩm.
- D. Sử dụng trong máy điều hòa không khí, quạt điện

Câu 11. Bước đầu tiên trong quy trình lắp đặt mạng điện trong nhà:

- A. tìm hiểu sơ đồ nguyên lí .
- B. vẽ sơ đồ lắp đặt.
- C. chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật liệu.
- D. lắp đặt mạng điện.

Câu 12. Trên cầu dao ghi 250V – 10A nghĩa là gì?

- A. Điện áp định mức là 15A
- B. Cường độ dòng điện định mức là 250V.
- C. Điện áp định mức là 250V.
- D. Cường độ dòng điện định mức là từ 10 – 250V.

Câu 13. Nội dung nào sau đây thuộc bước thứ hai trong quy trình lắp đặt mạng điện?

- A. Xác định nhiệm vụ thiết kế.
- B. Xác định thiết bị và mối liên hệ giữa các thiết bị.
- C. Nghiên cứu sơ đồ nguyên lí.
- D. Xác định vị trí thực tế của thiết bị, đồ dùng điện.

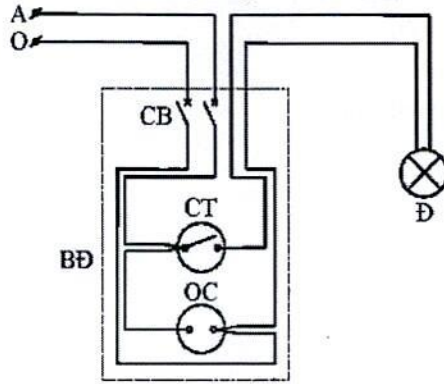
Câu 14. Tính chi phí cho từng chủng loại thiết bị, vật liệu theo đơn giá được tính bằng cách nào?

- A. Cộng số lượng với đơn giá.
- B. Nhân số lượng với đơn giá
- C. Chia số lượng với đơn giá.
- D. Trừ số lượng với đơn giá.

Câu 15. Nội dung nào sau đây thuộc bước kiểm tra mạch điện khi chưa cấp điện?

- A. Kiểm tra các mối nối dây.
- B. Kiểm tra điện áp nguồn trước vào sau CB bằng VOM hoặc bút thử điện.
- C. Kiểm tra điện áp sau CB hoặc tại OC bằng VOM hoặc bút thử điện.
- D. Kiểm tra hoạt động của mạch điện theo nguyên lí.

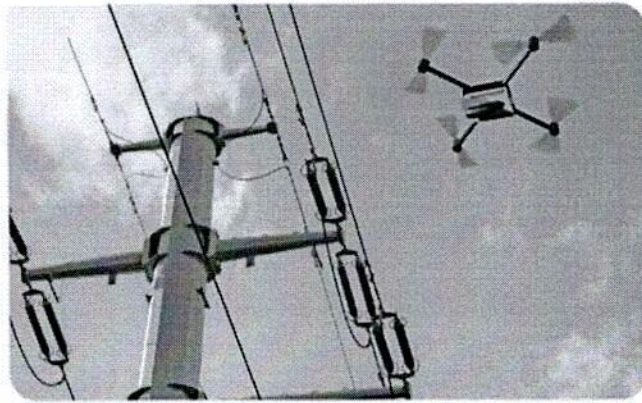
Câu 16. Quan sát hình sau và cho biết đây là loại sơ đồ nào?



- A. Sơ đồ nguyên lí.
C. Sơ đồ minh họa.

- B. Sơ đồ lắp đặt
D. Sơ đồ cấu tạo.

Câu 17. Quan sát hình ảnh và cho biết đây là nguyên nhân gây tai nạn điện nào?



- A. Tiếp xúc trực tiếp với vật mang điện.
B. Vi phạm khoảng cách bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và trạm biến áp.
C. Đến gần vị trí dây dẫn điện có điện bị rơi xuống đất.
D. Thiết bị độ dùng quá tải và cháy nổ.

Câu 18. Hãy xác định thứ tự các thao tác để tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện sao cho hợp lí và an toàn dựa vào các gợi ý dưới đây:

1. Tìm các dụng cụ, đồ dùng có thể dùng để tách nạn nhân một cách an toàn.
2. Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện.
3. Quan sát đường điện dẫn đến chỗ có tai nạn để tìm cầu dao, cầu chì, công tắc, aptomat,...

- A. 1 - 2 - 3 B. 1 - 3 - 2 C. 2 - 3 - 1 D. 3 - 1 - 2

Câu 19. Aptomat (CB) để lắp đặt cho mạng điện trong nhà được lựa chọn theo thông số kĩ thuật nào?

- A. Điện áp định mức ghi trên vỏ CB phải nhỏ hơn điện áp nguồn.
B. Điện áp định mức ghi trên vỏ CB có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn điện áp nguồn.
C. Điện áp định mức ghi trên vỏ CB phải lớn hơn hoặc bằng điện áp nguồn.
D. Điện áp định mức ghi trên vỏ CB phải nhỏ hơn hoặc bằng điện áp nguồn.

Câu 20. Hãy xác định vấn đề cho tình huống dưới đây:

Gia đình Nam sử dụng dây phơi ngoài trời, đây là cách làm quần áo khô tự nhiên dựa vào ánh nắng mặt trời, tiết kiệm chi phí. Một hôm, do không có ai ở nhà, toàn bộ quần áo phơi bị ướt khi trời mưa, Nam phải giặt lại toàn bộ số quần áo trên. Nam không muốn điều này xảy ra nữa.

- A. Nam muốn quần áo tự động giặt khi không có ai ở nhà.
B. Nam muốn quần áo phơi ở ngoài trời.
C. Nam muốn quần áo phơi không bị ướt khi không có ai ở nhà.
D. Nam muốn quần áo khô nhanh chóng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu 1: Một nhóm học sinh đang tìm hiểu về đặc điểm của một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật điện, mỗi người đưa ra một ý kiến:

- Kĩ sư điện được đào tạo tại các trường dạy nghề.
- Thợ lắp ráp và thợ cơ khí điện lắp đặt, sửa chữa đường dây điện.
- Tư vấn, thiết kế hệ thống cho các thiết bị điện là một công việc của một kĩ sư điện.
- Các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật điện chỉ có kĩ sư điện; thợ lắp ráp và thợ cơ khí điện.

Câu 2: Một nhóm học sinh có đưa ra một số ý kiến về việc lựa chọn thiết bị, dụng cụ, vật liệu cho phù hợp với mạng điện trong nhà:

- Lựa chọn vật liệu cách điện dùng cho mạng điện trong nhà không cần chú ý đến nguồn gốc xuất xứ từ các đơn vị sản xuất.
- Tiêu chí khi lựa chọn các thiết bị điện phải chú ý đến dòng điện định mức và điện áp định mức.
- Đồng hồ vạn năng, vôn kế là dụng cụ để kiểm tra điện áp của mạng điện.
- Khi chọn aptomat, ổ cắm điện, phích cắm điện ta chọn dòng điện định mức của các thiết bị đó phải bằng dòng điện tiêu thụ được tính toán cho mạch điện.

Câu 3: Dưới đây là một số ý kiến của một bạn học sinh về cấu trúc chung của mạch điện:

- Nguồn điện có chức năng tạo ra điện năng nhờ chuyển hóa từ các dạng năng lượng khác.
- Quạt điện, công tắc điện, nồi cơm điện là các phụ tải điện.
- Cấu trúc chung của mạch điện gồm có: nguồn điện; bộ phận truyền dẫn, đóng cắt, điều khiển và bảo vệ; phụ tải điện.
- Nguồn điện được tạo ra từ pin, ắc quy, máy biến áp, máy phát điện.

-----Hết-----

Phần 1: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,35 điểm.)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	11	A
2	C	12	C
3	B	13	D
4	D	14	B
5	D	15	A
6	B	16	B
7	D	17	B
8	A	18	D
9	A	19	C
10	D	20	C

Phần 2: (Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm)

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5** điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **1** điểm.

Câu	Lựa chọn	Đáp án (Đ/S)
1	a	S
	b	S
	c	Đ
	d	S
2	a	S
	b	Đ
	c	Đ
	d	S
3	a	Đ
	b	S
	c	Đ
	d	S

-----Hết-----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HẢI PHÒNG

ĐỀ MINH HOẠ

(Đề thi gồm 01 trang)

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ
CẤP THCS NĂM HỌC 2024 - 2025

ĐỀ THI THỰC HÀNH
MÔN: CÔNG NGHỆ - ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHIỆP
Thời gian: 120 phút (không kể thời gian giao đề)
(Thang điểm: 20 điểm)

Với nhu cầu sử dụng điện của một người trong một căn hộ nhỏ có hành lang

- Chiều sáng hành lang: 01 đèn.
- Chiều sáng trong căn hộ: 01 đèn chiếu sáng chung, 01 đèn làm việc, 01 đèn ngủ, 01 đèn chiếu sáng nhà vệ sinh.

(Theo yêu cầu của chủ hộ, để thực hiện tiết kiệm điện năng dùng loại bóng đèn tiết kiệm điện, thiết kế chiếu sáng trong căn hộ và lựa chọn thiết bị đóng - cắt mạch điện tối ưu để ở mỗi nhu cầu (**chiếu sáng chung, ngủ**) chỉ 1 trong 2 đèn hoạt động).

- 01 ổ điện cấp cho thiết bị 220V-1000W.
- 01 ổ điện cấp cho thiết bị 110V-500W.

Mạng điện trong căn hộ được đóng - cắt bằng một cầu dao điện tự động.

Bằng kiến thức đã học em hãy lựa chọn các thiết bị chiếu sáng, đóng - cắt và bảo vệ đảm bảo cho việc sử dụng an toàn, tiết kiệm điện năng, sử dụng hợp lý, khoa học và theo yêu cầu của người sử dụng. Em hãy lắp đặt mô phỏng hoàn thiện mạng điện trên. (Khuyến khích sử dụng một thiết bị có tính cập nhật công nghệ mới và thực tiễn)

---Hết---

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:

Cán bộ coi thi 1: Cán bộ coi thi 2:

ĐỀ MINH HOẠ

HƯỚNG DẪN CHẤM THI THỰC HÀNH
MÔN: CÔNG NGHỆ - ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHIỆP
(Thang điểm: 20 điểm)

(Hướng dẫn chấm gồm 01 trang)

TT	Tiêu chí đánh giá	ĐIỂM	
		Thành phần	Tổng
I. Lắp đặt đúng nhu cầu sử dụng:			
1	Mỗi mạch nhánh được bảo vệ bằng một cầu chì hoặc aptomat riêng	1,0	10 điểm
2	Mạch điện chiếu sáng đèn hành lang : - Sử dụng 2 công tắc 3 cực điều khiển 1 đèn. (1,5đ) - Sử dụng cảm biến hiện diện hoặc cảm biến chuyển động, hồng ngoại. (2,0đ) (Chú ý : Mạch đèn hành lang phụ thuộc Aptomat trừ 1,0đ)	2,0	
3	Mạch điện chiếu sáng trong căn hộ : - Sử dụng 01 mạch chiếu sáng luân phiên 1 công tắc ba cực điều khiển 2 đèn (chiếu sáng chung và ngủ) và 02 mạch đơn, hai công tắc 2 cực điều khiển hai đèn (làm việc, vệ sinh) (2,0đ) - Sử dụng 01 mạch chiếu sáng luân phiên 1 công tắc ba cực điều khiển 2 đèn (chiếu sáng chung và ngủ) và 01 mạch đơn, một công tắc 2 cực điều khiển đèn làm việc. Đèn nhà vệ sinh sử dụng cảm biến hiện diện hoặc cảm biến chuyển động, hồng ngoại. (3,0đ) (Chú ý : Mạch chiếu sáng chung, ngủ không sử dụng mạch luân phiên trừ 1,0đ, thiếu công tắc 2 cực điều khiển mạch luân phiên trừ 0,5 đ)	3,0	
4	Có thể hiện lựa chọn thiết bị chiếu sáng thích hợp.	1,0	
5	Chọn lắp đủ, đúng số lượng thiết bị. (Thiếu, thừa trừ 0,3đ/thiết bị)	1,0	
6	Bố trí hợp lý, khoa học, tiện dụng, sáng tạo. (Thiếu bảng trừ 1đ/ bảng; thừa trừ 0,5đ/ bảng)	2,0	
II. Kỹ thuật lắp đặt:			
7	Vận hành tốt từng mạch. (Mỗi mạch đúng 0,6đ)	3,0	10 điểm
8	Các thiết bị chắc chắn và an toàn khi sử dụng. (Mỗi thiết bị lỗi trừ 0,5đ)	2,0	
9	Các mối nối dây chắc chắn, đúng kỹ thuật, an toàn. (Mỗi thiết bị lỗi trừ 0,5đ)	1,0	
10	Ổ điện 110V lắp bảng và nẹp riêng. (Nếu không lắp riêng thì không trừ 0,5 điểm)	1,0	
11	Tính mỹ thuật của Sản phẩm. (Mỗi lỗi vi phạm trừ 0,5đ)	2,0	
12	Sáng tạo trong lựa chọn thiết bị, bố trí... (Bố trí thiếu hợp lý trừ 0,5đ)	1,0	
TỔNG			20 điểm



(Kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2024)

I. Quy định chung

1. Thời gian làm bài: 150 phút.
2. Hình thức thi: Lập trình giải các bài toán trên máy tính (học sinh được lựa chọn sử dụng ngôn ngữ lập trình (NNLT) C++ hoặc Python)
3. Định dạng: gồm 01 đề thi:
 - Số bài thi: 04 bài (câu)
 - Thang điểm: 30 điểm
 - Nội dung câu hỏi: Không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 3 năm gần nhất.
4. Giới hạn kiến thức: các nội dung về lập trình trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tin học cấp THCS¹, cụ thể:
 - Môi trường và các yếu tố cơ bản của một NNLT: hằng, biến, các cấu trúc điều khiển, các toán tử, các kiểu dữ liệu chuẩn, các câu lệnh vào/ra.
 - Tổ chức dữ liệu trong chương trình: Kiểu dữ liệu mảng một chiều và mảng hai chiều; Hàng đợi, ngăn xếp.
 - Lập trình giải bài toán có vận dụng kiến thức liên môn về số học.
 - Vận dụng các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp để giải quyết bài toán cụ thể.
 - Thiết kế thuật toán: Kỹ thuật Đệ quy; Kỹ thuật Chia để trị; Kỹ thuật Duyệt, Kỹ thuật Quay lui.

II. Cấu trúc đề thi

Đề thi gồm 04 bài toán có nội dung kiến thức khác nhau, điểm số cụ thể như sau:

Bài	Điểm	Cấp độ nhận thức
Bài 1	6.0	Mỗi bài chia thành nhiều cấp độ nhận thức khác nhau (nhận biết, thông hiểu, vận dụng - gọi là các Subtask).
Bài 2	7.0	
Bài 3	8.0	
Bài 4	9.0	
Tổng	30	

Chú ý: Bài thi được chấm bằng phần mềm chấm thi tự động Themis, dữ liệu chấm là các file test được chuẩn bị trước (dữ liệu vào/ra từ file văn bản); có so sánh thời gian chạy chương trình của thí sinh để đánh giá.

¹ Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo



**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
HẢI PHÒNG**

**KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ
CẤP THCS**

ĐỀ MINH HỌA

(Đề thi gồm 03 trang)

ĐỀ THI MÔN: TIN HỌC LẬP TRÌNH
Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

TỔNG QUAN VỀ ĐỀ THI

	File nguồn nộp	File dữ liệu	File kết quả	Biểu điểm
Bài 1	SEQ24.*	SEQ24.INP	SEQ24.OUT	6,0 điểm
Bài 2	BALL24.*	BALL24.INP	BALL24.OUT	7,0 điểm
Bài 3	DIVISOR24.*	DIVISOR24.INP	DIVISOR24.OUT	8,0 điểm
Bài 4	RANK24.*	RANK24.INP	RANK24.OUT	9,0 điểm

Chú ý:

- Bài thi được làm trên máy vi tính.
- Phần mở rộng * là PAS, PY hay CPP tùy theo ngôn ngữ và môi trường lập trình Pascal, C++ hay Python
- Học sinh đặt tên file chương trình theo đúng quy định của từng bài, không ghi bất kỳ thông tin cá nhân nào vào file bài làm (họ tên, số báo danh, ngày sinh, trường, các ký hiệu khác thường, ...).
- File input và output ở trong thư mục hiện hành, thí sinh không phải khai báo đường dẫn đến file input và output.

Bài 1. Cho dãy n số nguyên dương a_1, a_2, \dots, a_n .

Chúng ta biến đổi các số trong dãy theo quy tắc:

- Thay thế a_i bằng tổng các chữ số của a_i ($1 \leq i \leq n$);
- Lặp lại thao tác trên cho đến khi giá trị thu được chỉ có 1 chữ số.

Ví dụ: $a_i = 345 \rightarrow 12 \rightarrow 3$.

Yêu cầu: Tìm dãy con liên tiếp không giảm dài nhất thu được từ dãy số sau khi biến đổi.

Dữ liệu: vào từ file văn bản SEQ24.INP gồm:

- Dòng đầu tiên chứa số nguyên dương n ($1 \leq n \leq 10^5$);
- Dòng tiếp theo chứa n số nguyên dương a_1, a_2, \dots, a_n ($1 \leq a_i \leq 10^{10}$).

Kết quả: ghi ra file SEQ24.OUT độ dài dãy con liên tiếp không giảm dài nhất

Ví dụ:

SEQ24.INP	SEQ24.OUT
6	4
2 3 5 8 1 2	

SEQ24.INP	SEQ24.OUT
5	3
7 11 14 9 15	



u

Giải thích:

Test ví dụ 1: Dãy ban đầu không cần biến đổi, dãy con liên tiếp không giảm dài nhất là 2, 3, 5, 8

Test ví dụ 2: Dãy sau khi biến đổi: 7, 2, 5, 9, 6. Dãy con liên tiếp không giảm dài nhất là 2, 5, 9

Subtasks:

Subtasks:	Điểm	Giới hạn
1	$\frac{10}{35}$	a_i chỉ có 1 chữ số
2	$\frac{7}{35}$	a_i có 1 hoặc 2 chữ số
3	$\frac{18}{35}$	Không có giới hạn gì thêm

Bài 2. Cho n quả bóng gồm 2 màu xanh và đỏ xếp thành 1 hàng ngang đánh số từ 1 đến n theo thứ tự từ trái qua phải.

Chúng ta mã hóa dãy n quả bóng theo quy tắc:

- Dãy n quả bóng mã hóa thành 1 xâu gồm ký tự 0 hoặc 1
- Ký tự thứ i là 1 nếu số lượng quả bóng xanh từ i đến n là số lẻ, ngược lại ký tự thứ i là 0 nếu số lượng quả bóng xanh từ i đến n là số chẵn

Yêu cầu: Cho xâu ký tự mã hóa, hãy tìm dãy màu của n quả bóng ban đầu.

Dữ liệu: vào từ file văn bản **BALL24.INP** gồm:

- Dòng đầu tiên chứa số nguyên dương n ($1 \leq n \leq 600\,000$);
- Dòng tiếp theo chứa xâu ký tự mã hóa.

Kết quả: ghi ra file **BALL24.OUT** xâu ký tự độ dài n , ký tự i là b hoặc r tương ứng quả bóng ở vị trí i là màu xanh hoặc đỏ.

Ví dụ:

BALL24.INP	BALL24.OUT
8	brrbbrrr
01110100	

Subtasks:

Subtasks:	Điểm	Giới hạn
1	20%	$n = 2$
2	30%	$n \leq 20$
3	50%	Không có giới hạn gì thêm

Bài 3. Số d ($1 < d < n$) được gọi là ước số đặc biệt của n nếu $n/d = n\%d$

Ví dụ: $n = 8$ thì có ước số đặc biệt là 3 vì $8/3 = 2$ và $8\%3 = 2$

Yêu cầu: Cho 2 số nguyên dương a, b ($a < b$). Với mỗi giá trị n ($a \leq n \leq b$), hãy tìm ước số đặc biệt của n và tính tổng số lượng các ước số đặc biệt của n .

Dữ liệu: vào từ file văn bản **DIVISOR24.INP** gồm một dòng duy nhất chứa hai số nguyên dương a, b ($1 \leq a < b \leq 500\,000$);

Kết quả: ghi ra file văn bản **DIVISOR24.OUT** tổng số lượng tìm được.

DIVISOR24.INP	DIVISOR24.OUT
15 17	5

DIVISOR24.INP	DIVISOR24.OUT
4 8	6

Giải thích:

- Test 1: số 15 có 2 ước số đặc biệt là 4 và 14. Số 16 có hai ước số đặc biệt là 7 và 15. Số 17 có một ước số đặc biệt là 16.
- Test 2: Các số 4, 5, 6, 7 đều có 1 ước số đặc biệt lần lượt là 3, 4, 5, 6. Số 8 có 2 ước số đặc biệt là 3 và 7. Tổng có 6 ước số đặc biệt.

Subtasks:

Subtasks:	Điểm	Giới hạn
1	30%	$b - a \leq 1000$
2	70%	Không có giới hạn gì thêm

Bài 4. Có n học sinh tham gia kỳ thi học sinh giỏi tin học, mỗi học sinh đạt số điểm từ 1 đến 10^9 . Quy tắc xếp giải như sau:

- Học sinh đạt điểm cao nhất (có thể có 1 hoặc nhiều học sinh) đạt giải nhất hay xếp hạng 1;
- Học sinh đạt điểm cao tiếp theo (có thể có 1 hoặc nhiều học sinh) đạt giải nhì hay xếp hạng 2;
- Tương tự cho các giải (xếp hạng) tiếp theo,...
- Chỉ xếp giải cho không quá 1000 học sinh.

Yêu cầu: Hãy cho biết số điểm của học sinh xếp hạng k được bao nhiêu điểm?

Dữ liệu: vào từ file văn bản **RANK24.INP** gồm:

- Dòng đầu tiên chứa số nguyên dương n, k ($1 \leq n \leq 10^6, 1 \leq k \leq 1000$);
- Dòng tiếp theo chứa n số nguyên dương a_1, a_2, \dots, a_n ($1 \leq a_i \leq 10^9$) là số điểm của n học sinh

Kết quả: ghi ra file văn bản **RANK24.OUT** số điểm của học sinh xếp hạng k , khi bảng xếp hạng có ít hơn k vị trí thì in ra điểm của học sinh xếp cuối cùng.

RANK24.INP	RANK24.OUT
10 3	4
4 1 4 1 9 8 9 8 8 8	

RANK24.INP	RANK24.OUT
7 4	5
5 6 5 6 5 6 6	

ĐÁP ÁN

Bài 1

```
#include <bits/stdc++.h>
#define task "SEQ24"
#define ll long long
using namespace std;

const int N = 1e6 + 5;
ll a[N];
int n;

int main()
{
    ios_base::sync_with_stdio(false);
    cin.tie(NULL);
    if (fopen(task".inp", "r"))
    {
        freopen(task".inp", "r", stdin);
        freopen(task".out", "w", stdout);
    }

    cin >> n;
    for (int i = 1; i <= n; i++)
    {
        cin >> a[i];
        while (a[i] >= 10)
        {
            ll tmp = 0;
            while (a[i]) tmp += a[i] % 10, a[i] /= 10;
            a[i] = tmp;
        }
    }

    int cur = 1, res = 1;
    for (int i = 2; i <= n; i++)
    {
        if (a[i] >= a[i-1]) cur++;
        else res = max(res, cur), cur = 1;
    }
    res = max(res, cur);
    cout << res;

    return 0;
}
```

Bài 2.

```
#include <bits/stdc++.h>
#define task "BALL24"
using namespace std;

const int N = 1e6 + 5;
char s[N], res[N];

int main()
```

```
{
    ios_base::sync_with_stdio(false);
    cin.tie(NULL);
    if (fopen(task".inp", "r"))
    {
        freopen(task".inp", "r", stdin);
        freopen(task".out", "w", stdout);
    }

    int n;
    cin >> n >> s+1;
    int cntB = 0, cntR = 0;
    for (int i = n; i >= 1; i--)
    {
        if (cntB % 2 == s[i] - '0') cntR++, res[i] = 'r';
        else cntB++, res[i] = 'b';
    }
    cout << res+1;

    return 0;
}
```

Bài 3.

```
#include <bits/stdc++.h>
#define task "DIVISOR24"
using namespace std;

int main()
{
    ios_base::sync_with_stdio(false);
    cin.tie(NULL);
    if (fopen(task".inp", "r"))
    {
        freopen(task".inp", "r", stdin);
        freopen(task".out", "w", stdout);
    }

    int a, b, res = 0; cin >> a >> b;
    for (int n = a; n <= b; n++)
    {
        int sq = sqrt(n);
        for (int i = 1; i <= sq; i++)
        {
            if (n % i == 0)
            {
                bool f = 0;
                if (n/i > i + 1) res += f = 1;
                if (n/(n/i) > n/i + 1) res++;
                if (f && i*i == n) res--;
            }
        }
    }
    cout << res;
}
```

return 0;
}

Bài 4.

```
#include <bits/stdc++.h>
#define task "RANK24"
using namespace std;

const int N = 1e6 + 5;
int a[N];

int main()
{
    ios_base::sync_with_stdio(false);
    cin.tie(NULL);
    if (fopen(task".inp", "r"))
    {
        freopen(task".inp", "r", stdin);
        freopen(task".out", "w", stdout);
    }

    int n, k, cur = 0; cin >> n >> k;
    for (int i = 1; i <= n; i++) cin >> a[i];
    sort(a+1, a+n+1, greater<int>());
    for (int i = 1; i <= n; i++)
    {
        cur += a[i] != a[i-1];
        if (cur == k)
        {
            cout << a[i];
            return 0;
        }
    }
    cout << a[n];

    return 0;
}
```



**UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS
MÔN GDCD 9 (NĂM HỌC 2024 - 2025)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDĐT, ngày 31/7/2024)

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thời gian: 90 phút.
2. Hình thức thi: 100% trắc nghiệm.
3. Định dạng: 45 lệnh hỏi
- 3.1. Phần I (Dạng thức 1):

Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ lệnh hỏi 1 đến lệnh hỏi 40. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

3.2. Phần II (Dạng thức 2):

Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ lệnh hỏi 41 đến lệnh hỏi 45. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

4. Thang điểm: 10 điểm

4.1. Phần I (Dạng thức 1): Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,15 điểm.

4.2. Phần II (Dạng thức 2): Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 0,8 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu được 0,2 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu được 0,4 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu được 0,8 điểm.

5. Giới hạn kiến thức: Lớp 8, 9 (Tính đến hết tháng 1 hàng năm của năm học lớp 9).

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- Biết: 20%
- Hiểu: 40%
- Vận dụng: 40%

TT	Phần	Chủ đề	Số lệnh hỏi	Dạng thức câu hỏi	Mức độ
1	Giáo dục đạo đức	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam 2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc. 3. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên 4. Lao động cần cù, sáng tạo 5. Bảo vệ lẽ phải 6. Sống có lí tưởng 7. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng 8. Bảo vệ hòa bình 9. Khoan dung 10. Khách quan và công bằng	24	- Dạng thức 1: 22 câu - Dạng thức 2: 02 câu	Biết, Hiểu; vận dụng



✓

2	Giáo dục kỹ năng sống	11. Xác định mục tiêu cá nhân.	5	- Dạng thức 1: 04 câu - Dạng thức 2: 01 câu	Biết, Hiểu; vận dụng
3	Giáo dục kinh tế	12. Lập kế hoạch chi tiêu	5	- Dạng thức 1: 04 câu - Dạng thức 2: 01 câu	Biết, Hiểu; Vận dụng
4	Giáo dục pháp luật	13. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại 14. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.	11	- Dạng thức 1: 10 câu - Dạng thức 2: 01 câu	Biết, Hiểu; Vận dụng

✓





**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề.

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 40. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sống có lí tưởng là

- A. xác định được mục đích cao đẹp và có kế hoạch, quyết tâm phấn đấu để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.
- B. xác định được mục đích cá nhân, kế hoạch hành động của bản thân và phấn đấu để đạt được mục đích đó nhằm đóng góp cho lợi ích cho gia đình mình, dòng họ mình.
- C. sống hết mình cho mục đích cá nhân và có kế hoạch, quyết tâm phấn đấu để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích của cộng đồng, quốc gia, nhân loại.
- D. xác định được mục đích cao đẹp và có tính toán để đạt được mục đích nhằm đóng góp cho lợi ích chung.

Câu 2. Em không đồng tình với ý kiến nào sau đây về người sống có lí tưởng?

- A. Không phải người sống có mục đích nào cũng đều là những người sống có lí tưởng vì chỉ có mục đích sống cao đẹp mới được gọi là lí tưởng.
- B. Người sống có lí tưởng là người có nhiều ước mơ, hoài bão lớn lao, vượt lên trên suy nghĩ của những người cùng thời.
- C. Người sống có lí tưởng là người luôn suy nghĩ và hành động để thực hiện mục tiêu chung của dân tộc.
- D. Đối với học sinh, tích cực học tập để mai sau lập nghiệp, góp phần xây dựng quê hương, đất nước chính là sống có lí tưởng.

Câu 3. Vận động viên Nguyễn Thị Mỹ Linh, một người không may mắn mất đi ánh sáng nhưng không ngừng phấn đấu vươn lên, trở thành một ngôi sao rực rỡ của thể thao người khuyết tật Việt Nam. Là một trong 20 gương mặt tiêu biểu của giải thưởng “Thanh niên sống đẹp” năm 2023. *Chị thể hiện lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay là*

- A. biết phấn đấu để hoàn thiện bản thân, sẵn sàng tiên phong vì mục tiêu của cá nhân mình.
- B. dành hết thời gian tham gia các hoạt động xã hội để thực hiện hóa lí tưởng, đóng góp cho sự phát triển chung.
- C. có ý chí, đam mê và có cảm hứng tìm tòi sáng tạo, thực hiện những cơ hội từ cuộc cách mạng 4.0 để đạt mục đích của bản thân.
- D. không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần làm rạng danh đất nước.

Câu 4. Vào tháng 7 hằng năm thầy và trò trường trung học cơ sở A lại háo hức tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa với những gia đình thương binh, liệt sĩ trên địa bàn của xã. *Việc làm của thầy trò trường A thể hiện rõ nhất truyền thống gì?*

- A. Truyền thống uống nước nhớ nguồn.
- B. Truyền thống yêu nước.
- C. Truyền thống tôn sư trọng đạo.
- D. Truyền thống nhân nghĩa.

Câu 5. Điền vào chỗ trống để hoàn thiện phát biểu sau: “Thay vì lên án người khác, hãy cố hiểu họ. Hãy cố tìm hiểu tại sao họ lại làm điều họ làm. Điều đó có ích và hấp dẫn hơn nhiều phê phán; và nó sinh ra sự cảm thông, ... và sự tử tế”. (Dale Carnegie).

- A. lòng khoan dung
- B. lòng nhân ái
- C. tôn trọng lẽ phải

D. sự sáng tạo

Câu 6. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của lòng khoan dung?

- A. Không phân biệt giới tính.
- B. Không bao giờ chấp nhận lỗi lầm của người khác.
- C. Không cố chấp, hẹp hòi, định kiến.
- D. Thoả hiệp với mọi người.

Câu 7. Các hoạt động tiêu biểu như: chương trình về nguồn, đền ơn đáp nghĩa, thấp nền tri ân các anh hùng liệt sĩ, chăm sóc, tôn tạo và phát huy giá trị các khu di tích lịch sử, di tích cách mạng, di tích văn hóa... là

- A. hoạt động bảo vệ môi trường
- B. hoạt động cộng đồng
- C. tự hào về truyền thống dân tộc
- D. cần cù, sáng tạo

Câu 8. Ý nào sau đây nêu lên ý nghĩa của hoạt động cộng đồng đối với mỗi cá nhân?

- A. Giúp đỡ được các hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.
- B. Tạo ra sự kết nối giữa các thành viên trong cộng đồng.
- C. Rèn luyện kỹ năng sống, sự trưởng thành, có trách nhiệm.
- D. Phát huy sức mạnh, trí tuệ của nhiều người trong cộng đồng.

Câu 9. Tôn trọng lẽ phải là

- A. thừa nhận, ủng hộ, hướng theo và bảo vệ những điều chính xác.
- B. cổ vũ, ủng hộ, hướng theo và bảo vệ những điều đúng đắn.
- C. công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn.
- D. công nhận, định hướng, đồng ý và bảo vệ những điều đúng đắn.

Câu 10. Khách quan là cách nhìn nhận sự vật, sự việc, con người dựa trên

- A. chứng cứ, sự thật và thông tin đa chiều.
- B. ý kiến, quan điểm, kinh nghiệm cá nhân.
- C. tham khảo ý kiến từ mọi người xung quanh.
- D. sưu tầm thông tin trên sách, báo, internet.

Câu 11. Kết quả cụ thể mà mỗi người mong muốn đạt được trong khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. mục tiêu công việc.
- B. mục tiêu cá nhân.
- C. kế hoạch cá nhân.
- D. thành quả cá nhân.

Câu 12. Phương án nào sau đây thể hiện đúng trình tự các bước lập kế hoạch chi tiêu?

- 1. Xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện.
 - 2. Thực hiện kế hoạch chi tiêu
 - 3. Thiết lập quy tắc thu, chi.
 - 4. Xác định các khoản cần chi.
 - 5. Kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu.
- A. 1, 2, 3, 4, 5.
 - B. 1, 4, 3, 2, 5.
 - C. 1, 3, 2, 5, 4.
 - D. 4, 3, 1, 2, 5.

Câu 13. Theo điều 146 Bộ luật lao động năm 2019 về lao động chưa thành niên thì thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi được quy định

- A. không được quá 07 giờ trong 01 ngày và 30 giờ trong 01 tuần, không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.
- B. không được quá 05 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần, được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

- C. không được quá 05 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần, được làm thêm giờ, không làm việc vào ban đêm.
- D. không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần, không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

Câu 14. Quyền nào sau đây là quyền lao động của công dân?

- A. Quyền tự do kinh doanh.
- B. Quyền sở hữu tài sản.
- C. Quyền được tuyển dụng lao động.
- D. Quyền học tập, nghiên cứu.

Câu 15. Vì sao chúng ta cần xác định mục tiêu cá nhân?

- A. Để có định hướng, động lực, trách nhiệm và tập trung tối đa khả năng để đạt được mong muốn.
- B. Để có định hướng, động lực, trách nhiệm, tập trung tối đa khả năng để đến gần hơn với thành công.
- C. Để có thể đến gần với thành công, tích lũy kinh nghiệm trong học tập và phát triển bản thân.
- D. Để có định hướng, động lực, trách nhiệm và tiêu tiền mà không cần suy nghĩ nhiều.

Câu 16. Trong buổi hội thảo về chủ đề: “Định hướng tương lai của bản thân” do lớp tổ chức, có nhiều ý kiến được đưa ra về yêu cầu xác định mục tiêu cá nhân. Theo em, khi xác định mục tiêu cá nhân cần phải:

- A. cụ thể, đo lường được, có khả năng thực hiện, có giá trị với bản thân, có lộ trình.
- B. rõ ràng, chi tiết, có khả năng thực hiện, có giá trị với bản thân mình và người khác có lộ trình.
- C. cụ thể, rõ ràng, chi tiết, đo lường được, có giá trị với bản thân mình và với người xung quanh, có lộ trình.
- D. cụ thể, rõ ràng, chi tiết, đo lường được, có khả năng thực hiện, có giá trị với đất nước, với dân tộc mình, có lộ trình.

Câu 17. Theo em, việc lưu giữ truyền thống tốt đẹp của dân tộc mang lại ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế và mang lại sự cân bằng trong các lĩnh vực đời sống xã hội.
- B. Tạo ra sự ổn định xã hội và góp phần duy trì những giá trị văn hóa cũ mà cha ông ta đã tạo ra.
- C. Đảm bảo sự phát triển văn hóa ổn định bền vững vì giữ nguyên vẹn được những phong tục cổ xưa trong cộng đồng.
- D. Tạo nền tảng cho lòng tự hào, tự tôn, cho sự phát triển và hạnh phúc của mỗi cá nhân và toàn dân tộc.

Câu 18. Việc làm nào sau đây của học sinh ảnh hưởng xấu đến việc kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

- A. Tích cực, tự giác, sáng tạo trong học tập và lao động, biết ơn những người có công với dân tộc.
- B. Đoàn kết, yêu thương, chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, xây dựng cộng đồng tiến bộ văn minh.
- C. Tích cực tham gia các hội nhóm tôn giáo từ bỏ gia đình, tôn thờ vật chất.
- D. Tuyên truyền, quảng bá lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc đến bạn bè quốc tế.

Câu 19. Em hiểu thế nào về câu nói: “Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời” (Bê-lin-xki)?

- A. Tuổi trẻ thì vẫn mãi cháy dù không có lí tưởng.
- B. Lý tưởng là những điều tuyệt vời mà đôi khi ít người trẻ có được.
- C. Tuổi trẻ thường non dại và dễ mắc sai lầm, thế nên cần có lí tưởng.

D. Lý tưởng giúp thanh niên sống có mục tiêu, chủ động trong cuộc sống hơn.

Câu 20. Ý nào sau đây nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới?

A. Tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc trên thế giới sẽ giúp duy trì những nét truyền thống cũ mà không ảnh hưởng nhiều đến quá trình hội nhập quốc tế.

B. Tìm hiểu văn hóa của các quốc gia giàu mạnh và bắt chước họ, sẽ giúp nước ta rút ngắn được thời gian đưa nước ta trở thành nền kinh tế phát triển.

C. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới có thể bổ sung thêm vào văn hóa của nước nhà những điều mới lạ.

D. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới giúp chúng ta sẽ có cơ hội tiếp thu những tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác.

Câu 21. Em đồng tình với quan điểm nào sau đây khi nói về hoạt động cộng đồng “Khi có nhiều cá nhân tham gia vào một hoạt động chung thì đó là hoạt động cộng đồng”.

A. Đồng ý, vì hoạt động cộng đồng là hoạt động của tập thể, của số đông người tham gia.

B. Không đồng ý, vì hoạt động đó cần phải mang giá trị, lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

C. Không đồng ý, vì hoạt động cộng đồng còn được tổ chức bởi những cá nhân người nổi tiếng.

D. Đồng ý, vì có nhiều người tham gia sẽ mang lại nhiều giá trị cho xã hội.

Câu 22. Trường THCS H đã vận động các em học sinh cùng quyên góp quần áo, sách vở cũ để ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở vùng cao. Em đồng tình với quan điểm nào sau đây khi nói về việc làm của trường H?

A. Việc làm của trường THCS H là thiết thực, thể hiện trách nhiệm của nhà trường trong việc tham gia hoạt động cộng đồng.

B. Việc làm của trường THCS H là không thiết thực vì quyên góp nên được tổ chức ở những nơi có điều kiện hơn, thay vì yêu cầu học sinh tham gia.

C. Việc làm của trường THCS H là tốt nhưng cần phải giới hạn quy mô để không ảnh hưởng đến việc học của các em học sinh trong nhà trường.

D. Việc làm của trường THCS H là không thiết thực vì các hoạt động từ thiện cần do các tổ chức lớn thực hiện để đạt hiệu quả cao hơn.

Câu 23. Ý nghĩa của việc bảo vệ hòa bình là

A. giúp tăng cường khả năng chiến đấu trong các cuộc xung đột.

B. giúp mọi người hiểu rõ về các kỹ thuật chiến tranh hiện đại.

C. nâng cao nhận thức và khuyến khích mọi người hành động vì hòa bình.

D. làm giảm sự cạnh tranh trong học tập và công việc.

Câu 24. Xác định mục tiêu tài chính khi lập kế hoạch chi tiêu mang lại lợi ích gì sau đây?

A. Giúp quản lý tiền và đầu tư một cách hiệu quả.

B. Giúp tiết kiệm và không chi tiêu vào công việc chung.

C. Giúp ta tránh được những khoản chi tiêu không hợp lí.

D. Giúp bản thân mỗi người có được nguồn tài chính dồi dào.

Câu 25. Em đồng ý với việc làm nào dưới đây về việc lập kế hoạch chi tiêu?

A. Chi tiêu hết tiền mỗi tháng để tháng sau có động lực kiếm thêm thu nhập.

B. Mua sắm theo sở thích để phục vụ nhu cầu cá nhân.

C. Xác định các khoản cần chi, ưu tiên cho những việc thiết yếu.

D. Thiết lập nguyên tắc thu chi, hạn chế tối đa việc tiêu tiền.

Câu 26. Việc sử dụng điện thoại di động khi đang đi xe có thể gây ra hậu quả nào sau đây?

A. Tạo tia lửa điện, dẫn đến cháy nổ nguy hiểm.

B. Sóng điện thoại sẽ làm xăng cháy chậm hơn.

C. Chạm phải hơi xăng, điện thoại dễ bị hư hỏng.

D. Làm cho người bán phân tâm, không tập trung vào việc đổ xăng.

Câu 27. Theo quy định pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào dưới đây được phép giữ, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và các chất độc hại?

A. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân được Nhà nước cấp phép và giao nhiệm vụ cụ thể.

B. Bất kỳ cá nhân nào có nhu cầu và đủ phương tiện cần thiết theo quy định.

C. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân đã được huấn luyện chuyên môn và có phương tiện an toàn.

D. Các cá nhân và tổ chức đã từng có kinh nghiệm trong việc sử dụng vũ khí, chất cháy nổ.

Câu 28. Phương án nào sau đây khẳng định lợi ích của việc lựa chọn hoạt động lao động phù hợp với bản thân?

A. Để có thể đáp ứng được với các yêu cầu mà công việc đề ra và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

B. Để có thể nhanh chóng tạo ra vật chất cần thiết phù hợp với nhu cầu của bản thân.

C. Công việc phù hợp với năng lực sẽ không giúp người lao động tạo ra thêm được các giá trị cho bản thân.

D. Làm việc trong môi trường lao động phù hợp sẽ không áp lực, thu nhập cao.

Câu 29. Khi em gặp một quan điểm khác biệt với quan điểm của mình, em chọn cách ứng xử nào sau đây để thể hiện là người có lòng khoan dung?

A. Không nói chuyện với người không cùng quan điểm.

B. Thảo luận lịch sự và tôn trọng để tìm ra giá trị tốt nhất.

C. Phê phán những quan điểm khác với quan điểm của mình.

D. Giữ im lặng và không biểu lộ ý kiến để tránh gây mất đoàn kết.

Câu 30. Bạn N rất thông minh, học giỏi nhưng hay chê bai người khác. Khi làm việc nhóm, N thường chỉ trích những điều thiếu sót của mọi người. Trong trường hợp này, em chọn cách ứng xử nào dưới đây?

A. Tránh xa và không chơi với N vì tính tình rất khó ưa, chơi cùng dễ bị bạn ấy nói xấu.

B. Nói với cô chủ nhiệm là N rất hay chê bai các bạn và khó khăn với mọi người khi làm việc nhóm.

C. Kêu gọi các bạn trong lớp tẩy chay N để N nhận ra lỗi của mình mà sửa chữa.

D. Nói chuyện, góp ý chân thành với N không nên chê bai người khác và cho N có cơ hội sửa sai.

Câu 31. Đoàn Thanh niên phát động phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” để dọn dẹp đường làng, ngõ xóm. Em muốn vận động người thân và bạn bè cùng tham gia. Trong các ý dưới đây, ý nào là cách vận động, thu hút các thành viên tham gia hoạt động xã hội trong tình huống trên?

A. Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia để làm đẹp cho đường làng, ngõ xóm thông qua loa phát thanh hoặc phân công các thành viên đến từng thôn.

B. Động viên, tổ chức các hoạt động giải trí vui nhộn cho mọi người trong quá trình tham gia hoạt động.

C. Chuẩn bị đồ ăn, nước uống tốt nhất cho mọi người để mọi người thấy thoải mái khi tham gia hoạt động chung.

D. Tìm hiểu trước địa điểm, hoàn cảnh của em nhỏ, chia sẻ với mọi người đầy đủ thông tin những đối tượng cần giúp đỡ.

Câu 32. Em sẽ làm gì để thúc đẩy hòa bình trong trường học?

A. Khuyến khích các bạn tham gia vào các cuộc tranh cãi.

B. Tham gia hoặc tổ chức các cuộc thi viết, vẽ tranh về chủ đề hòa bình

C. Tránh giao tiếp với các bạn có quan điểm khác biệt

D. Chỉ tập trung vào việc học, không quan tâm đến các vấn đề khác.

Câu 33. Trong giờ ra chơi, em phát hiện một số bạn trong lớp đang có tranh cãi căng thẳng về một chủ đề nhạy cảm. Tranh cãi này có nguy cơ dẫn đến xung đột. Em sẽ làm gì để giúp các bạn giải quyết tình huống này một cách hòa bình?

A. Khuyến khích các bạn tiếp tục tranh cãi để làm rõ vấn đề, dùng điện thoại quay lại gửi lên nhóm lớp để các bạn cùng vào bàn luận.

B. Im lặng để các bạn tự giải quyết. Đứng ngoài và ghi lại những gì xảy ra để báo cáo sau này.

C. Khuyến các bạn ngừng tranh cãi, cùng bình tĩnh để xem xét lại vấn đề, hoặc nhờ sự giúp đỡ từ giáo viên.

D. Đóng cửa để không làm phiền các lớp xung quanh. Khuyến các bạn k nên làm ồn, có gì để về ra khỏi trường giải quyết tiếp.

Câu 34. Đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi:

Tình huống. Bạn Mai dự định thi vào lớp 10 công lập với những trường ở top trên với mức trên 8 điểm một môn. Hiện tại, lực học của Mai chưa được ổn.

Câu hỏi: Nếu là Mai, để đạt được kết quả thi tốt, em sẽ thực hiện việc làm nào sau đây?

A. Xây dựng mục tiêu cá nhân cụ thể mà mình mong muốn đạt được trong một khoảng thời gian nhất định.

B. Tập trung vào việc giữ thái độ tích cực mà không cần quá chú trọng đến việc lập kế hoạch cụ thể.

C. Chỉ tham gia vào các hoạt động thể thao giải trí để giảm căng thẳng áp lực học tập, thi cử.

D. Chờ đợi kết quả thi mà không thay đổi gì trong việc đặt ra mục tiêu cụ thể.

Câu 35. Đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống. Anh Nam thường xuyên tiêu hết tiền lương hàng tháng của mình mà không còn dư để tiết kiệm. Anh nhận thấy mình thường chi tiêu nhiều vào những khoản không cần thiết như mua sắm quần áo mới và đi ăn uống với bạn bè.

Câu hỏi: Việc làm nào sau đây của anh Nam có thể giúp anh ấy có thêm tiền tiết kiệm?

A. Anh cần hạn chế vay mượn bạn bè tiền chi tiêu vào những việc vui chơi.

B. Anh nên đầu tư vào các sản phẩm tài chính trên mạng xã hội để dễ kiếm lợi nhuận.

C. Anh cần cắt giảm các khoản chi tiêu không cần thiết và lập kế hoạch chi tiêu cụ thể.

D. Anh phải ngừng hoàn toàn việc mua sắm và đi ăn uống với bạn bè để tiết kiệm tiền.

Câu 36. Quy trình bốn bước để xử lý một vụ cháy lớn được sắp xếp theo thứ tự nào dưới đây?

1. Báo động;

2. Cắt điện;

3. Dùng phương tiện và lực lượng tại chỗ để chữa cháy.

4. Gọi 114;

A. 1, 2, 4, 3.

B. 2, 1, 3, 4.

C. 4, 3, 2, 1.

D. 3, 2, 4, 5.

Câu 37. Trong một buổi học thực hành Hóa học, em phát hiện một chất hóa học độc hại bị đổ ra ngoài. Hóa chất này không có nhãn và không rõ nguồn gốc. Em đã được hướng dẫn sử dụng thiết bị bảo hộ. Để đảm bảo an toàn, em sẽ chọn cách xử lý nào sau đây?

A. Cố gắng xác định loại hóa chất bằng cách thử nghiệm và ghi lại phản ứng trước khi báo cho giáo viên.

B. Để chất hóa học tự khô trên sàn và chỉ thông báo cho giáo viên khi họ trở lại, vì bạn nghĩ nó không gây nguy hiểm ngay lập tức.

- C. Sử dụng bình nước để rửa sạch chất hóa học và sau đó thông báo cho giáo viên, mặc dù bạn không chắc liệu cách làm này có hiệu quả hay không.
- D. Đeo thiết bị bảo hộ, sử dụng các dụng cụ thu gom chất hóa học, và báo cáo ngay cho giáo viên để họ xử lý tình huống.

Câu 38. *Minh là một học sinh lớp 9, thường xuyên thấy cha mẹ sử dụng bếp gas để nấu ăn, nhưng đôi khi quên kiểm tra van gas sau khi nấu. Một lần, Minh nghe thấy tiếng xì nhẹ từ bếp gas và ngửi thấy mùi gas trong nhà. Minh đã cảm thấy lo lắng về nguy cơ cháy nổ và các nguy hiểm khác có thể xảy ra. Minh cần xử lý như thế nào để đảm bảo an toàn cho bản thân và gia đình trong tình huống này?*

- A. Nhanh chóng kiểm tra và khóa van gas, sau đó mở cửa sổ để thông gió và báo cho cha mẹ biết.
- B. Không phải làm gì cả vì việc đó không quan trọng và mọi chuyện sẽ ổn.
- C. Gọi điện ngay cho lực lượng cứu hỏa và chờ họ đến giải quyết vấn đề.
- D. Rời khỏi nhà ngay lập tức và để lại cửa mở mà không nên thực hiện bất kỳ biện pháp nào.

Câu 39. *Em và một người bạn muốn tham gia vào việc tổ chức câu lạc bộ tình nguyện tại trường học và cần lập một kế hoạch đơn giản. Để xây dựng một kế hoạch rõ ràng và đầy đủ thì em và các bạn cần phải làm gì?*

- A. Xác định công việc cụ thể mà em sẽ thực hiện và thời gian em có thể tham gia.
- B. Quy định về cách trang trí lớp học cho từng thành viên để khỏi tốn thời gian.
- C. Lên danh sách các hoạt động giải trí trong trường để đảm bảo không thiếu nội dung nào.
- D. Liệt kê các môn học em sẽ tham gia để thời gian biểu không bị đảo lộn.

Câu 40. Trang Web phòng cháy chữa cháy 3S đã thống kê những vụ cháy kinh hoàng những năm gần đây gây thiệt hại lớn về người và của, tiêu biểu như:

- Cháy nhà ở 6 tầng tại Định Công Hạ, Hà Nội, hậu quả làm 4 người tử vong (ngày 16/06/2024)
- Vụ cháy nhà trọ trong ngõ 119 Trung Kính, quận Cầu Giấy, Hà Nội, hậu quả làm 14 người tử vong (ngày 24/05/2024)
- Vụ cháy chung cư mini 29/70 phố Khương Hạ, quận Thanh Xuân, Hà Nội, hậu quả 56 người tử vong (ngày 12/9/2023)

Khi sống gần các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao, em nên làm gì để bảo vệ bản thân và gia đình để phòng chống cháy nổ?

- A. Mua đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy và để chúng ở khắp nơi trong nhà.
- B. Tham gia các lớp học về phòng cháy chữa cháy chuyên nghiệp và thực hành cứu hộ tại chỗ để có thể xử lý khi xảy ra đám cháy.
- C. Chỉ liên lạc với cơ quan cứu hộ khi xảy ra sự cố nghiêm trọng.
- D. Tuyên truyền cho gia đình và mọi người về nguy cơ cháy nổ và thường xuyên kiểm tra tình trạng các thiết bị điện và gas trong nhà, đảm bảo có sẵn các thiết bị phòng cháy chữa cháy và biết cách sử dụng chúng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 5 Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh ghi đúng hoặc sai vào phiếu trả lời.

Câu 1.

Ca sĩ Hà Anh Tuấn chia sẻ: "Thêm một người bắt tay trồng cây thì có thể góp một phần giúp mọi người chống bão lũ, bảo vệ môi trường, thiên nhiên". Với động lực này, ca sĩ Hà Anh Tuấn đã khởi xướng dự án *Rừng Việt Nam*, anh hợp tác với lực lượng thanh niên của các tỉnh đoàn, kiểm lâm để bắt tay vào trồng cây tại Đà Nẵng và Lâm Đồng.

Trích <https://vietnamnet.vn/rung-viet-nam-cua-ha-anh-tuan-duoc-gioi-thieu-trong-cam-on-cuoc-doi-700969.html>

- a. Việc làm của Hà Anh Tuấn phù hợp với chính sách bảo vệ môi trường của nhà nước ta được quy định tại điều 63 Hiến pháp 2013.
- b. Môi trường rừng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp gỗ cho các kiếm lâm vì vậy cần liên tục trồng mới để đảm bảo đủ rừng.
- c. Bảo vệ rừng, trồng rừng sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.
- d. Từ thông tin trên em sẽ góp phần lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên đến mọi người dân.

Câu 2.

Là gương mặt quen thuộc của giới khởi nghiệp lần giáo dục trong nước, anh Lê Đình Hiếu (35 tuổi) vẫn luôn khiến nhiều người choáng vì lịch hoạt động dày đặc, bản thành tích không ngừng nổi dài. Đình Hiếu mong muốn chia sẻ vài góc nhìn, đúc kết với các bạn trẻ: "Thứ nhất, chúng ta phải xác định rõ với bản thân đâu là điều đáng biết và đáng làm trong cuộc đời, không cần biết tất cả mọi thứ hay "chạy đua" theo bạn bè.

Kế đến, gia đình cần hạn chế gây áp lực đến người trẻ vì biết đâu khái niệm hạnh phúc, thành công của người này lại là nỗi đau của kẻ khác. Điều cuối cùng, giới trẻ cần ý thức vai trò, sự đóng góp của mình cho cộng đồng, nếu không thể tạo ra giá trị tích cực cho hàng triệu người thì đóng góp cho chục người vẫn có ý nghĩa, hoặc tạo ra giá trị cho gia đình hoặc chính mình cũng tốt".

Trích : <https://tuoitre.vn/le-dinh-hieu-cuoc-doi-dang-song-khi-tao-duoc-gia-tri-cho-nguoi-khac-2023082915482081.html>

- a) Qua thông tin trên em thấy anh Hiếu là người sống có lí tưởng tốt đẹp.
- b) Từ lời chia sẻ của anh Hiếu bản thân em sẽ cố gắng học tập phấn đấu để bản thân không phải thua kém ai.
- c) Bản thân em sẽ không ngừng nỗ lực để làm giàu cho bản thân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng, hỗ trợ các hoạt động vì sự phát triển bền vững và sự tiến bộ xã hội.
- d) Học sinh cần đặt mục tiêu học tập rõ ràng và nghiêm túc học tập để có kiến thức vững vàng. Duy trì lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.

Câu 3.

Chị Mai là một nhân viên văn phòng vừa nhận được khoản tiền thưởng cuối năm. Để sử dụng số tiền này một cách hiệu quả, chị đã quyết định lập kế hoạch chi tiêu. Chị xác định các mục tiêu tài chính bao gồm việc tiết kiệm cho một chuyến du lịch và đầu tư vào việc cải thiện không gian sống. Với việc chi tiêu hằng ngày chị không đưa vào kế hoạch vì tháng nào cũng chi những việc như nhau. Mặc dù chị có kế hoạch nhưng chị vẫn gặp khó khăn trong việc duy trì kế hoạch do các khoản chi tiêu không lường trước.

- a) Lập kế hoạch chi tiêu giúp chị Mai xác định các mục tiêu tài chính và phân chia ngân sách hợp lý cho từng mục tiêu.
- b) Muốn kế hoạch chi tiêu đạt hiệu quả nhất thiết phải điều chỉnh khi có các khoản chi tiêu phát sinh hoặc phải có một khoản dự phòng.
- c) Lập kế hoạch chi tiêu giúp chị Mai tránh được tất cả các vấn đề liên quan đến tài chính mà không cần kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch.
- d) Chị Mai phải lập kế hoạch chi tiết cho tất cả các hoạt động chi tiêu hằng ngày thì mới tránh được khó khăn về tài chính.

Câu 4.

Thực tế, pháp luật Việt Nam quy định khá chặt chẽ về lao động trẻ em, lao động chưa thành niên tại các điều 143-147 trong Bộ luật Lao động 2019. Cụ thể, Điều 143 Bộ luật Lao động 2019 quy định rõ lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi.

Với những người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi đã có thể được phép làm hầu hết các công việc. Pháp luật chỉ cấm tuyển dụng người trong độ tuổi này làm một số công việc cụ thể, hay làm việc ở một số nơi không phù hợp quy định chi tiết tại Điều 147 Bộ luật Lao động 2019.

(Theo: <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/thue-tre-em-di-hat-co-vi-pham-phap-luat->)

- a) Theo Bộ luật Lao động 2019, người lao động dưới 18 tuổi được coi là lao động chưa thành niên.
- b) Bộ luật Lao động 2019 cho phép người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm tất cả các công việc mà không có bất kỳ hạn chế nào.
- c) Theo quy định pháp luật Việt Nam, việc thuê người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm những công việc trong môi trường không phù hợp với sức khỏe và tâm lý của lứa tuổi này là vi phạm pháp luật.
- d) Pháp luật Việt Nam chỉ cấm hoàn toàn người dưới 18 tuổi làm việc mà không quy định chi tiết về công việc hoặc địa điểm làm việc.

Câu 5.

Tòa nhà xây sai phép, không có lối thoát nạn thứ hai và người dân thiếu kỹ năng ứng phó... là nguyên nhân khiến nhiều người chết trong vụ cháy chung cư mini. Chỉ trong hai giờ đêm 12, rạng sáng 13/9/2023, đám cháy chung cư mini tại phố Khương Hạ (Thanh Xuân, Hà Nội) đã khiến 56 người chết, 37 người bị thương. Vụ hỏa hoạn có số người chết lớn nhất trong 21 năm qua, chỉ sau vụ cháy Trung tâm Thương mại quốc tế ITC ở TP HCM năm 2002 (60 người chết, 70 người bị thương). Hàng loạt nguyên nhân được chỉ ra, cả chủ quan và khách quan.

Theo <https://vnexpress.net/vi-sao-nhieu-nguoi-chet-trong-vu-chay-chung-cu-mini-4653574.html>

- a) Vụ cháy chung cư mini tại phố Khương Hạ (Thanh Xuân, Hà Nội) ngày 13/9/2023 đã để lại hậu quả nặng nề. Cướp đi sinh mạng của 56 người, 37 người bị thương. Nguyên nhân khiến nhiều người chết là do tòa nhà xây sai phép, không có lối thoát nạn thứ hai và người dân thiếu kỹ năng ứng phó.
- b) Từ hậu quả của vụ cháy cho thấy mọi người cần phải tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- c) Mỗi người cần xác định việc phòng cháy chữa cháy là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và công an vì vậy cần gọi 114 khi phát hiện ra đám cháy.
- d) Khi phát hiện vật gây cháy mọi người cần tìm cách thoát khỏi đám cháy nhanh nhất.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN

PHẦN I.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,15 điểm**)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	21	B
2	B	22	A
3	D	23	C
4	A	24	A
5	A	25	C
6	C	26	A
7	B	27	B
8	C	28	A
9	C	29	B
10	A	30	D
11	B	31	A
12	B	32	B
13	D	33	C
14	C	34	A
15	A	35	C
16	A	36	A
17	D	37	D
18	C	38	A
19	D	39	A
20	D	40	D

PHẦN II

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **0,8 điểm**.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,50 điểm**.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được **0,8 điểm**

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	3	a	Đ
	b	S		b	Đ
	c	Đ		c	S
	d	Đ		d	S
2	a	S	4	a	Đ
	b	S		b	S
	c	Đ		c	Đ
	d	Đ		d	S
5	a	Đ			
	b	Đ			
	c	S			
	d	S			



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
GIÁO SƯ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG TỔNG HỢP KHUNG CÂU TRÚC ĐỀ THI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT, KỶ THI CHỌN HSG THÀNH
PHỔ CẤP THCS TỪ NĂM HỌC 2024-2025

I. KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

I. Bảng định dạng các môn trong Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT (đại trà)

TT	Môn thi	Hình thức	Thời gian	Thang điểm	Số câu trắc nghiệm			Giới hạn chương trình thi
					Phần 1	Phần 2	Phần 3	
1.	Toán	Trắc nghiệm	90 phút	10	12	4	6	Chương trình môn Toán THCS CT GDPPT 2018
2.	Tiếng Anh	Trắc nghiệm	60 phút	10	40	0	0	Chủ yếu môn tiếng Anh ở lớp 9 CT GDPPT 2018
3.	Tiếng Trung	Trắc nghiệm	60 phút	10	40	0	0	Chương trình GDPPT 2018 môn Tiếng Trung bậc THCS (trừ nội dung “giảm tải”)
4.	Tiếng Nhật	Trắc nghiệm	60 phút	10	40	0	0	Chương trình GDPPT 2018 môn Tiếng Nhật bậc THCS (trừ nội dung “giảm tải”)
5.	Tiếng Hàn	Trắc nghiệm	60 phút	10	40	0	0	Chương trình GDPPT 2018 môn Tiếng Hàn lớp 9 (2018-Bậc 1.4)
6.	Tiếng Pháp	Trắc nghiệm	60 phút	10	40	0	0	Chương trình GDPPT 2018 cấp THCS môn Tiếng Pháp
7.	Tiếng Nga	Trắc nghiệm	60 phút	10	40	0	0	ФОНЕТИКА, ЛЕКСИКО-ГРАММАТИКА, ГОВОРЕНИЕ, ИСПРАВЛЕНИЕ ОШИБОК ЧТЕНИЯ, ПИСЬМО
8.	KHTN	Trắc nghiệm	60 phút	10	16	3	6	Chủ yếu chương trình môn KHTN ở lớp 9 CT GDPPT 2018.
9.	LS&DL	Trắc nghiệm	60 phút	10	24	4	0	Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 CT GDPPT 2018.
10.	GDCCD	Trắc nghiệm	60 phút	10	24	4	0	Chủ yếu chương trình môn GDCCD ở lớp 9 CT GDPPT 2018.
11.	Ngữ văn	Tự luận	120 phút	10	07 câu tự luận/1 bài thi: - Phần Đọc hiểu: 05 câu; - Phần Viết: 02 câu.			Chủ yếu chương trình môn Ngữ văn ở lớp 8 và lớp 9 CT GDPPT 2018.



Ghi chú:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.
- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai.
- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu hỏi có 1 lệnh hỏi và kết quả mỗi lệnh có tối đa 4 chữ số.

2. Bảng định dạng các môn trong Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT (chuyên)

TT	Môn thi lớp chuyên	Hình thức	Thời gian	Thang điểm	Số câu/điểm/% trong đề thi	Giới hạn chương trình thi
1.	Toán	Tự luận	150 phút	10	05 câu Tự luận	Chương trình môn Toán lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
2.	Ngữ văn	Tự luận	150 phút	10	Phần Đọc hiểu: 02 câu; Phần Viết: 02 câu	Yêu cầu cần đạt về nội dung kiến thức môn Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9 chương trình GDPT 2018
3.	Tin học	Lập trình trên máy tính	150 phút	30	04 bài (câu): được lựa chọn sử dụng ngôn ngữ lập trình (NNLT) C++ hoặc Python	Chương trình môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018.
4.	KHTN (Vật lí)	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	10	TN: 15 câu (3 điểm); (TN dạng 1 lựa chọn) TL: 5 câu (7 điểm)	TN: CT GDPT môn KHTN lớp 9; TL: Năng lượng và sự biến đổi thuộc Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
5.	KHTN (Hóa học)	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	10	TN: 15 câu (3 điểm); (TN dạng 1 lựa chọn) TL: 4-6 câu (7 điểm)	TN: CT GDPT môn KHTN lớp 9; TL: Chất và sự biến đổi của chất thuộc Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
6.	KHTN (Sinh học)	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	10	TN: 15 câu (3 điểm); (TN dạng 1 lựa chọn) TL: 4-6 câu (7 điểm)	TN: CT GDPT môn KHTN lớp 9; TL: Chất và sự biến đổi của chất; Vật sống thuộc Chương trình môn Khoa học Tự nhiên lớp 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
7.	Lịch sử	Tự luận	150 phút	10	05 câu Tự luận	Phần Lịch sử trong môn Lịch sử và Địa lí lớp 9, Chương trình giáo dục phổ thông 2018

TT	Môn thi lớp chuyên	Hình thức	Thời gian	Thang điểm	Số câu/điểm/% trong đề thi	Giới hạn chương trình thi
8.	Địa lí	Tự luận	150 phút	10	05 câu Tự luận	Phần Địa lí trong môn Lịch sử và Địa lí lớp 6,8,9, Chương trình giáo dục phổ thông 2018
9.	Tiếng Anh	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	10	125 câu: - 40% trắc nghiệm; (TN dạng 1 lựa chọn) - 60% tự luận. (Bài Nghe trắc nghiệm số 1 đặt trong phần tự luận cùng bài Nghe số 2)	Kiến thức mức độ B1, B2, C1
10.	Tiếng Pháp	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	100	TN 1 lựa chọn (50%); TL (50%).	Chương trình môn Tiếng Pháp cấp THCS CT GDPPT 2018.
11.	Tiếng Trung	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	20	TN dạng 1 lựa chọn (6 điểm): 40 câu; TL (14 điểm): 61 câu	Chương trình GDPPT 2018 môn Tiếng Trung bậc THCS (trừ nội dung "giảm tải")
12.	Tiếng Nhật	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	100	TN dạng 1 lựa chọn: 9 bài TL (50 đ): 11 bài	Phạm vi kiến thức: 70% N4; 30% N3
13.	Tiếng Hàn	Trắc nghiệm và Tự luận	150 phút	100	76 câu/13 dạng bài; TN 1 lựa chọn (60%); TL (40%).	Chương trình GDPPT 2018 môn Tiếng Hàn lớp 9 (2018-Bậc 2.4)
14.	Tiếng Anh (đk)	Trắc nghiệm	60 phút	10	50 câu trắc nghiệm dạng một lựa chọn	70% kiến thức mức độ A2; 30% kiến thức mức độ B1
15.	Tiếng Pháp (đk)	Trắc nghiệm	60 phút	10	50 câu trắc nghiệm dạng một lựa chọn	Chương trình GDPPT 2018 cấp THCS môn Tiếng Pháp

II. KỶ THI CHỌN HSG THÀNH PHỐ CẤP THCS

TT	Môn thi	Hình thức	Thời gian	Thang điểm	Số câu TN/bài/nội dung			Giới hạn chương trình tính đến thời điểm thi theo mạch nội dung CT GDPT 2018 của Bộ GDĐT
					Phần I	Phần 2	Phần 3	
1.	Toán	Trắc nghiệm	90 phút	10	12	4	6	Chương trình môn Toán lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
2.	Tiếng Anh	Trắc nghiệm	90 phút	10	80	0	0	Chương trình môn Tiếng Anh lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
3.	Tiếng Pháp	Trắc nghiệm	90 phút	100	70	0	0	Chương trình GDPT 2018 cấp THCS môn Tiếng Pháp
4.	Tiếng Nhật	Trắc nghiệm	90 phút	100	60	0	0	Phạm vi kiến thức: N4
5.	KHTN	Trắc nghiệm	90 phút	20	24	6	16	Chương trình môn KHTN lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
6.	LS&DL	Trắc nghiệm	90 phút	10	Sử: 15 Địa: 15	Sử: 4 Địa: 4	0	Chương trình hết HKI môn Lịch sử và Địa lí lớp 9 Chương trình GDPT 2018.
7.	GDCCD	Trắc nghiệm	90 phút	10	40	5	0	Chương trình môn GDCCD lớp 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
8.	Âm nhạc	Trắc nghiệm	30 phút	10	20	0	0	Chương trình môn Âm nhạc lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
		Thực hành	15 phút	20	Hát, Đọc nhạc, Nhạc cụ			
		Trắc nghiệm	30 phút	10	20	0	0	
9.	Mĩ thuật	Thực hành	120 phút	20	- Vẽ hoặc thiết kế Mỹ thuật; - Phân tích và đánh giá sản phẩm.			Chương trình môn Mĩ thuật lớp 6, 7, 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018.
		Trắc nghiệm	30 phút	10	20	0	0	
10.	Công nghệ (CN)	Trắc nghiệm	30 phút	10	20	3	0	Chương trình môn Công nghệ lớp 8 (<i>An toàn điện, Kỹ thuật điện, Thiết kế kĩ thuật</i>), lớp 9 theo Chương trình GDPT 2018.
		Thực hành	120 phút	20	Vận dụng thực tế, ứng dụng thiết kế, lắp mô phỏng trên bảng gỗ			

TT	Môn thi	Hình thức	Thời gian	Thang điểm	Số câu TN/bài/nội dung			Giới hạn chương trình tính đến thời điểm thi theo mạch nội dung CT GDPT 2018 của Bộ GDĐT
					Phần I	Phần 2	Phần 3	
11.	Tin học	Lập trình trên máy tính	150 phút	30	04 bài (câu): được lựa chọn sử dụng ngôn ngữ lập trình C++ hoặc Python			Chương trình môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018.
12.	Ngữ văn	Tự luận	150 phút	10	04 câu tự luận/1 bài thi: - Phần Đọc hiểu: 02 câu; - Phần Viết: 02 câu.			Chủ yếu CT GDPT 2018 môn Ngữ văn ở lớp 8 và lớp 9.

Ghi chú:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.
- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai.
- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu hỏi có 1 lệnh hỏi và kết quả mỗi lệnh có tối đa 4 chữ số.

-----HẾT-----